

3.	Carnitin Amino Mix	Vitamin B6, B12, Nicotinamide, Ca-Pantothenate, L-Carnitine, Sodium-Glutamic acid, Sorbitol, Lysine, Methionine	Chai, Can	250ml, 1; 5; 25lit	Phòng gan nhiễm mỡ trên gia cầm.	XVE-3
4.	Liver Tonic	Vitamin B1, B12, Cholin Chloride, Nicotinamide, Ca-Pantothenate, Inosit	Chai, Can	250ml, 1; 5; 25lit	Tăng cường bảo vệ gan, cải thiện khả năng tiết các men tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	XVE-4
5.	Carnitin Mix	Sorbitol, L-Carnitine, Cholin Chloride, Methionine, Magnesium.	Chai, Can	250ml, 1; 5; 25lit	Trị rối loạn trao đổi chất, bảo vệ gan trên gia súc, gia cầm.	XVE-5

HÀ LAN (NEITHERLAND)

1. CÔNG TY AKZONOBEL CHEMICALS B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Choline Chloride	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-1
2.	Choline Chloride 5% on silica carrier	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-2
3.	Choline Chloride 50% on veretabl	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-3

2. CÔNG TY DUTCHFARM VETERINARY PHARMACEUTICALS B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Trim/ Sul D 40/ 200 Inj	Trimetoprim Sulfamethoxazol	Chai	50; 100 ml	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazol	DUTCH-3
2.	Trim/ Sul M 40/ 200 Inj	Trimetoprim Sulfadoxine	Chai	50; 100 ml	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadoxine	DUTCH-4

3.	Thiamphenicol Oral 10%	Thiamphenicol	Chai, bình	50; 100 ml 1000ml, 25 lít	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr (-) và vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol	DUTCH-5
4.	Colistin 4800W.S.P	Colistin sulfate	Gói, Lọ	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin gây ra như colibacillosis và salmonellosis	DUTCH-6
5.	Dufafloxacin 10% inj	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột, nhiễm khuẩn thứ phát do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	DUTCH-7
6.	Dufafloxacin 10% oral	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	DUTCH-8
7.	Dufamox 15% L.A. Inj	Amoxicillin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn	DUTCH-9
8.	Oxytetracyclin 20% L.A Inj	Oxytetracyclin	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm vú, viêm xoang, viêm ống tiết niệu, sốt ngã nước, thối móng và áp xe gan trên trâu, bò, lợn, cừu	DUTCH-10
9.	Tylo-dox Plus W.S.P.	Doxycycline hyclate; Tylosin tartrate	Gói, Lọ	100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	DUTCH-11
10.	Dufamox-G 150/40 Inj	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	100; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng niệu đạo, tụ huyết trùng, colibacillosis và áp xe	DUTCH-12
11.	Dufamec 1% Inj	Ivermectin	Chai	50; 100; 500ml; 1l.	Trị nội, ngoại kí sinh trùng ở trâu bò, lợn, cừu, chó, mèo.	DUTCH-13
12.	Dufanor 20% Oral	Norfloxacin	Chai	100; 500ml; 1l.	Trị CRD, CRD-complex, Colibacillosis, Tụ huyết trùng, staphylococcosis và Streptococcus trên gia cầm.	DUTCH-14
13.	Iron Dextran 20% Plus	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	100; 500ml; 1l.	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, lợn con	DUTCH-15
14.	Pen/Strep 20/20 Inj	Penicillin G, Dihydrostreptomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin G và Dihydrostreptomycin ở Trâu bò, ngựa, bê nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	DUTCH-17

15.	Tylosin 20% Inj	Tylosin tartrate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin ở trâu bò, cừu và lợn.	DUTCH-18
16.	Dufaminovit Oral	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B5, B6, C, Alanine, Arginine, Aspartic, Glutamic, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophane, Tyrosine, Valine.	Chai	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu.	DUTCH-19
17.	Dufavit AD3E 80/40/20 Inj	Vitamin A, D3, E	Lọ	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu.	DUTCH-20
18.	Dufavit AD3E 100/20/20 Oral	Vitamin A, D3, E	Lọ	100ml	Trị thiếu vitamin và amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu.	DUTCH-21
19.	DUFACOC 200 PLUS W.S.P	Amprolium HCl, Sulfamonomoxaline sodium	Gói, Chai	100; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng trên bê, nghé, cừu, lợn, gia cầm.	DUTCH-22
20.	Cloxa-ben Dry Cow	Cloxacillin benzathine; Butyhydroxytoluene; Aluminiummonostearate	Ống tiêm	9g	Trị viêm vú trên trâu, bò	DUTCH-23
21.	Doxycycline 20% w.s.p	Doxycycline Hydrochloride	Gói	100 g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, lợn.	DUTCH-24
22.	Gentamycine 10% Inj	Gentamycine (as sulfate)	Chai, lọ	10ml; 50ml; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với gentamycin gây ra trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu	DUTCH-25
23.	Megavit B-Complex + C Inj	Vitamin B1; B2; B3; B5; B6; B12; Ascorbic acid	Chai, Lọ	100ml; 500ml; 1000ml	Trị và phòng bệnh thiếu vitamin B, C trên trâu, bò, ngựa cừu, lợn và mèo.	DUTCH-26

24.	Multivit Inj	Vitamin A; E; B1; B2; B3; B5;B6; B12; C; D3;	Chai. Lọ	100ml; 500ml; 1000ml	Trị và phòng bệnh thiếu vitamin trên trâu bò, ngựa cừu, lợn, mèo	DUTCH-27
25.	Tylosin 50% w.s.p	Tylosin tartrate	Gói, chai, túi	500g; 1kg	Trị CRD, viêm xoang, viêm phổi trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	DUTCH-28

3. CÔNG TY EUROVET ANIMAL HEALTH B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Colisol – 1200	Colistin sulphate	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị bệnh viêm ruột ở trâu bò, lợn và gia cầm	ERV-2
2.	Flumequine 50% w.s.p	Flumequin	Lọ	500g	Điều trị nhiễm trùng	ERV-3
3.	Vit E 50+ Selenium	Sodium selenite	Lọ	100ml	Phòng và trị teo cơ, những nhão	ERV-4
4.	Ferridex 100	Iron dextran	Lọ	100ml	Phòng và trị thiếu sắt ở lợn con và nghé	ERV-5
5.	Levajeet 100	Levamisol hydrochloride	Lọ	100ml	Trị giun cho trâu bò, lợn, dê cừu	ERV-6
6.	Tylosin 20% Inj	Tylosin tartrate	Lọ	100ml	Điều trị các trường hợp nhiễm trùng	ERV-8
7.	Farmox	Amoxicillin	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục, da	ERV-9
8.	Fatrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng ở trâu bò, heo, dê cừu, chó mèo	ERV-11
9.	Tridox L.A Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	ERV-12
10.	Spectolin Inj	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml	Điều trị chứng viêm ở trâu bò, lợn và gia cầm	ERV-14
11.	Vit AD3E Inj	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E	ERV-15
12.	Doxy 150 W.S.P	Doxycycline hyclate	Hộp, lọ	100g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	ERV-16
13.	Multivitamin Inj	Vitamin A, B1, C,...	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	ERV-17
14.	Dexamethasone Inj	Dexamethasone sodium	Lọ	100ml	Trị bệnh keto ở bò sữa, các trường hợp ngộ độc, shock, các trường hợp viêm và dị ứng	ERV-18
15.	Ampicilin-Coli 10/25 Inj	Ampicillin, Colistin	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	ERV-19
16.	Pen-Strep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Lọ	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp trên trâu bò, lợn, ngựa, dê cừu, chó mèo	ERV-20

17.	Cyclo Spray	Chlotetracyclin HCL	Bình	211ml	Điều trị và chống nhiễm trùng vết thương, vết mổ và vết trầy da	ERV-22
18.	Amocol Inj	Amoxcilin, Colistin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amocol	ERV-23
19.	Soludox	Doxycycline Hyclate	Túi, bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn so cấp và thứ cấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline gây ra ở lợn và gia cầm	ERV-24

4. CÔNG TY INTERVET

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Albipen LA	Ampicillin anhydrate	Lọ	80ml, 200ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp cho bò, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-45
2.	Paracilline SP	Amoxilline trihydrate	Gói	100g, 250g, 1 kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-46
3.	Albipen 30%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-47
4.	Neopen	Neomycin, Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa trên heo	Intervet Hà Lan	IT-48
5.	Duplocillin LA	Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp trên trâu bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-49
6.	Depomycin 20/20	Procaine Benzylpenicillin	Lọ	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, hậu phẫu, trên trâu bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-50
7.	Albipen 15%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp, cho trâu bò, ngựa, cừu, heo	Intervet Hà Lan	IT-51

8.	Engemycin 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, tử cung, viêm teo mũi trên trâu bò, ngựa, heo, chó mèo	Intervet Hà Lan	IT-53
9.	Laurabolin	Nandrolone laurate	Lọ	5,10ml	Dùng cho thú suy nhược, giúp tăng tổng hợp Protein,	Intervet Hà Lan	IT-59
10.	Prisantol	Phenylbutazone, Isopyrine	Lọ	100ml	Dùng cho trâu bò, ngựa, heo, chó, mèo bị sưng, viêm...	Intervet Hà Lan	IT-72
11.	Metricure	Cephapirin	Hộp	10 syringes	Trị viêm tử cung trên trâu bò	Intervet Hà Lan	IT-73
12.	Dexamedium	Dexamethasone	Lọ	10ml, 50ml, 100ml	Trị aceton huyết, dị ứng, viêm khớp trên trâu bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-74
13.	Panacur Powder 4%	Fenbedazone	Gói, bao 25kg	12.5g; 2; 2.5; 5;	Phòng và trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Đức, Thái Lan, Pháp, Hà Lan	IT-101
14.	Tonophosphan comp	Toldimphos	Chai	100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Đức	IT-102
15.	Berenil	Diminazene aceturate	Gói	2,36g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu bò	Intervet Đức	IT-103
16.	Borgal	Trimethoprim; Sulfadoxin	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu... trên heo, chó, mèo	Intervet Đức	IT-104
17.	Taktic 12,5% EC	Amritraz	Lọ, thùng	50ml, 250ml, 1000ml; 20lít	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê, cừu, heo	Intervet Anh, Ấn Độ, Pháp	IT-105
18.	Berenil Vet	Diminazene aceturate	Gói	5; 22.5g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	Intervet Ấn Độ	IT-107
19.	Tonophosphan vet	Toldimphos	Lọ	30 ml, 100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-108
20.	Floxidin vet.	Enrofloxacin	Lọ	15ml, 50ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-109
21.	Floxidin 10% oral.	Enrofloxacin	Lọ	50ml, 100ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Ấn Độ	IT-110

22.	Lavongin	Anagin	Lọ	10ml, 30ml	Giảm đau	Intervet Hà Lan, Ấn Độ	IT-111
23.	Tolzan F Vet, suspension	Oxyclozanide	Lọ, chai	90ml ; 1L, 5L	Phòng và trị bệnh sán lá gan trên trâu bò, dê cừu	Intervet Ấn Độ	IT-113
24.	Butox Vet	Deltamethrin	Lọ, chai	15 ml; 50ml, 250ml, 1000ml	Phòng, trị bệnh ngoại ký sinh trùng ở trâu bò, dê, cừu, chó, mèo	Intervet Ấn Độ	IT-114
25.	Reverin LA	Oxytetracyclin, Sodium diclofenac	Lọ	20; 50;100;250ml	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-115
26.	Fenomax LA	Ivermectin	Lọ	4x20ml; 50;100;500ml	Trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Intervet Brasil	IT-116
27.	Fenomax Premix	Ivermectin	Gói	16g; 250g;5kg	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-117
28.	Cordinal Vet	Tetracycline	Gói	100g	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên gà	Intervet Ấn Độ	IT-125
29.	Cobactan 2,5%	Cefquinome sulphate	Chai	50; 100ml	Điều trị THT, viêm da, hoại tử, nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm vú, viêm tử cung	Intervet Đức	IT-138
30.	Starnast	Cefoperazone	Syringe	5g	Trị nhiễm trùng vú trong giai đoạn cho sữa.	Italy	IT-147
31.	Berenil Vet 7% RTU	Diminazene, Phenazone	Chai	20; 30; 90ml	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu.	Intervet Ấn Độ	IT-153

5. CÔNG TY INTERCHEME WERKEN "DE ADELAAR" B. V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Limoxin-100	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-1
2.	Macrolan-50	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-3
3.	Macrolan-200	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-4
4.	Intertrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-5
5.	Norflox-150	Norfloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-6

6.	Flumesol-150	Flumequin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-)	ICW-7
7.	Vitol-140	Vitamin AD ₃ E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-9
8.	Norflox-200 Oral	Norfloxacin	Chai	250; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-10
9.	Tiamulin	Tiamulin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-11
10.	Interspectin-L	Spectinimycin, Lincomycin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-12
11.	Vitol-450	Vitamin AD ₃ E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-17
12.	Introvit	Vitamin	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E và amino acid	ICW-19
13.	Limoxin-25 Spray	Oxytetracyclin HCL	Chai	200ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng da, móng	ICW-20
14.	Flumesol-200 Oral	Flumequin	Chai	100,200, 500, 1000, 5000ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) như Pasteurella gây ra	ICW-21
15.	Doxin-200 WS	Doxycycline hydrate, Tylosin tartrate	Gói, lọ	100,500, 1000g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-22
16.	Norflox-200 WS	Norfloxacin	Gói, lọ	100,500, 1000g	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-23
17.	Intrafer-100 B12	Imron dextran, vitamin B12	Lọ	100ml	Bổ sung sắt, vitamin B12	ICW-24
18.	Biocillin-150 LA	Amoxycillin base	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-25
19.	Glucortin-20	Dexamethasone base	Chai	50; 100ml	Kháng viêm	ICW-26
20.	Limoxin-200 LA	Oxytetracycline base	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-27
21.	Penstrep-400	Procaine penicillin G, Dihydrostreptomycine	Chai	50; 100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-28
22.	Procaben-LA	Procaine penicillin G, Benzenthine penicillin G.	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-29
23.	Interflox-100	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	ICW-30
24.	Oxytocin-20	Oxytocin	Chai	50ml	Tăng co bóp tử cung, chống sốt nhau, kích thích tiết sữa.	ICW-31
25.	Intermectin	Ivermectin	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc	ICW-32
26.	Coli- 1200 WS	Colistin sulfate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-33

27.	Electromix WS	Sodium chloride, Glycine, Sodium dihydrogen phosphate, Potassium chloride, Citric acid, Flumequin	Gói, Hộp	100; 1kg	500g;	Phòng và trị mất nước do tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-34
28.	Flumesol-200 WS	Flumequin	Gói, Hộp	100; 1kg	500g;	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm.	ICW-35
29.	Flumesol- 500 WS	Flumequin	Gói, Hộp	100; 1kg	500g;	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-36
30.	Introvit A + WS	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Amino acid.	Gói, Hộp	100; 1kg	500g;	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, acid amin trên gia súc, gia cầm.	ICW-37
31.	Introvit M + WS	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Ca-pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Magnesium sulfate, Copper sulfate, Zinc sulfate, Manganese sulfate, Sodium chloride, Lysine, Potassium chloride, Glycine, Methionine.	Gói, Hộp	100; 1kg	500g;	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, khoáng, acid amin trên gia súc, gia cầm.	ICW-38
32.	Interflox Oral	Enrofloxacin	Bình	1l		Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-39
33.	Intracox Pump	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1l		Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con	ICW-40
34.	Intracox Oral	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1l		Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con, gia cầm.	ICW-41
35.	Colexin Pump	Colistin sulfate, Trimethoprim.	Chai	100; 500ml; 1l		Trị viêm nhiễm đường tiêu hoá trên dê non, cừu con, heo con.	ICW-42
36.	Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói	100; 500g; 1kg		Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	ICW-43

37.	Vitol-140 Oral	Vitamin A, D3, E	Bình	l1	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D3, E, stress, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-44
38.	Butasal-100	Butafosfan, Vitamin B12	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hoá trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm.	ICW-45
39.	Introvit A+Oral	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Acid amin	Bình	l1	Phòng và trị bệnh do thiếu Acid amin, vitamin, stress, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-46
40.	Dimoxan WS	Amoxycilline, Colistin sulfate	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm.	ICW-47
41.	Introcil Pump	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá trên dê non, cừu non, heo con.	ICW-48
42.	Intrafer-200B12	Iron, Vitamin B12	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo con	ICW-49
43.	Colexin WS	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hoá trên bê, nghé, heo con, dê, cừu, gia cầm.	ICW-50
44.	Phenylject	Phenylbutazone	Chai	100ml	Trị viêm màng khớp, viêm túi thanh mạc, viêm cơ, viêm thần kinh, viêm gân, viêm bao gân trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	ICW-51
45.	Intertim LA	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	ICW-52
46.	Intertim-480 Oral	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai, Bình	100; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu, heo.	ICW-53
47.	Doxy-200WS	Doxycycline hyclate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-54
48.	Vitol 86 Oral	Vitamin A, D3, E	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lit	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D3, E trên bê, nghé, dê, cừu, gia súc, gia cầm.	ICW-55
49.	Macrotyl 300	Tilmicosin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, cừu. Viêm vú, thối chân trên cừu.	ICW-56

50.	Macrotyl-250 Oral	Tilmicosin	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, lợn, gà.	ICW-57
51.	Biogenta	Amoxicillin trihydrate, Gentamicin (sulphate)	Chai	50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, lợn.	ICW-58
52.	Intertornic Oral	Sorbitol, Carnitine HCl, Betanin, Choline chloride, D-panthenol, Magnesium	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Phòng ngừa gan nhiễm mỡ, rối loạn chức năng gan, rối loạn tiêu hóa trên bò, ngựa, dê, bê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-59
53.	Coli 4800 WS	Colistin Sulphate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-60
54.	Coli 2400 Oral	Colistin sulphate	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, dê, gia cầm, cừu, lợn.	ICW-61
55.	Introflor 300	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	ICW-62
56.	Doxy 500WS	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-63
57.	Introflor – 100 Oral	Florfenicol	Bình	250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-64
58.	Interspectin-L WS	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	150, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-65
59.	Gallimix-200 ws	Erythromycin thiocyanate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	ICW-66
60.	Limoxin ws	Oxytetracycline HCl	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-67
61.	Biocillin-200 ws	Amoxycillin trihydrate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường niệu trên gia súc, gia cầm.	ICW-68
62.	Ceftionel-50	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	ICW-69
63.	Doxycol WS	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-70
64.	Sulfadimidin WS	Sulfadimidin	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-71
65.	Gentadox WS	Doxycycline hyclate, Gentamycin sulfate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-72

66.	Nemovit WS	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Ca-Pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Methionine, Lysine	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-73
67.	Introchick Oral	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, K3, D-Panthenol, Biotin, Choline chloride, Inositol, Alanine, Arganine, Aspartic acid, Cystine, Glutamic acid, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophane, Tyrosine, Valine	Chai	100; 250ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-75
68.	Stimosol Oral	Yeast extract, Vitamin B1, B2, B6, Aspartic acid, citric acid, malic acid, phosphoric acid, tartaric acid, capper sulphate, potassium chloride	Hộp	500ml, 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B, kích thích hệ thống miễn dịch trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ICW-76

6. CÔNG TY KEPRO B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	VIT AD3E 300 inj	Vitamin A, D3, E	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung vitamin A, D3, E cho gia súc, gia cầm	KEPRO-1
2.	AMOXYCOL inj	Amoxycillin, Colistin	Chai	10ml, 50ml, 100ml	Trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	KEPRO-2
3.	VITAFFLASH AMINO WSP	VitA,D3, E, B1, B2, B12, B6, L.Lysin, Methionin	Gói	100g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm	KEPRO-3
4.	NEO-OXY EGG FORMULA	Neomycin, Oxytetracyclin Vitamin A, D3, E, B1, B2, B12, B6	Gói	100g, 500g, 1kg	Phòng bệnh tiêu chảy, lهن gà, bò sung vitamin	KEPRO-4

5.	IRON 100 Inj	Dextran Hydroxide (Fe ³⁺)	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung sắt cho gia súc	KEPRO-5
6.	Tylosin 200 Inj	Tylosin	Chai	5, 10, 50, 100, 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra do vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin cho Bò, Cừu, Lợn	KEPRO-6
7.	Tylo- Dox Extra WSP	Tylosin tartrate, Doxycyclin hyclate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	KEPRO-7
8.	Doxxyvet 200WSP	Doxycyclin hyclate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	KEPRO-8
9.	L.S Injection	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	KEPRO-9
10.	Kepromec	Ivermectin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	KEPRO-10
11.	Xylazine	Xylazine	Chai	25ml	Giảm đau, gây tê trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, chó, mèo.	KEPRO-11
12.	Worminex	Albendazole	Can	1l	Phòng và trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu.	KEPRO-12
13.	Trisul 80/400 WSP	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	KEPRO-13
14.	Doxxy-Gen 20/20 WSP	Gentamycin, Doxycyclin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày-ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm.	KEPRO-14
15.	Floxvet 20% Oral	Norfloxacin	Chai	1l	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, trên gia cầm.	KEPRO-15
16.	Florum 10% Oral	Florfenicol	Chai	1l	Trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp trên heo, gà	KEPRO-16

7. CÔNG TY ALFASAN INTERNATIONAL B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Alfatrim 24% Inj	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	AFSI-1

2.	Kanamycin 10%	Kanamycin	Lọ	100ml	Trị viêm khớp, Nhiễm trùng huyết, viêm vú,	AFSL-2
3.	Oxytetracycline 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Viêm phổi địa phương, viêm teo mũi, tiêu chảy.	AFSL-3
4.	Lincomycin 10%	Lincomycin	Lọ	100ml	Viêm khớp, đầu son, viêm phổi do mycoplasma	AFSL-5
5.	Vitamin B. Complex	Vitamin	Lọ	100ml	chống stress, tăng sức đề kháng	AFSL-6
6.	Vitamin AD3E	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	AFSL-8
7.	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, sinh dục,...	AFSL-9
8.	Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, sinh dục,...	AFSL-10
9.	Alfafer 10% + Vit. B12	Dextran complex, Vitamin B12	Chai	10;20; 50;100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu sắt ở lợn con và gia súc khác	AFSL-11
10.	Alfamec [®] 1%	Ivermectin	Chai	10;20; 50;100; 200; 500ml	Phòng và trị nội và ngoại ký sinh trùng cho trâu bò, cừu, dê, lợn và lạc đà	AFSL-12
11.	Vitamin ADE 450000.	Vitamin A, D3, E	Chai	10;20; 50;100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu vitamin A, D3, E. Đặc biệt đối với gia súc non và mang thai.	AFSL-13

8. CÔNG TY POLYMIX B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Polymix VitaInject Inj	Vitamin A, D3, E, K3, B1, C, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-4
2.	Polymix Ampicoli Inj	Ampicillin, Colistin, Dexamethasone	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin	PLM-7
3.	Polymix Vit AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-8
4.	Polymix Vit AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-9

9. CÔNG TY FRANKLIN PRODUCTS INTERNATIONAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Fra Sal Dry	Ammonium formate, ammonium propionate formic, propionic and sorbic acids	Bao	25kg	Phòng bệnh Salmonella trên gia súc, gia cầm	FKH-2
2.	Fra Acid Dry	Ammonium formate, formic acid, lactic acid, fumaric acid and citric acid	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	FKH-5

10. CÔNG TY VETIMEX ANIMAL HEALTH B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Cogentrim (Methoxasol-T)	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100; 1000; 5000ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa	Medentech Ireland	VTMH-1

11. CÔNG TY TESCOFARM B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Superlac	Vitamin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10 kg	Cung cấp nguồn đạm sữa cho gia súc, gia cầm	BMN-3

12. CÔNG TY PANTEX B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Colam P.I	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm từ cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo.	PH-1
2.	Tylocare	Tylosin tartrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, cừu, heo, gia cầm. Bạch lý trên heo.	PH-2
3.	Multivitamins	Vitamin A, D3, E, B1, B6, C, K3, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu hụt Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo.	PH-3
4.	Amoxy – C	Amoxycilline trihydrate, Colistin base	Bình	1kg	Trị bệnh dạ dày ruột, hoại tử ruột, sởi mũi truyền nhiễm gây ra bởi vi khuẩn E.coli, Salmonella, Clostridium pefringens, Haemophilus paragallinarum nhạy cảm với Amoxycillin và Colistin trên gà, gà tây.	PH-4
5.	Pantadox	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	PH-5
6.	Toltrapan	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	PH-6
7.	Pantilmi 250	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1lit	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên gà	PH-7

POLAND

1. CÔNG TY VETOQUINOL-BIOWET PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Biomectin 1% Inj	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng	BIOWET-1
2.	Enrobiofloxx 5% Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị bệnh đường hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-2
3.	Enrobiofloxx 10%	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500; 1000ml	Trị bệnh đường hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-3
4.	Tylbian 20% Inj	Tylosin tatarate	Chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	BIOWET-4

KOREA

1. CÔNG TY CHOONGANG BIOTECH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ampi Coli	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	100g; 500g	Phòng và trị các bệnh CRD, E.coli, viêm phế quản, hội chứng MMA ở lợn	CAC-1
2.	Permasol-AD3EC	Vitamin A, D3, E, C	Chai	100; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	CAC-4
3.	Viamine	Multivitamin	Chai	500; 1000ml	Bổ sung vitamin	CAC-5
4.	Salinomycin 6%	Salinomycin	Bao, thùng	25kg	Phòng và trị cầu trùng	CAC-7
5.	Permasol – 500	Electrolytes, vitamin, amino	Gói, bao	100g; 1; 10kg	Kích thích tăng trọng, bổ sung vitamin	CAC-8
6.	Niacin	Niacin	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu niacin	CAC-9
7.	Vitamin E – 50%	Vitamin E	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin E	CAC-10
8.	Coccirol-S	Amprorium, Sulfaquinoxaline	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	CAC-11
9.	Methomix – WP	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g	Phòng và trị bệnh E.coli ở heo, bệnh CRD,... ở gia cầm	CAC-13
10.	Terra Egg Formula	Oxytetracyclin, Multivitamin	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	CAC-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11.	Larvicide	Cypermethrin	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-16
12.	E – Mycin	Erythromycin	Gói, bao	100g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	CAC-17
13.	Cyper Killer	Cypermethrin	Gói	15; 30; 150; 300; 600g	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-18
14.	Zin-Methionine	Zinc, Methionine	Gói, Bao	10; 20; 30; 100g; 1kg 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu kẽm	CAC-19
15.	All-Treat	Enrofloxacin	Lọ	500ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá	CAC-21
16.	ChoongAng Coccidrol (Amprol-20%)	Amprolium	Bao, thùng	1; 20kg	Trị cầu trùng gà	CAC-22
17.	P-mectin tablet	Ivermectin	Lọ	50; 100; 150; 200 viên	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-23
18.	P-mectin premix	Ivermectin	Gói, Bao	333g; 1kg; 5; 10; 20kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-24
19.	P-mectin Inj	Ivermectin	Chai, lọ	50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-25

2. CÔNG TY DAE SUNG MICROBIOLOGICAL LABS.CO., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bicom – C Inj	Vitamin B1, B2, B6, C, nicotinamide, DL-methionin	Chai	20; 50; 100ml	Phục hồi thú bệnh. Ngăn chặn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, ngộ độc.	DAS -2
2	Solon – M Inj	Prednisolon, Chlopheniramin	Chai	20; 50; 100ml	Trị các chứng đau nhức, viêm từ cung cấp tính, bệnh dị ứng. giảm viêm và phù.	DAS -3
3	Ami – vicom Inj	Vitamin B2, B6, PP, C, Histidine, Tryptophan	Chai	20; 50; 100ml	Ngăn chặn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, sử dụng trước phẫu thuật. Ngăn ngừa chứng thiếu protein và vitamin	DAS -4
4	Enrotil 10% Inj	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy do E.coli, Salmonella, bệnh hô hấp do Mycoplasma, Pasteurella trên gia súc. CRD,CCRD,Coli,Salmonellosis trên gia cầm.	DAS -5
5	Carasil Inj	Butaphosphan, Vitamin PP, Methionin	Chai	50;100;500ml; 1;5 l.	Trợ sức , phục hồi sản lượng sữa. Phục hồi thú suy nhược, rối loạn chuyển hoá, liệt. Tăng sức đề kháng.	DAS -6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Helmintic	Oxybendazole	Gói	150, 300, 600g, 1; 5kg	Trị các loại giun sán như Ascaris suum, Oesophagostomum spp cho Heo	DAS -7
7	Vita gold super	Vitamin A,D3,E, C, K3,B1, B2, B6, B12,H,Ca, Choline bitartrate, Nicotinamide, Folic acide, L-lysin, DL-methionin,	Gói, bao	100, 500g, 1; 5;10 kg	Trị bệnh do thiếu vitamin, bệnh suy nhược, chậm lớn, các bệnh về da cho Trâu, bò, heo, gà.	DAS -8
8	Spectino SH	Spectinomycin hydrochloride	Chai	50;100;250ml	Trị tiêu chảy do Salmonella và E.coli cho heo	DAS -9
9	Ferrum 200 Inj	Sắt(Fe)	Chai	20;50;100; 200ml	Phòng và trị chứng thiếu máu trên heo con	DAS -10
10	DS AD3E 500 Injection	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị còi xương, nhuyễn xương, hạn chế vận động, teo cơ trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	DAS -11
11	Ceegio Injection	Ceftiofur sodium	Lọ	0,5; 1; 1,25; 2,5; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	DAS -12
12	New coccin for Poultry	Toltrazuril	Chai	50; 100; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị cầu trùng gà.	DAS -13
13	New coccin (for Piglet)	Toltrazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con.	DAS -14
14	Tylopen Injection	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	DAS -15
15	Amoxi-Hi Inj	Amoxycilline, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm phổi- màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	DAS -16
16	Amoxi-Hi W.S	Amoxycilline, Colistin	Bao, Túi	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị viêm ruột, viêm phổi- màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm.	DAS -17
17	Emrotil 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hoá trên gà, vịt.	DAS -18
18	DS Amoxi L.A inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh do Pasteurella, Salmonella, E.coli, viêm phổi-màng phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo.	DAS -19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19	Cofenhigh solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm.	DAS-20
20	Tilmix 200 Powder	Tilmicosin phosphate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DAS-24
21	Tilmix 250 solution	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm.	DAS-25

3. CÔNG TY EAGLE VET.TECH

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tylosin 100	Tylosin	Chai	50ml	Trị viêm phổi, đau son, hồng ly,...	EAG-3
2.	Tylosin 200 (20%)	Tylosin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, đau son, hồng ly,...	EAG-4
3.	Ampicol	Ampicillin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	EAG-5
4.	Leshionin C	Vit C, Vit nhóm B	Chai	50, 100ml	Trị rối loạn chức năng gan	EAG-8
5.	Vitapoult A	Vit A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C	Gói	100g	Trị rối loạn biến dưỡng, ngửa stress, cung cấp vitamin	EAG-9
6.	Lincospec	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên gia súc	EAG-10
7.	Oxyvet 5% Inj	Oxytetracycline, Lidocain	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên gia súc	EAG-11
8.	Sulmidin Inj	Sulfamethazine	Chai	100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá	EAG-14
9.	Dexamethasone	Dexamethasone	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Kháng viêm	EAG-15
10.	Diminal	Diminazene, Phenazone	Túi	2, 36; 23, 6g	Phòng và trị ký sinh trùng	EAG-16
11.	Tylo - PC gold	Tylosin tatarat, Thiamphenicol, Prednisolon	Lọ	50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu Trâu Bò Bê, Ngựa, Heo, Dê, Chó.	EAG-17
12.	Collie-AM	Ampicillin, Colistin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên lợn, gia cầm.	EAG-18

13.	Oxyvet-LA Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	10; 20; 30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn	EAG-19
14.	Coccioltrozol	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	EAG-20
15.	Enprotil	Enrofloxacin	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh CRD, CCRD, Salmonellosis, Colibacillosis	EAG-21
16.	Eagle COX.SOL	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị cầu trùng ở bê và lợn con	EAG-22
17.	Doxy 200 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E. Coli trên gia cầm; trị sốt vằn chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo.	EAG-23
18.	Doxy 300 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E. Coli trên gia cầm; trị sốt vằn chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo.	EAG-24
19.	Flumequine 500 WSP	Flumequine	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như E.Coli, Salmonella, Pasteurella trên heo, gia cầm.	EAG-25

4. CÔNG TY KOMIPHARM INTERNATIONAL Co.,Ltd

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Amecoli D Inj.	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10, 50, 100, 500ml	Trị bệnh đường ruột E-coil, phù đầu, thương hàn	KMB-1
2	Aminovital Hìgh Inj.	Dextrose, Calcium, Acid amins, VitB2, B5	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng mắt nước, cân bằng điện giải, sốt cao, tiêu chảy, trường hợp mất máu,...	KMB-2
3	Komikill 10	Flumequine, Sodium carbonate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột, viêm ruột, tiêu chảy	KMB-3
4	Sulfa 33 Inj	Sulfamethazine sodium	Chai	50; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	KMB-7
5	Amoxyllin Combi	Amoxicillin trihydrate	Gói	100g	Điều trị viêm phổi, ruột, thương hàn,...	KMB-8
6	Erybactim	Erythromycin, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp dạ dày ruột, viêm phổi, viêm ruột,...	KMB-9
7	Komi Tocovita Inj.	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 100ml	Nâng cao thành tích sinh sản kích thích tăng trưởng	KMB-11

8	Erymycin Powder	Erythromycin thiocyanate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi,	KMB-12
9	Komitrit 100 Inj.	Norfloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, E-coli, thương hàn	KMB-13
10	Komibiotril 25 Inj.	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, E-coli, thương hàn	KMB-14
11	Komibiotril 50 Inj.	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, E-coli, thương hàn	KMB-15
12	Komibiotril 100 Inj.	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, E-coli, thương hàn	KMB-16
13	Komibiotril 100 Sol	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200, 250; 500ml, 1l, 5l	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, E-coli, thương hàn	KMB-17
14	Combicillin-LA, Inj.	Procaine Penicillin, Penzathine Penicillin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung...	KMB-21
15	Komiserastress, Inj	Acepromazine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	An thần	KMB-22
16	Komiprednisolone, Inj	Prednisolone	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm	KMB-23
17	Flostar	Florfenicol	Túi , Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị viêm phổi trên heo	KMB-24
18	Carosil	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai, Bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị rối loạn chuyển hoá, phục hồi sức khoẻ, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hoá do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo.	KMB-25
19	Amci Coli Powder-100	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi , Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên trâu, bò, heo, gia cầm	KMB-26

5. CÔNG TY SAMYANG ANIPHARM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tonosol B Inj	Tonophosphan, Vit B12	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và điều trị các bệnh rối loạn chuyển hóa kali, sốt sưa	SPC-2
2.	Tylocefin Inj	Tylosin	Lọ	20; 50; 100ml	Cân bằng điện giải, bồi dưỡng cơ thể, kích thích tạo sữa,...	SPC-3

3.	Viamin-34 Inj	Na, Ca, K, Mg, Vitamin B1, B2, B6, B12, acid amin.	Lọ	20; 50; 100ml	Cung cấp các chất điện giải, vitamin	SPC-4
4.	Manyang P	Acillin, Vitamin B1, B2, B3, PP, Calcium carbonate	Gói, bao 25kg	100; 500g; 1; 10; 25kg	Tăng khả năng đề trứng, tạo sữa cho gia súc, gia cầm	SPC-6
5.	Cocclcock sol	Toltrazuril	Lọ	500ml	Trị cầu trùng trên gia cầm.	SPC-19
6.	Viagrow - M	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B3, B9, C, PP, ZnSO ₄ , FeSO ₄ , CuSO ₄ , KI, DL-Methionine, Lysin HCL	Gói, bao 20; 25kg	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin, khoáng ở gia súc, gia cầm	SPC-14
7.	Enpro sol	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít - 3.785lit	Phòng và trị các bệnh CRD, CCRD, tiêu chảy do Ecoli, Salmonella	SPC-15
8.	Cephalexin	Cephalexin, Neomycin sulfate, Dexamethasone acetate	Syringer	7,5g	Phòng và trị chứng viêm vú cấp và mãn tính, bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cephalacin, Neomycin,...	SPC-16
9.	Enpro-100	Enrofloxacin HCL	Chai	100; 500ml	Trị thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, viêm đường hô hấp	SPC-17
10.	Coccidon susp	Toltrazuril	Lọ	100ml	Trị tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên lợn con.	SPC-18
11.	Butaphos B Inj	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	SPC-20
12.	Floocol-300 inj	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	SPC-21
13.	SY Ampiccoli W.S.P	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói, Bao 20kg	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-22
14.	Forceil sol	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 200; 500ml ; 1lit	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên lợn, gia cầm.	SPC-23
15.	Floocol-200 sol	Florfenicol	Chai	100; 200; 500ml; 1lit	Trị tiêu chảy, hô hấp trên lợn, gia cầm.	SPC-24

16.	Samyang premix p	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Folic acid, DL- Methionine, L- Lysine HCl, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Choline chloride, MnSO4, ZnSO4, CoSO4, CuSO4, FeSO4.	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tiêu chảy, mất nước trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm.	SPC-25
17.	Vitagrow p.	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, K3, Folic acid, DL- Methionine, L- Lysine, Calcium Pantothenate, Nicotinamide	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SPC-26
18.	Amocillin-20 W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm.	SPC-27
19.	Doxyvet-200 W.S.P	Doxycycline hyclate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm.	SPC-28
20.	Tylosin-50 W.S.P	Tylosin tartrate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-29
21.	Tylosin-200 Inj	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm niệu đạo, viêm vú, thối móng, bệnh do xoắn khuẩn (Leto), sốt vận chuyển, nhiễm trùng thứ phát từ các bệnh truyền nhiễm do virus trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm.	SPC-30
22.	Actifarm	Taurine, Methionine, Ascorbic acid, Sorbitol	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hỗ trợ trong điều trị bệnh, phòng stress, giải độc gan.	SPC-31
23.	Hicool sol	Bromhexine, Phenylbutazone	Chai	500ml; 1l	Hỗ trợ điều trị viêm hoặc nhiễm trùng như viêm mũi, thanh khí quản, viêm phế quản phổi, viêm phổi trên lợn, gà.	SPC-32

24.	TYFUL inj	Florfenicol, Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, như: viêm phổi, viêm phế quản do <i>Actinobacillus pleuropneumoniae</i> , <i>Pasturella multocida</i> , <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> , <i>Haemophilus parasuis</i> và bệnh đường tiêu hóa, đặc biệt tiêu chảy do <i>Salmonella</i> , <i>E.coli</i> tên lớn.	SPC-33
25.	SY-Tausulfa p	Sulfathiazole sodium, Taurine	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị cầu trùng, bệnh <i>Coryza</i> , bệnh do tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị bệnh đường ruột, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, lợn.	SPC-34
26.	Amoxicoli p	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, đường tiêu hoá và đường niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	SPC-35
27.	SY - Aspirin- C p	Aspirin, Vitamin C	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-36
28.	VITA AD3E inj	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt vitamin A, D3 và E, bệnh còi xương, loãng xương, rối loạn sinh sản, suy giảm chức năng vận động trên trâu, bò, cừu, lợn, chó.	SPC-38
29.	U-Chitomin sol	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, Taurine, Chito- Oligosaccharides	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 4; 5; 10; 18l	Phòng và trị thiếu hụt vitamin, tăng cường khả năng miễn dịch, phòng chống stress trên trâu, bò, lợn, gà.	SPC-39
30.	Beecom - S inj	Vitamin B1, B2, B6, B12, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml ; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress, giúp phục hồi nhanh sau khi phẫu thuật, mắc bệnh truyền nhiễm, gan bị tổn thương, hỗ trợ trong điều trị các bệnh về da, viêm dây thần kinh trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn.	SPC-41
31.	Lincomycin inj	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml ; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, áp xe, nhiễm trùng thứ phát trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	SPC-42
32.	O.T.C-LA inj	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, bệnh do xoắn khuẩn (<i>Lepto</i>), viêm móng, viêm vú, viêm ruột, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, Tụ huyết trùng, bệnh đóng dấu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	SPC-43

33.	Genta-50 inj	Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường tiết niệu, xảy thai truyền nhiễm, nhiễm trùng máu, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo.	SPC-44
34.	SY Tylo-Dox W.S.P	Doxycycline, Tylosine	Gói, Bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày – ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	SPC-46
35.	Flofarm-40P	Florfenicol	Gói, Bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi trên lợn	SPC-47
36.	Super AD3E Sol	Vitamin A, D3,E	Chai, Can	1; 2; 5; 10; 18 lít	Tăng cường miễn dịch, giảm stress do thay đổi khí hậu, bổ sung Vitamin A, D3, E, tăng khả năng sinh sản trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	SPC-48

6. CÔNG TY YOONEE CHEMICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Neotetra W.S	Oxytetracycline, Neomycin	Bao	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do E-coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-1
2.	Quinoxyl 200 liq	Norfloroxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1lít	Trị bệnh do E-coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-4

7. CÔNG TY NAMJON

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enroxyl solution	Enrofloxacin	Chai	500ml; 1 lít	Viêm phổi do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli	NJK-01
2.	Newmequin	Flumequine	Chai, Bình	10; 20; 25; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 20; 25l	Trị Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcosis, viêm phổi trên gia cầm.	NJK-2
3.	Enroxyl Oral Sol	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1lít.	Trị CCRD, C.R.D, bệnh do E.coli, Salmonella, THT trên gia cầm.	NJK-3

8. CÔNG TY SHINIL BIOGEN Co.,LTD

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Norfloroxillin 200	Norfloroxacin	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá,...	SIL-1
2.	Norfloroxillin Inj.	Norfloroxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá,...	SIL-2

3.	Spira - SM Inj.	Spiramycin, Streptomycin	Chai	50;100ml	Tiêu chảy, viêm phổi địa phương, đau son.	SIL-4
4.	Amlyte Inj.	Khoáng, điện giải	Chai	20; 50;100;500ml;1l	Cung cấp axít amin, chất điện giải, tăng sức đề kháng	SIL-3
5.	B-Comp Inj.	Vitamin nhóm B	Chai	50;100ml	Rối loạn biến dưỡng, chậm thay lông,	SIL-5
6.	Sulfaprim inj.	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	50, 100ml	Tác dụng vi khuẩn gr(-), gr(+)	SIL-6
7.	Kanamycin Inj.	Kanamycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc	SIL-8
8.	Cow-Lyte	Chất điện giải	Gói	100, 500g	Cung cấp chất điện giải	SIL-9
9.	Royal Vitaplex W.S	Các loại Vitamin, Lysin, Methionine	Gói	100; 500g;1; 5kg	Cung cấp các vitamin và các acid amin thiết yếu	SIL-11
10.	Ampicoli W.S	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	100g, 500g, 1kg	Viêm ruột, Nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	SIL-12
11.	Metapyrone Inj.	Sulpyrine	Chai	10,20,50,100,250ml	Hạ sốt	SIL-14
12.	Toposal Inj.	Tonophosphan	Chai	20,50,100,500ml	Kích thích tăng trọng, phục hồi sức khỏe	SIL-17
13.	Flotec-Mix	Florfenicol	Gói	100;200;500g 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn.	SIL-18
14.	Cocci-Zione 25 sol	Toltrazuril	Chai	100ml, 500ml, 1lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	SIL-19
15.	Flotec 200 sol	Florfenicol	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	SIL-20
16.	Alfamox L.A	Amoxicillin trihydrate	Lọ	50ml, 100ml	Trị viêm phế quản, viêm teo mũi, viêm phổi và viêm vú	SIL-21
17.	Hytril sol	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1lít	Trị bệnh do các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin gây n	SIL-22
18.	Vita-Lyte sol	Vit B2, B6, B12; Sodium chloride; Potassium chloride; Magnesium chloride, CaCl, Citric acid,	Chai, can can	100; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị các trường hợp mất nước	SIL-23
19.	Sulfaprim sol	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, can lít	50; 100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazole và Trimethoprim	SIL-24
20.	Cocci-Zione 50 suspension	Toltrazuril	Lọ, chai	50; 100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng lợn	SIL-25
21.	SI Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Lọ, chai 500ml	20; 50; 100; 250;	Phòng trị nội ngoại kí sinh trùng	SIL-26

22.	Dexferron inj	Iron, Vitamin B12	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên heo con	SIL-27
23.	Amimox	Amoxicillin trihydrate; Gentamycin Sulfate	Chai	50; 100; 500 ml; 1 lt	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên bê, lợn con	SIL-29
24.	Mytil Sol	Tilmicosin (phosphate)	Ống, Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên bê, nghé, lợn, gà.	SIL-30

9. CÔNG TY DEA HAN NEW PHARM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ex-cell	Certriofur	Lọ	1; 4g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	DHK-1
2.	Qrex	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	DHK-2
3.	Neoflor 300 inj	Florfenicol	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo.	DHK-3
4.	Neoflor 20% oral sol	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị Salmonellosis, Colibacillosis trên gà.	DHK-4
5.	Pigcoc	Toltrazuril	Chai	100 ml	Trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con.	DHK-5
6.	TM 10% Inj	Oxytetracycline HCl	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	DHK-6

10. CÔNG TY GREEN GROSS VETERINARY PRODUCTS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Rholexine solution	Flumequine	Chai	500ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn Ecoli, Salmonella ở gà, vịt	GGVK-04
2.	Catovita	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai, Thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển gia súc, gia cầm.	GGVK-5
3.	G.C. Gentamicin inj	Gentamycin sulfate	Chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm bàng quang, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo.	GGVK-7
4.	PENIFL – 30 Inj	Florfenicol	Chai	100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	GGVK-8
5.	G.C Enrofl 100-Inj	Enrofloxacin	Chai	100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, Colibacillosis, Salmonellosis trên trâu, bò, heo.	GGVK-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6.	Greencox 5% suspension	Toltrazuril	Chai	100 ml	Trị cầu trùng trên bê, nghe, heo con.	GGVK-10
7.	Catoforce Inj	Butaphosphan, Vitamin B12 Taurine, Nicotinamide DL-methionin	Chai	100 ml	Trị rối loạn chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên gia súc, gia cầm, chó, mèo.	GGVK-11
8.	GREENTIX	Amitraz	Chai	100 ml	Trị ve, ghẻ, rận trên trâu, bò, cừu, heo.	GGVK-12
9.	COMBIMYCIN Inj	Procaine penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	10ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram âm nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.	GGVK-14
10.	GREENCOX SOLUTION	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên gà.	GGVK-15
11.	AMOXXYL PLUS WSP	Amoxycillin Trihydrate	Túi, gói	500g	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà.	GGVK-16
12.	G.C ENROPOWER SOLUTION	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị thương hàn, Colibacillosis, bệnh do Mycoplasma, Coryza trên gà.	GGVK-17
13.	G.C AMOXXYL 150LA-Inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày -ruột, tiết niệu, da và mô mềm trên trâu, bò, heo.	GGVK-18
14.	RHOLEXIN 10% SOLUTION	Flumequine	Chai	1 lít	Trị Colibacillosis trên heo, gà.	GGVK-19
15.	AMOXXYLPHEN 200	Amoxycillin Trihydrate Acetaminophen DL-Methylephedrine HCl	Gói	1kg	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, Colibacillosis trên trâu, bò, heo.	GGVK-20
16.	G.C Colistin 20	Colistin sulfate	Gói	1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm.	GGVK-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
17.	Rapitol - Inj	Tolfenamic acid	Chai	100ml	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, heo.	GGVK-23
18.	Tonococktail solution	Vitamin A, D3, E, B1, B6, C, K3, Calcium pantothenate, Tonophosphan, DL- methionin	Chai	1 lít	Tăng cường chuyển hóa, ngăn ngừa tình trạng thiếu Vitamin A, D, E, K trên trâu, bò, heo, gia cầm.	GGVK-24
19.	Trimex solution	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai	1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày -ruột, đường hô hấp, sinh dục trên heo, gia cầm.	GGVK-25
20.	G.C Tylosin 50 WSP	Tylosin tartarate	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh do Mycoplasma trên gà; trị lỵ trên heo.	GGVK-26

11. CÔNG TY SAMU MEDIAN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	EXFO Inj	Ceftiofur HCl	Chai	50; 100 ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm tử cung cấp tính; thối móng, viêm da trên trâu, bò, heo	SMC-1
2	MEGAFEN-S solution	Florfenicol	Chai	500ml; 1; 1,5; 5 lít	Trị viêm đường hô hấp do các vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol trên heo, gà.	SMC-2
3	Coliamcin Inj	Ampicillin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị bệnh do Mycoplasma, Actinobacillus gây ra, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, bệnh tiêu hóa	SAMU-05
4	B-Multi Inj	Thiamine hydrochloride, Riboflavin phosphat sodium, Pyridoxine hydrochloride, Nicotinamide, Dextrose	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin; tăng quá trình trao đổi chất; tăng sức đề kháng phòng bệnh	SAMU-07
5	Histamin Inj	Chlorpheniramine maleate, Vitamin B6, Calcium bromide	Chai	20ml	Phòng chống dị ứng cho gia súc	SAMU-08
6	Medicox solution	Toltrazuril	Chai, can	100; 200; 500ml; 1 5 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gà	SAMU-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số dăng ký
7	Vitation Forte injection	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, trị bệnh mềm xương, còi xương và thiếu vitamin A, D3, E.	SAMU-10
8	Polycox	Toltrazuril	Chai, lọ	10; 100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn con	SAMU-11
9	Amoxicol	Amoxicilline trihydrate; Colistin	Túi, gói	100g; 1; 10 kg	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi Salmonellosis, Colibacillosis, viêm teo mũi (AR), tụ huyết trùng, CRD, Coryza trên trâu bò, bê, lợn và gia cầm.	SAMU-12
10	Restil solution	Tilmicosin Phosphate	Chai, lọ	100; 500ml	Trị viêm phổi, Mycoplasmosis trên lợn, gia cầm	SAMU-13
11	Tolfen Inj	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp và viêm vú cấp tính trên trâu bò và hội chứng MMA(Viêm tử cung, viêm vú, hội chứng cạn sữa) trên lợn	SAMU-14
12	Genta LA	Gentamycin sulfate	Chai, lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm da, nhiễm khuẩn huyết, viêm teo mũi, colibacillosis trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	SAMU-15
13	Vitpro	Vitamin A, D, E, K3, B1, B2, B3, B5, B6, B9, B12, C, DL-Methionin	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh thiếu hụt vitamin, stres, hỗ trợ trong việc phòng trị bệnh trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SAMU-16
14	Bestril	Enrofloxacin	Chai, lọ	100ml; 1 lit	Trị Colibacillosis, Salmonellosis, Mycoplasmosis, sô mũi truyền nhiễm trên gia cầm	SAMU-17
15	Megafen - F	Florfenicol	Bao, gói	1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	SAMU-18
16	Samu Tylosin sol. Power	Tylosin tartrate	Gói	100; 500g; 1; 5 kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính do Mycoplasma gallisepticum gây ra trên gà; trị lỵ trên heo	SAMU-21
17	Moxicol	Amoxicilline, Colistin	Gói	1; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lừa con, dê, cừu, heo, gia cầm.	SAMU-22
18	Moxi-150 LA Inj	Amoxicilline trihydrate	Chai, lọ	50ml; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục niệu, viêm da và mô mềm, nhiễm khuẩn trước và sau khi phẫu thuật.	SAMU-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
19	Samu Tylosin Inj	Tylosin tartrate	Chai, lọ	50ml; 100ml	Trị viêm phổi, sốt vận chuyển trên trâu, bò; trị đóng dấu, lỵ, viêm phổi trên lợn.	SAMU-24

12. CÔNG TY WOOGENE B&G

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Metabol® (inj)	Butaphosphan, Vitamin B12, Methyl hydroxybenzoat, Sodium citrate, Citric acid	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị rối loạn trao đổi chất, bệnh co giật và liệt nhẹ trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, chó, mèo.	WG-1
2.	Super Amino- C	L- Valine, L- Leucine, L- Isoleucin, Arginine, Histidine, L- Methionin, L- Phenylalanine, L- Threonin, L- Tryptophan, Lysine, Cysteine, Vitamin B1,B6, B12, Riboflavine-5- phosphate sodium, Calcium pantothenate, Niacinamide, Sodium acetate, CaCl ₂ , Potassium HCL, Magnesium sulfate, Dextrose, Methyl paraben, Ethyl paraben, Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Chống suy nhược cơ thể trên trâu, bò, heo, ngựa, cừu.	WG-2
3.	Coxiclin		Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng gà.	WG-3
4.	Paxxcell	Ceftiofur sodium	Lọ	0.5; 1; 2; 4; 10g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	WG-4
5.	Amstrong	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	50; 100; 200; 500g; 1, 5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghe, heo, gà.	WG-5
6.	Himoxin -50%	Amoxicillin	Gói	50; 100; 200; 500g; 1,5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghe, heo, gà.	WG-6
7.	Florject 400INJ	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	WG-7
8.	Feropan 200 INJ	Gleptoferon(Fe)	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên heo	WG-8
9.	FlorPAN-S	Florfenicol	Gói, Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Actinobacillus pleuropneumoniae trên heo.	WG-9

10. Ferovita 200	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 200 ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó.	WG-10
11. Flustop 20 sol	Flortenicol	Chai, Can	100; 500 ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm.	WG-11

13. CÔNG TY LG LIFE SCIENCES - KOFAVET SPECIAL INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số dăng ký
1	Accent	Certiofur sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 4g	Trị bệnh đường hô hấp như viêm phổi do Pasteurella ở trâu bò, lợn	LGK-01
2	Poustin-C	Ascorbis acid	Chai	100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	LGK-02
3	ACT 500ml	Enrofloxacin sodium	Chai	500ml	Trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, bệnh đường hô hấp, viêm phổi	LGK-03
4	Enrobac TM	Enrofloxacin sodium, N- butanol	Chai	50; 100; 200; 500ml; 1l.	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sốt do chlamydia, nhiễm khuẩn đường tiết niệu -sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	LGK-04
5	ACT	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với: Enrofloxacin gây ra trên gà và bê.	LGK-05

14. CÔNG TY CTC BIO INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số dăng ký
1.	Entrii capsule plus	Enrofloxacin	Gói	1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo	CTC-1
2.	Neo-Pennox	Ammonium oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói, Bao	1; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bò, lợn, gia cầm.	CTC-2
3.	CTC Mix 200G	Chlortetracyclin Ca	Bao	20kg	Trị viêm phổi, ỉa chảy trên gia súc, gia cầm.	CTC-3
4.	Fencol S	Florfenicol	Gói	1kg; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	CTC-4
5.	Wormicide premix	Ivermectin	Túi	1kg	Phòng và trị bệnh ký sinh trùng trên heo.	CTC-5
6.	Aniprin	Acetyl/salicylic acid, Vitamin C	Túi	1kg	Giảm đau, hạn sốt trên heo, gia cầm.	CTC-6
7.	Pro-Amoclin	Amoxicillin Bronhexine HCL	Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên bò, heo, gia cầm.	CTC-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8.	T-Mulin capsule	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn.	CTC-8
9.	ABC D-Check	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin trên trâu, bò, heo, gà.	CTC-9
10.	Catobus	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	50; 100ml	Phòng và trị rối loạn chuyển hóa.	CTC-10
11.	Quickflo	Florfenicol	Chai	50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	CTC-13
12.	Euvectin	Ivermectin	Chai	50, 100ml	Trị ký sinh trùng trên trâu, bò, heo.	CTC-14

15. CÔNG TY DAONE CHEMICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Chai, Can	1; 5; 10; 20l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày-ruột, tiết niệu trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gia cầm.	DOC-1
2	DaOne Tia 100	Tiamuline HF	Gói	500g; 1; 5; 20; 25kg	Trị lỵ trên heo; CRD trên gia cầm.	DOC-2
3	Neoflofen	Florfenicol	Gói	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy trên heo; CRD, bệnh do trực khuẩn, do Salmonella, Staphylococcus, bệnh sỏ mũi truyền nhiễm trên gia cầm.	DOC-3
4	Amoxin 20% W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Túi, Bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên heo, bê, nghé; tiêu chảy do E.coli trên gia cầm.	DOC-4
5	Neodoxy 20% W.S.P	Doxycycline HCl	Túi, Bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, heo, gia cầm	DOC-5
6	Methoxazole	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai, Can	100, 500ml; 1, 5, 10 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, niệu, sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	DOC-6
7	Ampi power	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	DOC-7
8	DaOne Tilmiro solution	Tilmicosin	Chai, Can	100; 500ml; 1; 5; 20l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm.	DOC-8
9	DaOne Tilmicosin W.S.P	Tilmicosin	Túi, Bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DOC-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	DaOne Linspec	Lincomycin Spectinomycin	Bao	1kg	Trị viêm ruột xuất huyết trên heo	DOC-10
11	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1lit	Trị cầu trùng trên gia cầm.	DOC-11
12	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng trên heo con.	DOC-12

16. CÔNG TY DONGBANG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Linsmymein SS injectable	Lincomycin HCl Spectinomycin sulfate	Chai	20; 30; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, lý; viêm da, khớp, móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	DOB-2
2.	Alipamin-100 Injectable	Vitamin B1	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin B1 cho trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo.	DOB-3
3.	Linsmymein Premix	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	1; 5; 10kg	Trị lý, bệnh viêm ruột, hội chứng viêm vú, viêm tử cung, sốt sữa trên heo	DOB-4
4.	Fortis-Inj	Flunixin Meglumine	Lọ	50; 100ml	Trị viêm kết hợp trong bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với rối loạn vận động, giảm đau các cơ quan nội tạng trên trâu, bò, ngựa, heo.	DOB-6
5.	Linsmymein 100 Soluble Powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	75; 150g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp; bệnh CRD trên heo, gia cầm.	DOB-7
6.	Heat 600	Serum Gonadotropin; Chorionic Gonadotropin	Lọ	5ml	Kích thích sự động dục và ổn định chu kỳ động dục.	DOB-8
7.	Lincomycin 44 Premix	Lincomycin	Túi, Bao	1; 5; 10; 20kg	Trị lý, viêm phổi do vi khuẩn Mycoplasma gây ra trên heo	DOB-9
8.	Neocin soluble powder	Neomycin sulfate	Gói	100g; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm.	DOB-10

9.	Neocin-M soluble powder	Neomycin sulfate; Methscopolamine bromide	Gói	100g; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.	DOB-11
10.	Lincomycin-S-Premix	Lincomycin; Sulfamethazine	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm teo mũi trên heo.	DOB-12
11.	Linsmycin 100 sterile powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Chai	10; 20g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, heo, gà, chó.	DOB-13
12.	Neocin Premix	Neomycin	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm.	DOB-15

17. CÔNG TY SF

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Monosulfa 200W.S	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40; 50kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, cầu trùng, viêm mũi, CRD, viêm vú, viêm tử cung	SFK-1
2.	SF Catophan-S	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	SFK-2
3.	Powercoci	Toltrazuril	Chai	500ml; 1lít	Trị cầu trùng trên gia cầm.	SFK-3

18. CÔNG TY HANDONG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	FloPig Gold	Florfenicol	Bao	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo.	HDK-1
2.	Dexter-Iron Inj	Iron dextran, Vitamin B12	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HDK-2

3.	Florshot Solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10lit	Trị bệnh do Mycoplasma spp., E.coli, Salmonella, Streptococcus, Pasteurella, Staphylococcus spp., CRD, CCRD, Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcus, viêm mũi trên trâu, bò, heo.	HDK-3
4.	Florshot 300	Florfenicol	Chai, lọ	100ml; 500ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò và lợn.	HDK-4
5.	Sureshot LA	Amoxicillin hydrate	Chai, lọ	100ml; 250ml	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn.	HDK-5
6.	Flotril 100 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Trị bệnh do E.coli, Mycoplasma, Salmonella trên gà.	HDK-6
7.	Flotril 200 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn.	HDK-7
8.	Neocoxin sol	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1lit	Trị cầu trùng trên gia cầm.	HDK-8
9.	Flotril 100 Injection	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	HDK-9
10.	Neocoxin suspension	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên heo con	HDK-10
11.	SUPERCAL INJ	Calcium glycerophosphate, Calcium lactate Pentahydrate	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng ngừa và điều trị bệnh sốt sữa và Hypocalcemia.	HDK-11
12.	HD VITATON INJ	Retinol Palmitate, Cholecalciferol, Tocopherol Acetate,	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu hụt Vitamin A, D3, E	HDK-12
13.	CATOSIA-B	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	20; 50; 100 ml	Trị rối loạn chuyển hoá, phục hồi sức khoẻ, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hoá do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo.	HDK-14

19. Công ty Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP), INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tolcoxin 5% Suspension	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	KPN-2
2.	Vital-Chorus Forte	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Folic acid, Nicotinamide, Calcium pantothenate, Choline chloride, Alanine, Áginine, Phenylalanine, Histidine, Leucine, Lysine, DL-Methionine, Threonine, Valine	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5 l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, Amino acid, giảm stress, tăng sức đề kháng, phòng hiện tượng thiếu canxi ở vỏ trứng.	KPN-3
3.	Kapramin 200 Injection	Apramycin	Chai	20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé	KPN-5
4.	Avante Injection	Ceftiofur	Chai	0,1;1; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	KPN-6

20. Công ty ELT Science Corporation

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Pancom	Fenbendazole	Viên	500mg	Trị giun trên chó, mèo.	ELT-1

21. CÔNG TY UNIBIOTECH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Coccifree	Toltrazuril	Chai	500ml; 1lít	Trị cầu trùng trên gia cầm.	UNI-1
2.	Cocciend	Toltrazuril	Chai	50; 100; 200; 500ml	Trị cầu trùng trên heo con.	UNI-2
3.	Uni-Flor	Florfenicol	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn actinobacillus pleuropneumonia gây ra ở lợn	UNI-3

4.	Amoxicincare - 200	Amoxicilline trihydrate	Gói, túi, bao 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phế quản phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm phổi, sốt vằn chuyển, viêm teo mũi (AR), Salmonellosis, Colibacillosis trên trâu, bò, lợn và gia cầm	UNI-4
5.	Ferrivit	Iron Dextran, Vitamin A, D3, E	Chai 10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, thiếu Vitamin A, D3, E trên bê, nghé, lợn.	UNI-5

22. CÔNG TY APS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	LOGOSOL	Vitamin A, D3, E, Sorbitol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Tăng khả năng đề kháng bệnh, thúc đẩy tăng trưởng, phòng stress.	APS-1
2.	AMCOL-A	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói, hộp 20kg	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin và colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	APS-2
3.	HYROXYL	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với enrofloxacin gây ra trên gia cầm	APS-3
4.	APS PROFEN 200	Florphenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Salmonella spp., E. coli, Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniae, Streptococcus suis nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	APS-4
5.	TILMISOLUTION 250	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10; 18l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn A. pleuropneumoniae, P. multocida, M. gallisepticum, M. synoviae nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên lợn, gia cầm	APS-5
6.	TOLTZURIL 2.5%	Toltazuril	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	APS-6
7.	Acetacillin	Amoxicillin trihydrate; Acetaminophen	Gói, hộp	500g; 1; 2; 5; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn.	APS-7

23. Công ty Cheil Bio

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Cheilecoccin	Toltrazuril	Chai 100; 200; 500ml; 1; 5 lít	:	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	CBC-1

2.	Enfloxol-100	Enrofloxacin	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày-ruột, tiết niệu, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm trùng vết thương trên gia cầm, heo, trâu, bò, dê, cừu	CBC-2
3.	Cheil Tylosin 100	Tylosin (tartrate)	Bao, Túi	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị C.R.D, viêm teo mũi truyền nhiễm trên gia cầm.	CBC-3
4.	Medicol	Florfenicol	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn E.coli và Salmonella spp trên gia cầm;Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm như Actinobacillus Pasteurella, Mycoplasma, salmonella, Streptococcus trên heo.	CBC-4
5.	Flormax 4%	Florfenicol	Bao, Túi	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm màng phổi trên heo.	CBC-5
6.	Mediprim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, Bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày-ruột, tiết niệu trên lợn, gia cầm.	CBC-6
7.	Flormax inj	Florfenicol	Chai	10; 50; 100; 200; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	CBC-7
8.	Flormax 200	Florfenicol	Chai, Can	100; 500 ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm.	CBC-8
9.	Medicosin	Tilmicosin phosphate	Chai, Can	100; 250; 500 ml; 1; 5l	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm.	CBC-9
10.	Cerestop	Ceftiofur sodium	Lọ	1; 2; 4; 5 10g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	CBC-10
11.	Oxyneo wsp	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate	Gói, Bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, CCRD, viêm ruột, thương hàn trên gia cầm; tiêu chảy, viêm phổi, sốt vận chuyển trên trâu, bò, heo.	CBC-11
12.	Ampi-plus	Ampicillin trihydrate, Colistine sulphate	Gói, Bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	CBC-12

CZECH REPUBLIC
1. CÔNG TY BIOVETA, A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxicillin (Bioveta 15%L.A)	Amoxicillin base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm có mủ trên gia súc	BVTC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Erythromycin (inj ad us. vet)	Erythromycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi và các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	BVTC-6
3	Oxytetracyclin (Bioveta 20 % L.A)	Oxytetracycline base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	BVTC-7

INDONESIA

1. CÔNG TY P.T. SURYA HYDUP SATWA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Daimeton B Inj 20%	Sulfamonomethoxine	Lọ	100ml	Điều trị bệnh số mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi	SHS-03

2. CÔNG TY P.T. MEDION

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfamix	Sulfadimethyl, Pyrimidine	Lọ, can	60, 120ml, 1, 5, 20, 60lit	Trị bệnh cầu trùng, CRD, thương hàn, E.coli	MDI-15
2	Neo meditril-I	Enrofloxacin	Lọ	20, 100, 250ml, 1, 5lit	Phòng trị CRD, E.coli, Salmonella, Coryza	MDI-16
3	Vitamin B Kompleks Inj	Vitamin B1, B2, B6, và các vitamin khác	Lọ	20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng các bệnh do thiếu vitamin nhóm B gây ra	MDI-18
4	Vermyzin SBK	Piperazine citrate	Gói	10,33,100,500g;1,5,15,25kg	Tây giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-19
5	Vermixon Oral Solution	Piperazine hexahydrate	Lọ, can	20, 60, 120ml;1,5,20, 60 lit	Tây giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-20
6	Coxy	Na Sulfaginoxaline, Vitamin A, K3	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	MDI-21
7	Trimezyn-S	Trimethosol, Sodium sulfadiazin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị Coryza, CRD, thương hàn, E.coli, Bạch lỵ	MDI-22
8	Ampicol	Ampicilline, Colistin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị E.coli, CRD, thương hàn, bệnh kế phát Gumboro	MDI-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Neobro	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trọng, chống stress, giảm tỷ lệ chết	MDI-24
10	Kanamycin	Kanamycin acid sulphate	Gói, bao	2, 5, 10, 50, 100g, 1 kg	Trị CRD, Thương hàn, Staphylococcus	MDI-25
11	Sulpig	Sulfadimethyl Pyrimidine	Lọ	20, 50, 100 ml, 1 lit	Tiêu chảy lợn, viêm phổi, các bệnh nhiễm khuẩn trên lợn	MDI-26
12	Tysinol	Tylosin tartrate	Lọ	20, 50, 100 ml	Trị bệnh viêm phổi do Mycoplasma, lý heo, viêm khớp, viêm vú, leptos.	MDI-28
13	Medoxy-L Inj	Oxytetracycline HCl, Lidocaine HCl	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, thương hàn, viêm phổi, nhiễm trùng máu	MDI-30
14	Koleridin	Oxytetracycline HCl, Menadion Na-bisulfite	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Trị bệnh Coryza, CRD, tiêu chảy do E.coli, thương hàn	MDI-32
15	Fortevit	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trưởng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phối và tỷ lệ ấp nở	MDI-33
16	Strong Egg	Vitamins, Amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	MDI-34
17	Therapy	Oxytetracycline HCl, Amprolium HCl	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, Coryza	MDI-36
18	Respiratrek Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, thùng	20, 60, 120 ml, 1, 5, 20, 60lit	Trị CRD, E.coli	MDI-37
19	Vitamin B12 Inj	Cyanocobalamin	Lọ	20, 50, 100, 500 ml	Phòng bệnh thiếu máu, duy trì tốc độ tăng trưởng của gia súc	MDI-38
20	Pignox	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Ca-D-pantothenate Choline chloride, Methionin, Fe, Cu, Co, Zn	Gói, bao	500g, 5, 25, 50kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn, kích thích tăng trưởng, giảm tỷ lệ chết của gia súc, gia cầm	MDI-40
21	Egg Stimulant	Oxytetracyclin, Vitamin A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Ca-D-pantothenate.	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Tăng tỷ lệ đẻ, cải thiện chỉ số tiêu tốn thức ăn	MDI-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
22	Medoxy-LA (20% inj)	Oxytetracycline	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100 ml	Phòng trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy	MDI-44
23	Antikoksi (liquid)	Sulfaguanoxaline,	Lọ, chai, can	50, 100, 250ml, 1, 5, 20lit	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	MDI-45
24	Vita Stress (powder)	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, E, PP, Mg, P, Ca	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Chống stress, cung cấp vitamin và điện giải	MDI-46
25	Doxytin	Doxycycline HCL	Gói, bao	5; 10; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 50kg	Phòng, trị CRD, bệnh do coli	MDI-50
26	Meditritl-L	Norflloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml; 1 lit	Phòng trị CRD, bệnh do coli,...	MDI-52
27	Mineral Babi	Vitamin và điện giải	Gói	50, 100, 500g; 1kg	Kích thích tăng trưởng, phòng chứng thiếu máu trên lợn con, phòng bệnh bại liệt trên lợn nái	MDI-17
28	Ferdex Plus	Sắt, vitamin B12, B6	Lọ	20,50, 100 ml	Phòng bệnh thiếu máu trên lợn	MDI-29
29	Ferdex 100	Sắt (Fe)	Lọ	20, 50, 100 ml	Phòng chứng thiếu máu do thiếu sắt trên lợn	MDI-39
30	Wormecin injection	Ivermectin	Lọ	2; 5; 20ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng.	MDI-53
31	AD3E Injection	Vitamin A, D ₃ , E	Chai	50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin A, D ₃ , E	MDI-54
32	Amoxitin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị Coryza, Colibacillosis, Salmonellosis	MDI-56
33	Neo Meditritl	Enrofloxacin	Chai	20, 100, 250ml; 1l	Trị viêm dạ dày-truột, viêm đường hô hấp và tiết niệu trên gia cầm	MDI-57
34	Kalsium boroglukonat inj	Calcium gluconate, Boric acid	Chai	250; 500ml	Trị chứng hạ canxi huyết cho gia súc.	MDI-58
35	Coliquin	Flumequin	Gói, Bao	5; 10; 50; 100; 250g	Trị bệnh do E.coli, Salmonella, Tụ huyết trùng trên gia cầm.	MDI-60

MALAYSIA

1. CÔNG TY Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	CHEMIX Powder 50%	Flumequine	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị các bệnh do nhiễm Coryza, E. coli, và Pullorum	Malaysia	YSPM-1
2	AMOXICILLIN Soluble Powder	Amoxicillin trihydrate	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị bệnh do nhiễm E. coli, thương hàn, viêm màng não.	Malaysia	YSPM-2
3	KWAIBO-007	Vit. A, Vit. D3, Vit. E, Thiamine, Riboflavin, Pyridoxine, Nicotinamide, Vit. B12, Vit. C, Vit. H, d-Ca, Folic acid	Gói, Bao	10; 50; 100; 1; 20kg	Thúc đẩy tăng trưởng, bổ sung vitamin, chống stress, suy yếu, dinh dưỡng kém	Malaysia	YSPM-3
4	CONQUER Powder	Mebendazole	Gói, Bao	12; 50; 60; 100; 120; 600g; 1; 20kg	Điều trị nhiễm giun sán	Malaysia	YSPM-4
5	RIBU Powder	Ronidazole	Gói, Bao	100g, 1kg	Điều trị bệnh lý ở heo con	Malaysia	YSPM-5
6	LICOFAT – 44 Powder	Lincomycin Streptomycin	Gói, Bao	50; 100; 500g, 1; 20kg	Phòng ngừa và điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	Malaysia	YSPM-6
7	CLON Powder	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kích thích tăng trưởng, phòng ngừa và kiểm soát bệnh lý	Malaysia	YSPM-7
8	TRIXINE Powder	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g, 20kg	Điều trị bệnh Coryza, viêm phế quản, tiêu chảy	Malaysia	YSPM-8
9	DOXY 10% Powder	Doxyeycline	Gói, Bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kiểm soát biến chứng của viêm phế quản mẫn tính	Malaysia	YSPM-9
10	OTC-20 Premix powder	Oxytetracycline HCl	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g, 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	Malaysia	YSPM-10
11	LINCOMYCIN-300 Inj	Lincomycin HCl	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+), viêm phổi, viêm phế quản, viêm màng não	Taiwan	YSPM-12
12	AMOXICILLIN Inj	Amoxicillin trihydrate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do E. coli, thương hàn, viêm màng não	Taiwan	YSPM-13

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
13	DEXON Inj	Dexamethasone-21 phosphate sodium	Lọ	100ml	Điều trị dị ứng, chàm, bong, phù, viêm da, viêm khớp cấp, vù cấp, và viêm phổi	Taiwan	YSPM-14
14	SHINCORT Inj	Triamcinolone acetonide	Lọ	100ml	Điều trị viêm khớp, viêm da, viêm phổi và viêm phế quản	Taiwan	YSPM-15
15	HEROMIN B12 Inj	Cyanocobalamin, D- Panthenol, Dextrose	Lọ	100ml	Phòng trị chứng thiếu máu, dinh dưỡng kém, rối loạn chuyển hoá	Taiwan	YSPM-18
16	ENLIN – 22 Inj	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim, Dexamethasone	Lọ	100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm thanh quản, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm vú...	Taiwan	YSPM-19
17	COUGHLIN Inj	Sulpyrine, DL-Methyl Ephedrine	Lọ	100ml	Điều trị viêm phổi lớn	Taiwan	YSPM-21
18	SULPYRINE 25% Inj	Sulpyrine	Lọ	100ml	Điều trị sốt ở lớn	Taiwan	YSPM-22
19	TYLOSIN Water soluble powder	Tylosin tartrate	Gói, Bao	7,5; 15; 50; 75; 100;150;500g, 1kg	Điều trị ly, viêm phổi, viêm vú, và sốt do chuyển chở	Malaysia	YSPM-23
20	IRONWON Solution	Iron dextran, Colistin, Tylosin base	Chai	100, 200, 500ml; lit	Điều trị thiếu máu và tiêu chảy ở heo mới sinh	Malaysia	YSPM-25
21	Cefadroxil	Cefadroxil	Gói, bao	10;20;50;100;500g 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra.	Malaysia	YSPM-28
22	Lemison	Levamisole hydrochloride	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do giun đũa, giun lươn, giun tròn, giun móc, sán lá và sán giây	Malaysia	YSPM-29
23	Amoxicillin 50% Soluble Powder	Amoxycilline	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phế quản, nhiễm trùng máu trên heo, gà.	Malaysia	YSPM-30
24	Erythromycin-164	Erythromycin	Gói	10; 20; 50; 100, 150,500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, viêm màng hoạt dịch, dịch tả, viêm khớp trên gà.	Malaysia	YSPM-31
25	Canbisu	Ivermectin	Túi, Bao	100; 333g	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo.	Malaysia	YSPM-32

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
26	Amoxicillin 50% Premix Powder	Amoxicillin	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên gia cầm	Malaysia	YSPM-33
27	Sultrim powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 20kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt.	Malaysia	YSPM-34
28	Sultrim Suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt.	Malaysia	YSPM-35
29	Poly-E	Colistin sulfate	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-36
30	Doxy 50% Powder	Doxycyclin	Túi, Bao	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-37
31	Q-Lulan Water Solution Powder	Sulfachloropyrazine	Túi	180g	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn Salmonella, E.coli trên gia cầm.	Malaysia	YSPM-38
32	Amoxicillin 20% soluble powder	Amoxicillin	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-39
33	Fluro oral solution	Norfloxacin	Chai	100; 500ml; 1l	Trị Colibacillosis, CRD, Salmonellosis, Staphylococcus trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-40
34	Florcol Oral solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-42
35	Neosun soluble powder	Neomycin sulfate	Túi, Bao	100; 500g	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-43
36	Cephan 50 powder	Cephalexin	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-44
37	Yucomy	Nystatin	Túi, Bao	100g; 1; 20kg	Phòng và trị nấm trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-45
38	Sulfolan powder	Sulfamethazine, Tylosin tartrate	Túi, Bao	100g; 1; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi, viêm mũi trên heo	Malaysia	YSPM-46
39	Sulfarim powder	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gà, vịt.	Malaysia	YSPM-48

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
40	Rican premix powder	Colistin sulfate	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên heo, gia cầm.	Malaysia	YSPM-49
41	Licofat-220 Powder	Licomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị lý, viêm phổi trên heo	Malaysia	YSPM-50
42	Enflosin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, Salmonella, CRD, CCRD, Tụ huyết trùng trên gia cầm.	Malaysia	YSPM-51

2. CÔNG TY PHIBRO ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TM 200	Oxytetracyclin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	E-coli, thương hàn, viêm phổi, THT	PBAM-01
2	Coxistac 12%	Salinomycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng	PBAM-02
3	Stafac 50	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-03
4	Stafac 500	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-04

3. CÔNG TY SUNZEN (CORP) SDN BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sunz-Lyte	Vitamin A, D3, E, C, B2, B6, B12, Potassium Sodium	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-1
2	Sunz-Vit	Vitamin A,B2, B3, B6, B12, B1, C, E, K3, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-2
3	Pfilyte	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, B1, D3, E, K3, Potassium, Sodium, Carbonate	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-3
4	Vitastress	Vitamin A, B2, B3, B12, B6, C, D3, K3, E, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-4
5	Pfactor 002	Vitamin A, B2, B6, B12, B1, C, D3, E, K3, PP, Biotin, khoáng Mn, Zn, Iron, Cu, Co, I, Se	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	SZS-5

4. CÔNG TY NOVA LAB SHD.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Enrovet 10% Oral solution	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1lit.	Phòng và trị CCRD, C.R.D, Colibacillosis, Salmonellosis (thương hàn), dịch tả, sung phù đầu(Coryza) trên gia cầm.	NOVA-1
2.	Toltravet 2.5% Oral Solution	Toltrazuril	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1lit	Trị cầu trùng trên gà do Eimeria acervulina, E. brunetti, E. maxima, E. necatrix, E. tenella, E. Mitis.	NOVA-2
3.	Novamox-G Injectable Oily Suspension	Amoxycillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị tiêu hoá-ruột, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng rốn, viêm khớp, viêm phế quản, nhiễm trùng huyết, áp xe, viêm tử cung, viêm vú trên bê, nghé, dê, cừu, lợn.	NOVA-3
4.	Novamox 20% L.A Injectable Oily Suspension	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị viêm dạ dày ruột, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú, da và mô mềm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	NOVA-4
5.	Flumevet 20% Oral Solution	Flumequine	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1lit	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng huyết trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	NOVA-5
6.	Coxisol 24% Oral Solution	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Chai	200; 500ml; 1lit	Phòng, trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên lợn, gia cầm.	NOVA-6
7.	Trimeton 24% water soluble Powder	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm.	NOVA-7
8.	Nova SB 30% water soluble Powder	Sulfachloropyrazine	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên gà. Trị cầu trùng trên lợn.	NOVA-8
9.	Novacoc 24% water soluble Powder	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên gia cầm. Trị cầu trùng trên lợn.	NOVA-9
10.	Tylosin water soluble Powder	Tylosin tartrate	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm.	NOVA-10
11.	Doxyvet-B	Doxycycline HCL, Bromhexin	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trên bê, lợn, gia cầm.	NOVA-11

5. CÔNG TY PAHANG PHARMACY SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Tri-SQ	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi	112; 500g; 1; 10; 20kg	Trị cầu trùng trên gia cầm.	PPM-1
2.	Toricox-25	Toltrazuril	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gà	PPM-2
3.	Porcox-5	Toltrazuril	Chai	100; 225; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên lợn con.	PPM-3
4.	Florgen-100 (Oral Solution)	Florfenicol	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gà.	PPM-4
5.	Enrox-100	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm	PPM-5
6.	Isotyl-250	Tilmicosin	Chai	250ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên gà.	PPM-6
7.	Trimeto-480	Sulphadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp, thối móng trên lợn, gia cầm.	PPM-8

UNITED STATE OF AMERICA (USA)
I CÔNG TY ARCHER DANIELS MIDLAND (ADM)

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine HCl	L-Lysine	Bao	25kg	Cung cấp L-Lysine	ADM-1
2	L-Threonine 98,5%	L-Threonine	Bao	25kg	Cung cấp L-Threonine	ADM-2
3	ADM-Tryptosine Tm 15/70	Tryptosine	Bao	25kg	Cung cấp Tryptosine	ADM-3

2. CÔNG TY BIOPRODUCTS-JNC

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Choloride 60%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-2
2	Choline Choloride 75%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-4

3. CÔNG TY ELANCO ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Tylan 40	Tylosin phosphate	Bao	22,68kg	Phòng và trị PIA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma.	USA	EC-1
2.	Tylan soluble	Tylosin tartrate	Lọ	100g	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	USA, England	EC-2
3.	Coban 60	Monensin	bao	22; 68kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích tăng trọng	USA	EC-3
4.	Apralan Premix 75	Apramycin sulfate	bao	22; 68kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-5
5.	Apralan Soluble (Apramycin sulphateFSD)	Apramycin sulfate	Lọ	50; 100g;	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA, England	EC-6
6.	Tylan 50 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lý cấp ở trâu, bò, lợn	USA, UK Northern Ireland	EC-7
7.	Tylan 200 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lý cấp ở trâu, bò, lợn	USA, UK Northern Ireland	EC-8
8.	Pulmotil G200 (Tilmicosin Granulate fortify)	Tilmicosin	Bao	10 kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp , THT,...	England	EC-9
9.	Tylan Soluble (Tylosin tartrate FSD)	Tylosin tartrate	thùng	55kg	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	England	EC-10
10.	Surmax 100	Avilamycin	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử do Clostridium gây ra gia cầm. Kiểm soát bệnh tiêu chảy có kết hợp vi khuẩn E.Coli trên heo con,	England	EC-11
11.	Tylan 40 sulfa-G	Tylosin phosphate, Sulfamethazine	Bao	22,68kg	Phòng và trị các bệnh viêm phổi, bệnh hô hấp mạn tính do Mycoplasma gây ra, ...	USA	EC-12
12.	Apralan soluble (Apramycin sulphateFSD)	Apramycin sulfate	thùng	50kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	England	EC-13

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
13.	Apralan [®] 100 premix	Apramycin sulfate	Bao	10; 25kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-14
14.	Maxiban 72	Narasin, Nicarbazin	Bao	22,68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-15
15.	Monteban 45	Narasin	Bao	22,68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-16
16.	Elancoban 200 Premix	Monensin	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-17
17.	Monensin QA 336N	Monensin	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng gà.	USA	EC-18
18.	Tylan 100	Tylosin phosphate	Bao	22,68kg	Phòng và trị PLA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma.	USA	EC-19
19.	Pulmotil AC	Tilmicosin	Chai	240, 960ml	Đặc trị các bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra	England, Italy	EC-20
20.	Elector	Spinosad 2,5%	Chai	1,5 lít	Kiểm soát ngoại ký sinh trùng ruồi, rận, ve hút máu cho Bò	USA	EC-21
21.	Extinosad [™] PSP	Spinosad (Spinosyn A & D)	Chai	250, 950 ml	Kiểm soát ngoại KST bọ cánh cứng và ruồi tại trại chăn nuôi gà.	USA	EC-22
22.	Micotil 300 inj	Tilmicosin, Propylene glycol	Chai	50, 100, 250 ml	Trị bệnh do các vi sinh vật mãn cảm với Tilmicosin.	USA	EC-23
23.	Surmax G 200 premix	Avilamycine	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử kết hợp với vi khuẩn Cl. perfringens trên gia cầm. Tiêu chảy kết hợp với E.coli trên heo.	Anh	EC-24

4. CÔNG TY INTERNATIONAL NUTRITION

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Swine Milk Maker	Potassium, Magnesium, Vitamin E, Choline	Bao, xô, gói	1kg, 10kg, 25kg	Nhuận tràng, tiêu hóa tốt, chống táo bón	IN-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2.	VM 505	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B12, Calcium Pantothenate, Niacin, Folic acid, Choline chloride	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 10kg, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-7
3.	Swine VTM Starter	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B12, H, Folic acid, Niacin, Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co, Selenium	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-8
4.	Soluble Vitamix	Vitamin A, D3, E, Menadione, B1, Vitamin B2, Pyridoxine, B12, B5, Niacinamide, Folic acid, Vit H, C	Bao, xô, gói	100gr, 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-12
5.	Sweet Iron F.G.	Iron, Zinc, Copper, Manganese, Vitamin E, Folic acid, Vitamin H, B12	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	IN-19
6.	Spectralyte	Citric Acid, Sodium Chloride, Potassium Chloride, Zinc Complex, dl-alpha tocopheryl acetate	Bao, xô, gói, thùng	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Trị ngứa các rối loạn đường ruột. Cân bằng điện giải, khoáng chất và Acidifier.	IN-21
7.	Electrolyte Blend	Potassium, Sodium, Chloride	Bao, xô, gói	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Hỗn hợp chất điện giải và vi khoáng	IN-23
8.	Instress	Sodium, Potassium, Vitamin A, D3, E, Pyridoxine, B12, Folic acid, Menadione, Niacin, Vitamin H, B1, B2, B6, Lysine	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Cung cấp vitamin, đồng thời phối hợp các hợp chất điện giải. Chống Stress tức thời.	IN-24
9.	Inter-Feed Premix	Vit A, D3, E, K3, B1, B2, B6, , B12, Pantothenate acid, Folic acid, Niacin	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, tăng sức đề kháng	IN-26
10.	Sweet Iron Oral	Ferrous sulfate, Ferric Ammonium Citrate, Ferric Choline Citrate, Ferrous Fumarate, Ferrous Gluconate, Ferric Methionine, ZnO, CuSO ₄ , CuO, MnO, Zn, Methionine, Potassium Chloride, dl- Alpha Tocopheryl Acetate, Vitamin B12, Biotin, Folic acid, Iron Oxide	Bao, xô, gói	1, 5, 20kg, 25kg	Ổn định lượng hemoglobin trong máu trong suốt giai đoạn bú mẹ. Giúp heo con có đủ lượng sắt và vi khoáng cần thiết cho đến khi ăn được thức ăn khô. Cung cấp đủ khoáng dinh dưỡng,	IN-31
11.	Cattle Trace Mineral Premix	Fe, Mn, Zn, Cu, Co, Iodine, Selenium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu các loại khoáng	IN-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12.	Vitamin AD3E Inj	Vitamin A, D3, E	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị bệnh thiếu hụt Vitamin	IN-37
13.	Vitamin B Complex Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B	Chai	100, 250, 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B	IN-38
14.	Vitamin B Complex Fortified Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B đậm đặc	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị các chứng thiếu hụt vitamin nhóm B	IN-39
15.	Maxim-100 Inj	Oxytetracycline	Chai	100, 250, 500ml	Kháng khuẩn Gr(-) và Gr(+)	IN-40
16.	Worm Away	Morantel Tartrate, Wheat Midds, Alfafa, Molasses, Calcium carbonate, Sodium chloride	Gói, Xô, Bao	100,250,500g; 1kg 5;10;20kg 25 kg	Điều trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng cho Dê, Bò, Cừu	IN-43
17.	Swine VTM Grower Finisher	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, H Folic acid, Niacin, Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Cung cấp các vitamin thiết yếu và các khoáng chất	IN-5
18.	Soluble ADE	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung nguồn Vitamin A, D, E	IN-20
19.	Swine Grower Finisher	Vitamin A, D3, E, Riboflavin, Fe, Zn, Cu, Pantothenate acid, Choline	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và cân bằng vi khoáng cho khẩu phần lợn	IN-29
20.	VM 101	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, Calcium Pantothenate, Niacin, Vi B12, Folic acid, Choline Chloride	Bao, xô, gói	100g, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-41
21.	Fern-A-Zin	Zn, Vitamin C, Methionin, Threonine, Tryptophane, amino acid	Bao, xô, gói	100; 250; 500g; 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-42
22.	Vitamin 11	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, H Niacin, B12, Folic, pantothenate acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Hỗn hợp 11 Vitamin thiết yếu.	IN-18
23.	Biovitacon	Vi A, D3, E, K3, B1, B2, H, B12, Pantothenate acid, Niacin, Folic acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin ở dạng đậm đặc	IN-25
24.	Family Pig Balancer	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Crude protein, Lysine, Calcium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, lysine và Calcium.	IN-30

5 CÔNG TY MED PHARMEX

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Iron Dextran Inj	Iron Dextran	Chai, lọ	100ml	Bổ sung sắt	MPM-1
2.	Vitamin A,D3 Inj	Vitamin A,D3	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin A,D ₃	MPM-2
3.	Fortified B complex	Vitamin nhóm B	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin tổng hợp B	MPM-3
4.	Vitamin & Electrolytes	Vitamin và điện giải	Gói	225g	Bổ sung vitamin tổng hợp B và chất điện giải	MPM-4

6. CÔNG TY AGRIPHARM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxymyacin 100	Oxytetracycline	Chai	500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	RXV-1
2	Vita-Jec B Complex Fortified	Vitamin B1, B2, B6, B12	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-2
3	Vita-Jec Vitamin B complex	Vitamin B1, B2, B6, B12	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-3
4	Vita-Jec A+D500	Vitamin A, D3, E	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm A, D	RXV-4
5	Exit TM Insecticide	Vitamin A, D3, E	Chai	3,785 lít	Diệt ngoại ký sinh trùng	RXV-8

7. CÔNG TY FORT DODGE ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Dicural Oral Solution	Difloxacin	Lọ	250ml	Phòng và trị nhiễm trùng	Tây Ban Nha	FDA-1
2.	Duphaphenstrep BP	Penicilline Streptomycine	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gr (+)	Tây Ban Nha	FDA-2
3.	Tinkanium	Trimethoprim Sulfamethazine	Lọ	100ml	Kháng sinh chuyên trị bệnh đường tiêu hóa	Tây Ban Nha	SVL-1
4.	Proheart SR-12 injection	Moxidectin	Lọ	10ml	Trị bệnh giun tim cho chó	Australia	FDA-20

8. CÔNG TY ALPHARMA

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	3 - Nitro	Roxasone	Gói, Túi Thùng	20; 100g 1; 10kg; 25kg, 50kg	Phòng cầu trùng, tăng trọng. Cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	USA, CHINA	ALP-01
2	BMD Granulated 10%	Bacitracin methylene disalcylate, Calcium carbonate	Gói Xô Bao	30; 100g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-03
3	BMD Soluble 50%	Bacitracin methylene disalcylate soluble, Calcium carbonate	Gói Xô, Bao	100; 500g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-04
4	Cygro 1%	Maduramicin ammonium	Gói Thùng, Bao	100, 500, g, 1kg 2.5, 5, 7.5kg 10, 20; 25kg	Phòng và trị bệnh Cầu trùng	CHINA	ALP-05
5	Aurofac 200G	Chlotetracycline	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 25kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA, CHINA	ALP-08
6	Avatec 15%	Lasalosis	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 20kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích sinh trưởng	USA	ALP-09
7	Aureo SP 250	Chlotetra	Gói Bao	115; 575; 1, 15; 2, 3, 4 6; 6, 9 kg; 22, 7 kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA	ALP-10
8	Biocox 120G	Salinomycin	Bao	20, 25 kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	USA, Italy, China	ALP-16
9	Robenz 66 G	Tobenidine HCL	Gói, xô, bao	100g; 1; 2, 5; 5; 7, 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gà	Thailand	ALP-17
10	Avatec 20%	Lasalocid sodium	Bao	20; 25kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	Italy, USA	ALP-18
11	Alvenec	Ivermectin	Bao	1; 20; 25 kg	Phòng nội, ngoại ký sinh trùng	Korea	ALP-19
12	Tiamulin Hydrogen Fumarate Premix 80% Coated	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Gói, Bao, Hộp	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Mycoplasma hyopneumonia, Actinobacillus pleuropneumoniae, lỵ trên heo.	CHINA	ALP-20

9. CÔNG TY ZOETIS

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Revolution™ 6%	Salemectine	Tuýp	0,25ml	Phòng bệnh Kí sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-7
2	Revolution™ 12%	Salemectine	Tuýp	0,25ml; 0,5ml 1ml; 2ml	Phòng các bệnh Kí sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-8
3	Dectomax	Doramectine	Chai	20ml; 50ml; 100ml; 200 ml	Phòng các bệnh Kí sinh trùng ở heo, trâu, bò	Brazil	PFU-9
4	Advocin 2,5%	Danofloxacin	Chai	20 ; 50; 100 ml; 250 ml	Phòng và trị bệnh trên heo, trâu bò	Brazil	PFU-10
5	Terramycin/LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 100ml	Phòng và trị ỉa chảy, viêm vú, viêm tử, cung, mắt sữa, hô hấp....	Indonesia, France	PFU-17
6	Rimadyl Chewable tablets	Caprofen	Viên	25 mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau dùng điều trị cho chó	USA	PFU-20
7	Rimadyl Caplets	Caprofen	Viên	25 mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau	USA	PFU-21
8	Clamoxyl LA	Amoxycilline trihydrate	Chai	50ml; 100 ml 250ml	Trị bệnh truyền nhiễm cấp và mạn tính, viêm có mủ	USA, Italia, England	PFU-27
9	Clavamox® Drops	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Chai	15 ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-37
10	Clavamox Tablets 62,5mg	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Hộp	210 viên	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-38
11	Rimadyl inj	Caprofen	Chai	20 ml	Giảm đau và hạ sốt cho chó đặc biệt giảm triệu chứng trong viêm khớp hoặc thoái hoá khớp	USA, Italia, England	PFU-43
12	Linco-Spectin	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Chai	50; 100; 250ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	USA, Bi,	PFU-54
13	Linco-Spectin 100 Soluble Powder	Lincomycin, Spectinomycin, Sodium benzoate	Chai	150g	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli ở gia cầm	Trung Quốc	PFU-57
14	Neomix 325 Soluble Powder	Neomycin, Sucrose	Chai	100; 200; 500g	Phòng và trị bệnh do E.coli ở lợn, gia cầm, trâu bò, dê, cừu	Trung Quốc	PFU-58

15	Excelen	Ceftiofur sodium	Lọ	- 1g+20ml dd pha - 4g+80ml dd pha	Trị nhiễm trùng đường hô hấp cho Trâu bò, Ngựa, Lợn, viêm đường tiết niệu cho Chó.	USA	PFU-59
16	Draxxin®	Tulathromycin, Monothioglycerol	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	Anh, Pháp	PFU-72
17	Excede™ for Swine	Ceftiofur	Lọ	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	Mỹ	PFU-73
18	Excelen® RTU	Ceftiofur HCL	Lọ	100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoài tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò.	Mỹ	PFU-74
19	Linco-Spectin 44 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100g; 1; 20; 25kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên heo, gà.	Trung Quốc	PFU-77
20	Lincomix 110 Premix	Lincomycin	Túi, Bao	100; 500g; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị ỉy, viêm phổi trên heo. Viêm ruột trên gà.	Trung Quốc	PFU-78
21	Linco-Spectin 880 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100; 500g; 1; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị hồng ỉy, viêm ruột trên heo.	Trung Quốc	PFU-79
22	Lincomix 800 Soluble powder	Lincomycin	Túi, Bao	100g; 1; 5; 20; 25kg	Trị hồng ỉy trên heo	Trung Quốc	PFU-81
23	Excede	Cetiofur	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên bò	Mỹ	PFU-82
24	Lincomix 44 Premix	Lincomycin	Túi, Bao	100; 500g; 1,5; 20; 25kg	Trị ỉy, viêm phổi trên heo	Trung Quốc	PFU-83
25	Spectramast LC	Ceftiofur	Ông bom	10ml	Trị viêm vú giai đoạn cho sữa	Mỹ	PFU-84
26	Spectramst DC	Ceftiofur	Ông bom	10ml	Trị viêm vú giai đoạn bò cạn sữa	Mỹ	PFU-86
27	Tolgro 2,5%	Toltrazuril	Chai, thùng lít	500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên cần	Trung Quốc	PFU-90
28	Jimplus 200G	Timicosin Phosphate	Bao, túi, gói	1kg; 5kg; 10kg; 20kg; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn.	Trung Quốc	PFU-91

10. CÔNG TY AMERICAN VETERINARY LABORATORIES INC (A.V.L)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin nhóm A, D, E	AVL-2

11. CÔNG TY NEPERA, INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng	Khối lượng/	Công dụng	Số đăng ký
1	Niacinamide Feed Grade (Nicotinamide, Vitamin B3)	Vitamin B3	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin B3	NPRU-1

12. CÔNG TY WESTERN YEAST COMPANY

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Western DI-SAN	Saccharomyces cerevisiae	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng, giảm mùi hôi của phân, cải thiện ô nhiễm môi trường	WYU-01

13. CÔNG TY SCHERING-PLOUGH ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Nuflor solution injectable	Florfenicol	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	Pháp	MKV-15
2.	Nuflor Premix	Florfenicol	Bao	10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	Mexico, Đài Loan	MKV-16
3.	Finadyne solution injectable	Fluxinin meglumine	Chai	10; 50; 100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, và trị bệnh về xương, cơ trên trâu, bò, ngựa.	Pháp	MKV-17
4.	Nuflor Oral Solution 10%	Florfenicol	Chai, Can	500ml; 1; 2; 5l	Trị bệnh hô hấp trên heo, gà	Mexico	MKV-21

14. CÔNG TY AMECO-BIOS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Gromix Pak	Amylase, Protease, Lipase, ZnO, chất chiết xuất từ Yucca, chất đậm, béo, xơ thô	Gói, bao	1; 20; 22,5; 25kg	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, cung cấp men tiêu hóa, chất đậm, béo, xơ	ABU-4

VENEZUELA

1. CÔNG TY LABORATORIOS REVEX DE VENEZUELA C.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitavet-B-Amino	Vit A,D3, E,B1, B2, B6, B12, C, K, A. amin	Lọ, Bình	1 lít; 5 lít	Cung cấp Vitamin và các acid amin	LRV-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Colimox	Amoxycillin (trihydrate), Colistin sulphate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	LRV-02
3	15-Amox	Amoxycillin (trihydrate)	Lọ	100ml	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp,	LRV-03
4	Gumbor	Potassium citrate, Sodium citrate, Phenylbutazone (sodium), Vitamin B, B12, C, Menadione sodium bisulfite, Nicotinamide Trihydrothyl-rutocide	Gói	100g; 1kg	Phòng trị bệnh Gumboro	LRV-05

JAPAN

1. CÔNG TY ASAHIVET JAPAN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin 40	Colistin sulfate 4%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-1
2	Colistin 100	Colistin sulfate 10%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-2
3	Colistin Sulfate (Colistin Sulfate Ashahi)	Colistin sulfate	Thùng	10kg	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-3

2. CÔNG TY DAICHI FINE CHEMICAL CO., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	D-calcium Pantothenate	Vitamin B5	Bao	10; 25kg	Bổ sung vitamin B5	FUJI-1
2	Daimeton Soda	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, thùng, bao	20; 100g; 1; 10; 25kg	Trị số mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi.	FUJI-3

3. CÔNG TY MEIJI SEIKA KAISHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Colimeiji	Colistin sulphate	Thùng	300; 400; 500; 600 BOU	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-1
2	Colistin sulphate 2%	Colistin sulphate	Gói, bao	100kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-2

4. CÔNG TY SCIENTIFIC FEED LABORATORY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Trimixliquid	Vitamin A,D3,E,K,B2,B6,B12,Panthenol	Thùng	500ml; 1; 18 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin	SS-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh do thiếu vit E	SS-5

5. CÔNG TY TAKEDA CHEMICAL INDUSTRIES

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	CVC type A coated Ascorbic Acid	Ascorbic Acid (Vitamin C)	Thùng	25; 50 kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc.	TKD - 3

6. CÔNG TY KOHKIN CHEMICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	All Purposes Premix Vitamin for Chicken	Vitamin A, D3, E, K3, B2, B6, khoáng lượng: Fe, Cu, Mn, Zn, Methionin, Nicotinamide, Folic acid	Thùng	50kg	Bổ sung vitamin, khoáng. Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	KOC-I

7. CÔNG TY KAKEN PHARMACEUTICAL CO., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Colistin sulfate	Colistin sulfate	Thùng	100;200;300;400 bou	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli và Salmonella.	KKP-I

8. CÔNG TY KURARAY CO., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kuraray Vitamin A 500	Vitamin A	Thùng	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A	KRRJ-I

9. CÔNG TY KYORITSU SEIYAKU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Geritomin	Berberine tannate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy, rối loạn chức năng dạ dày-ruột, cải thiện hoạt động hệ tiêu hóa trên gia súc.	KSC-2
2	Colistin 20	Colistin sulfate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy trên heo con	KSC-3

NEW ZEALAND

1. CÔNG TY BOMAC LABORATORIES

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	TYLOMIX	Tylosin	Bao	20kg	Viêm đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phổi	BLL-3
2.	KAOMIDE D	Sulfadimidine	Bao	250kg	Nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	BLL-4
3.	SOLADEPLUS	Vitamin ADE	Bao	5kg	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	BLL-5
4.	TETRAVET	Oxytetracyclin	Chai	200g	Nhiễm trùng vết thương	BLL-8
5.	Tetravet Aerosol Blue	Oxytetracycline HCL	Chai	200g	Trị nhiễm khuẩn ngoài da cho gia súc	BLL-11
6.	Tylosol	Tylosin(as tartrate)	Gói	200g; 1kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, viêm phổi, lỵ và viêm hội tràng trên heo.	BLL-12
7.	Tilmax 200 premix	Tilmicosin phosphate	Bao	10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	BLL-14

AUSTRALIA

1. Công ty Jurox Pty Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Moxylan LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo	JPL-1
2.	Erymicin 200	Erythromycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu.	JPL-2
3.	Moxylan RTU	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo.	JPL-5
4.	Juraclox LC	Ampiciline, Cloxacillin	Ông, hộp	3g	Trị viêm vú trong giai đoạn tiết sữa do vi khuẩn nhạy cảm với Ampiciline, Cloxacillin gây ra trên bò	JPL-6
5.	Maxalac LC	Cefuroxime sodium	Ông, hộp	3g	Trị viêm vú mãn tính do vi khuẩn nhạy cảm với Cefuroxime gây ra ở bò	JPL-7

2. Công ty Troy Laboratories PTY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Ilium xylazil-20	Xylazine HCL	Lọ	20; 50ml	Giảm trương lực cơ, giảm đau và an thần	TROY-2
2.	Ketamil Injection	Ketamine HCL	Lọ	10; 50ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, chó, mèo	TROY-3

FRANCE
1. CÔNG TY DOXAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Robindox	Robenidine 6,6%	Bao	20 kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - France	DA-1
2.	Clophen 25	Metictlorpindol	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal – Italy, France	DA-6
3.	Coccidox	Nicarbazine 25%	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal – Italy, France	DA-7

2. CÔNG TY GUYOMARC'H - VCN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Vitaflash	Vitamin A, E, B1, B2, B12, C, K3, PP, B5, Cystine, Methionine, Lysin, Arginine, Tritophane	Gói	20; 50 100g	Cung cấp vitamin và acid amin cân thiết, trị Gumboro trên gà	GUY-1
2.	Covit	Colistine, Oxytetracycline, Vit A, D3, K3, E, B2, B12	Gói	20; 50 100g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, viêm rốn, bệnh hô hấp mãn tính	GUY-2
3.	Anticoc	Sulphadimerazine, Diaverdine	Gói	20; 50 100g	Điều trị bệnh cầu trùng ở gia súc, gia cầm	GUY-4

3. CÔNG TY MERIAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1.	Suanovil 20	Spiramycine	Chai	50;100;250; 500 ml	trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, cho trâu bò, cừu, dê, heo, gà.	PHÁP	MRA-45
2.	Imequyl 20%	Flumequine	Chai	100; 500 ml; 60l	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo.	PHÁP	MRA-49
3.	Dovenix	Nitroxynil	Lọ	50; 250 ml	Diệt sản lá gan, giun tròn ở các loài thú	PHÁP	MRA-60
4.	Trypamidum	Chlorhydrat chlorur isométamidium dể	Gói	125 mg; 1 g	Phòng và trị bệnh do Tripanosoma ở trâu, bò, lạc đà, ngựa, chó.	PHÁP	MRA-61
5.	Vitaperos	12 vitamines	Hộp,bao	5; 100 g;25kg	Bổ sung vitamin cho gia súc	PHÁP	MRA-62
6.	Hematopan B12	Sodium cacodylate	Lọ	50; 100; 250 ml	Trị suy nhược thiếu máu cho thú nhai lại, ngựa, heo, chó, mèo	PHÁP	MRA-63
7.	Frontline spray	Fipronil	Bình	100; 250 ml	Diệt ngoại ký sinh cho chó mèo	PHÁP	MRA-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
8.	Heparenol	Sorbitol, Chlorur cholin, Lysine HCL	Bình	1; 5 ; 60; 200L	Tăng cường chức năng gan, lợi tiểu, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.	PHÁP	MRA-94
9.	Biodyl	Cyanocobalamin, Selenit, ATP	Chai	50; 100 ml	Điều trị các rối loạn cơ cho tất cả các loài vật.	PHÁP	MRA-109
10.	Colisultrix	Colistin-TMP	Gói ,hộp	100 g; 1kg; 2,5 kg; 25kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	PHÁP	MRA-110
11.	NP 8	Colistine, Neomycine	Gói, hộp	100 g; 1,2;5 kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và neomycin	PHÁP	MRA-111
12.	Aleccid	Sulfaguinoxaline Pyrimethamine	Bình	1;5;60;200 L	Phòng, trị bệnh cầu trùng	PHÁP	MRA-144
13.	Colfacoli	Colistine	Gói, hộp	100g; 1;2;5; 25 kg	Phòng trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở gia cầm, thỏ, bê cừu.	PHÁP	MRA-150
14.	Phosretic	Ethanol B axitaminophosphoric	Gói, hộp tùng	100g; 1; 2,5 kg 25kg	Phòng và chữa trị các bệnh có liên quan đến gan và thận	PHÁP	MRA-152
15.	Trisulmix poudre	Sulphadimethoxine- Trimethoprine	Gói, hộp	100g; 1;2;5 kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprine	PHÁP	MRA-154
16.	Aureomycine	Chlortetracycline	Hộp	24 viên	Phòng bệnh viêm tử cung ở bò	PHÁP	MRA-164
17.	Ketofen 10%	Ketoprofene	Lọ	10; 50; 100 ml	Kháng viêm	PHÁP	MRA-165
18.	Heartgard Plus Chewables	Ivermectin/ pyrantel	Hộp	6 viên (3 loại 3 màu)	Phòng bệnh giun tim, phòng trị các loại giun đũa, giun móc	PHÁP, Mỹ, Mỹ, Hà Lan, Brasil	MRA-174
19.	Ivomec Premix	Ivermectin	Gói	333g; 5kg	Phòng trị nội ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan,	MRA-175
20.	Ivomec Injectable	Ivermectin,	Lọ	50 ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan, Brasil	MRA-177
21.	Frontline spot on cat	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6x 0,5 ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở mèo	PHÁP	MRA-178

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
22.	Frontline spot on dog	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6x 0,67ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6x 1,34ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6x 2,68ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở chó	PHÁP	MRA-179
23.	Pyrevalgine	Acetylsalicylic, Vit C	Chai	100ml	Giảm đau, hạ sốt	PHÁP	MRA-188
24.	Amprol 12%	Amprolium	Chai, bình	500ml; 1; 5; 10; 60l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gia cầm	Pháp	MRA-189
25.	Flumicof 20	Flumequine	Bình	500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	Pháp	MRA-191
26.	Vermizol L	Levamisol HCL; Sodium metabisulphite	Chai	100ml	Thuốc diệt nội ký sinh	Pháp	MRA-194
27.	Vitalic	Vitamin A, E, B1, B2, B6, Calcium panthothenate, Vit. PP, B12, Biotin	Bình	1; 5; 60; 200l	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia cầm	Pháp	MRA-196
28.	Immiticide	Dichlorhydrate Melarsomine	Hộp	5 lọ thuốc + 5 lọ nước pha	Điều trị bệnh giun tim ở chó	Pháp	MRA-200
29.	Imalgène® 1000	Ketamin, Chlorobutanol	Chai	10ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	Pháp	MRA-210
30.	Cefanil	Ceftiofur HCL	Chai	60; 100; 120ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo. Viêm thối móng trên bê. Viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò.	Newzealand	MRA-215
31.	Certifect™ spot on	Fipronil, Amitraz, (S)-methoprene	Ống tuýp	1.07, 2.14, 4.28, 6.42 ml	Phòng và trị ngoại ký sinh trùng trên chó.	Pháp	MRA-216

4. CÔNG TY NOE SOCOPHARM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ampicoline	Ampicoline, Colistine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh truyền nhiễm như MMA, Salmonellosis, E.coli,...	NOEF-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2.	Peni-Strepto 20/20 Noe	Benzylpenicilline, Dihydro streptomycine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	NOEF-2
3.	Tarigemel	Cloxacilline benzathine, Monosteant d' aluminium	Type	10ml	Phòng trị các bệnh viêm vú khi không cho sữa	NOEF-3
4.	Levanisole 15% Noe	Levanisole chlorhydrate	Chai	250ml	Trị sản cho bò, cừu, dê, heo,...	NOEF-4
5.	Oxylon 20	Oxytetracycline	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Oxytetracycline	NOEF-6
6.	Sulfadimerazine 33% NOE	Sulfadimidine	Chai	500ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Sulfadimidine	NOEF-7
7.	Oblets gynaureo	Chlotetracycline	Hộp	100 viên (viên 13g)	Phòng, trị các bệnh đường sinh sản ở gia súc	NOEF-8
8.	Inifer 200	Fer complexd extran	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu ở lợn.	NOEF-9
9.	Sulfapram	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfamethoxypyridazine	NOEF-10
10.	Blotic	Propetamphos	Chai	10;100ml,1;5l	Diệt côn trùng, ve bét ở trâu bò, cừu	NOEF-11
11.	Calcigluphos	Gluconat canxi, magnesium, acid boric	Chai	250; 500ml	Bổ xung canxi, magnesium, phosphore cho gia súc, gia cầm.	NOEF-12

5. CÔNG TY CEVASANTE ANIMALE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Veriben	Diminazene aceturate, Excipients	Gói	2,36gr ; 23,6gr	Trị ký sinh trùng đường máu	SNF-20
2.	Ampisur	Ampicillin, Colistin, Excipients	Chai	50;100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	SNF-22
3.	Cevamyacin W.S	Erythromycin, Colistin, Excipients	Gói	100;400;1000gr	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	SNF-23
4.	Tenaine 20%	Oxytetracycline, Excipients	Chai	100;250ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	SNF-36
5.	Vigotine	Carnithine HCL, Sorbitol, Magnesium, Excipient	Chai	100;200;500ml; 1; 5l	Chất điện giải	SNF-56
6.	Vetrimoxin L.A	Amoxicillin, Excipients	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	SNF-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7.	Cevamec 1%	Ivermectin, Excipients	Chai	50; 100ml	Ngừa ký sinh trùng	SNF-78
8.	Nembutal	Pentobarbitone sodium Excipients	Chai	50; 100ml	Gây mê	SNF-79
9.	Vetrimoxin® 50 Matrix	Amoxicillin trihydrate	Túi	5, 10, 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung	SNF-86

6. CÔNG TY VETOQUINOL

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Septotryl Inj	Sulphamethoxypyridazine Trimethoprim	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-3
2.	Fercobsang Inj	Amonium ferrous citrate Vitamin B complex	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml, 500ml	Trị thiếu máu, rối loạn tăng trưởng, phục hồi thú sau sinh hoặc thú bệnh	VQ-5
3.	Vit C Vetoquinol Inj	Ascorbic acid	Lọ	50ml, 100ml	Tăng sức đề kháng trên thú	VQ-6
4.	Stress-Vitam Inj	Vitamin A, D3, E Vitamin B Complex, Acid amin	Lọ	50ml, 100ml	Bổ sung Vitamin và acid amin cho thú, hỗ trợ tăng trưởng	VQ-7
5.	Biocolistine Inj	Ampicillin trihydrate, Colistine	Lọ	50; 100; 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistine	VQ-9
6.	Avemix No 150	Sulphamethoxypyridazine Trimethoprim	Gói, hộp, bao	50, 100g, 1kg, 5kg, 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-11
7.	Amoxinsol 50	Amoxicillin	Gói, hộp	100; 150g; 1; 2,5; 5kg	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-13
8.	Longamox	Amoxicillin	Lọ	100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-15
9.	Longicine	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	VQ-16
10.	Marbocyl Bolus 50mg	Marbofloxacin	Vĩ	6 viên (16 vi/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-17

11.	Marbocyl 2%	Marbofloxacin	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-18
12.	Marbocyl 10%	Marbofloxacin	Lọ	20ml; 50ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-19
13.	Marbocyl 5mg	Marbofloxacin	Vi	10 viên (10 vi/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-20
14.	Marbocyl 20mg	Marbofloxacin	Vi	10 viên (1 vi/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-21
15.	Marbocyl 80mg	Marbofloxacin	Vi	6 viên (2 vi/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-22
16.	Tolfedine 4%	Tolfenamide acid	Lọ	10ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với hai hoạt chất trên	VQ-23
17.	Diclomam	Ampicillin, Dicloxacillin	Tuýp	3g	Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung trên bò	VQ-24
18.	Vitamin B12 Vetoguinol	Vitamin B12	Lọ	5ml (hộp 20 lọ)	Bổ sung vitamin B12	VQ-25
19.	Oridemyl	Neomycin, Nystatin	Tuýp	10g; 30g	Điều trị bệnh nấm tai, các bệnh nhiễm trùng tai	VQ-27
20.	Sangavet	Diminazene diaceturate, Vitamin B12, Antipyrin	Hộp, gói	2,36g (100 gói/hộp) 23,6g (10 gói/ hộp)	Điều trị ký sinh trùng đường máu trên trâu bò đẻ cừu	VQ-29
21.	Phenylarthrite injectable	Phenylbutazone	Chai	100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-30
22.	Tolfedine CS	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-31
23.	Magnidazole Force	Albendazole	Vi	5 viên (10 vi/hộp)	Điều trị sán lá gan	VQ-32
24.	Pen-Hista-Strep	Benzylopenicillin, Dihydrostreptomycine	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	VQ-33
25.	Oxytetracycline 10% Vetoguinol	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	VQ-34
26.	Doksy RW	Doxycycline	Gói, Hộp	100; 500g; 1; 2,5kg	Trị viêm đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hoá trên heo, gà.	VQ-35

27.	Lutricycline plus	Tetracycline HCL, Erythromycine estolate	Hộp	200g	Trị viêm xoang mũi, viêm phổi, thương hàn, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ.	VQ-41
28.	Colidiaryl	Colistin sulfate, Erythromycine estolate	Gói	30g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo.	VQ-42
29.	Bac MP	Colistin sulphate	Bao	10; 25kg	Trị bệnh đường ruột trên heo, gia cầm.	VQ-43
30.	Spectolyn 11/11	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Bao	10; 25kg	Trị viêm phổi, ly, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy trên heo.	VQ-44
31.	Eservit AD3EB+ Trace Elements	Vitamin A,D3,E, B1, B2, B6, B12, K3, H, PP, D- Pantothenic acid, Choline, Zinc, Manganese, Copper, Iron	Chai	1 lít	Bổ sung Vitamin thiết yếu cho cơ thể động vật.	VQ-45
32.	Ascotyl 200MP	Tylosin Tartrate	Bao	20kg	Trị viêm ruột hoại tử, viêm phổi trên heo. Trị CRD trên gà.	VQ-46
33.	Amoxicillin 20% Coated	Amoxicillin Trihydrate	Bao	25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu-sinh dục, khớp, da trên bê, ngựa, lợn, gia cầm.	VQ-47

7. CÔNG TY VIRBAC

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Multibio	Ampicillin, Colistin, Dexamethason	Chai	20; 100, 250ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, MMA, bại huyết	VB-6
2.	Zoletil 50	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	5g	Gây mê trong thú y	VB-22
3.	Zoletil 100	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	10g	Gây mê trong thú y	VB-23
4.	Fencare 4%	Fenbendazole	Gói, xô hộp, xô	12,5; 100g; 1kg; 5kg	Phòng và trị giun sán	VB-29
5.	Rilexine 200 LC	Cephalexin	Ống bom	10ml	Phòng và trị viêm vú cho bò sữa	VB-31
6.	Preventic	Amitraz	Hộp	1 vòng	Phòng và trị ve cho chó	VB-38
7.	Suramox 5% Premix	Amoxillin	Gói, bao hộp, bao	50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-39
8.	Suramox 50%	Amoxillin	Hộp, bao	1; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-40
9.	Duowin	Pyiproxyfrene, Permethrine	Lọ	250; 500ml	Diệt ve và bọ chét trên chó	VB-43

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10.	Pulmodox PM 50%	Doxycillin	Gói	100g	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	VB-47
11.	Virbamec LA	Ivermectin	Lọ, chai	50; 200; 500ml; 1lit	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	VB-48
12.	Maxflor L.A	Flortemcol	Lọ	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	VB-49
13.	Biotec	Spiramycin, Colistin	Chai	100ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	AV-8
14.	Exotral	Niclosamide, Levamisole	Hộp	12 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	AV-17
15.	Citius 5%	Ceftiofur chlohydrate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp ở lợn và bò	VB-51
16.	Amphoprim bolus	Sulphamethoxypyridazine, Trimethoprim	Hộp	20; 100 viên (10 viên/vi)	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphamethoxypyridazine, Trimethoprim gây ra cho bê	VB-52
17.	Fortius L.A	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, niệu dục, nhiễm trùng máu, viêm da, viêm tuyến vú trên bò, dê, cừu, lợn.	VB-57
18.	Endogard 10	Febantel, Pyrantel, Praziquantel, Ivermectin	Viên	900mg	Trị giun tròn, sán giây và ký sinh trùng máu trên chó.	VB-58
19.	Shotcox	Toltrazuril	Lọ	100; 200; 500ml; 1; 2; 5; 10; 100; 1000l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gà	VB-59
20.	Dexoryl	Gentamicin sulfate	Lọ	10g	Trị viêm tai ngoài trên chó, mèo.	VB-60
21.	Suramox 25% PMX	Amoxicillin	Gói, Bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng trên heo.	VB-62
22.	Suramox 50% OSP	Amoxicillin	Gói, Bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị viêm nhiễm hô hấp, tiết niệu, viêm màng não, viêm khớp, nhiễm trùng da, nhiễm trùng máu, hồng lỵ.	VB-63

8. CÔNG TY ADISSEO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1.	Microvit B ₁₂ Promix 10000	Vitamin B12	Thùng, bao	5; 20; 25 kg	Bổ sung Vitamin B12	Pháp	ADSF-01

2.	Hydrovit A D ₃ E 100-10-40	Vitamin A, D ₃ , E	Thùng, chai	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D ₃ , E	Pháp	ADSF-02
3.	Microvit E Oil Acetate FG	Vitamin E	Thùng	25; 50; 200 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-03
4.	Microvit A Supra 1000	Vitamin A	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-27
5.	Microvit TM AD3 Supra 1000-200	Vitamin A, D ₃	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin A, D ₃	Pháp	ADSF-28
6.	Microvit K3 Promix MPB	Vitamin K ₃	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin A, D ₃	Pháp, Ý	ADSF-29
7.	Microvit A Supra 500	Vitamin A	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-67
8.	Microvit A Prosol 500	Vitamin A	Thùng	20 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-68
9.	Microvit D3 Prosol 500	Vitamin D ₃	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin D ₃	Pháp – Hà Lan	ADSF-70
10.	Microvit A D ₃ Supra 500-100	Vitamin A, D ₃	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin A, D ₃	Pháp	ADSF-71
11.	Microvit E Prosol 50	Vitamin E	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-72
12.	Microvit E Promix 50	Vitamin E	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-73
13.	Microvit B12 Promix 1000	Vitamin B12	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin B12	Pháp	ADSF-74
14.	Microvit B12 Prosol 1000	Vitamin B12	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B12	Pháp	ADSF-75
15.	Microvit TM H Promix Biotin 2%	Vitamin H	Bao, Thùng	5; 25 kg	Bổ sung Vitamin H	Pháp	ADSF-76
16.	Microvit TM B1 Promix Thiamin Mono	Vitamin B1	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B1	Pháp – Đức	ADSF-77
17.	Microvit B2 Supra 80	Vitamin B2	Thùng, Bao	25 kg 20kg	Bổ sung Vitamin B2	Pháp, Mỹ, Đức	ADSF-78
18.	Microvit TM B6 Promix Pyridoxine	Vitamin B6	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B6	Pháp, Đức, Trung Quốc	ADSF-79
19.	Microvit TM B9 Promix Folic Acid	Vitamin B9	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B9	Pháp, Nhật, Trung Quốc	ADSF-80
20.	Microvit TM B3 Promix Niacin	Vitamin B3	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin B3	Pháp, Thụy Sĩ, Trung Quốc	ADSF-81
21.	Hetrazeen Vitamin K 3	Vitamin K ₃	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin K ₃	Pháp, Ireland	ADSF-82

22.	Hetrazeen S Vitamin K3	Vitamin K3	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin K3	Pháp, Ireland	ADSF-83
23.	Microvit B5 Promix D-Calpan	Vitamin B5	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B5	Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc	ADSF-84
24.	Microvit A Oil Propionate EP/USP	Vitamin A	Thùng	25; 200 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-86
25.	Microvit E Oil Acetate EP/USP	Vitamin E	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-87
26.	Hydrovit A D ₃ E 100-20-20	Vitamin A, D ₃ , E	Chai, thùng	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D ₃ , E	Pháp	ADSF-88
27.	Rhodimet NP 99	DL-methionin	Bao	25; 1000 kg	Bổ sung Methionin	Pháp	ADSF-89
28.	Rhodimet AT 88	DL-2-hydroxy-4-methylthio-butanoic	Thùng	250; 1150 kg	Bổ sung Methionin	Pháp – Tây Ban Nha	ADSF-90

9. CÔNG TY LABORATORIES BIOVÉ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	2S	Sulfadimidine, Spiramycine	Gói, hộp	1; 5kg	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp	BIOVE-1
2.	Athricidine	Phenylbutazone	Lọ	100; 250ml	Trị nhiễm trùng, viêm khớp, thấp khớp, viêm cơ tim,...	BIOVE-2
3.	Biorepas	Colistin	Gói, hộp	100g	Trị bệnh do VK nhạy cảm với Colistin	BIOVE-3
4.	Bioveine Gluconate de Calcium	Calcium, Magnesium	Lọ	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-4
5.	Colampi I	Colistin, Ampicillin	Lọ, chai	150; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Ampicillin	BIOVE-5
6.	Inoxyl Soluble powder	Oxolinic acid	Gói, hộp	100g; 1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-6
7.	Inoxyl Premix 24%	Oxolinic acid	Gói, hộp	1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-7
8.	Neoxyne	Neomycin	Gói, hộp	100g; 1; 4kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin	BIOVE-8-

9.	Polyviteda	Vitamin A, D3, E, B1, B6, C, K3, PP	Lọ	100; 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	BIOVE-10
10.	Dextropirine 50	Acetyl Salicylic acid	Túi, gói	100g; 1kg	Tác dụng hạ sốt bé	BIOVE-13
11.	Mammitel	Colistin, Cloxacillin	Bơm tiêm	10ml(hộp 18 bơm tiêm)	Điều trị viêm vú, sưng vú	BIOVE-14
12.	Bioveine Calcium G.M.C Inj	Calcium, Magnesium	Lọ, chai	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-15
13.	Acti coli B	Colistin	Gói, túi	100g; 1kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, tiêu chảy	BIOVE-18
14.	Colampi B	Colistin, Ampicillin	Gói, túi	150g; 1kg	Trị viêm phế quản và các bệnh đường hô hấp	BIOVE-19
15.	Primazine	Sulfamethoxypyridazine	Lọ, chai	100; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine	BIOVE-21
16.	Acti Tetra B	Oxytetracycline	Gói, túi	100g; 1kg; 5kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và sưng mũi	BIOVE-22
17.	Trivitase	Vitamin A, D3, E	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	BIOVE-23
18.	Bio-Pulmone	Diprophyline, Tepine, Turpentin	Lọ, chai	100; 250ml	Điều trị các bệnh phổi	BIOVE-24

10. CÔNG TY EVIALIS (FRANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Doxy 5	Doxycillin	Thùng	1; 5kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycillin	FRAN-1
2.	Biotivit	Vitamin A, C, E, K3, B1, Lysine HCL, Methionine	Hộp	1; 5kg	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin và axit amin	FRAN-2
3.	AD3E-Hydrosol	Vitamin A, D3, E	Can	1; 5 lít	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin trong giai đoạn cai sữa	FRAN-3
4.	B-Maxaviaire	Vitamin B1, B2, B5, B6, B12, PP, H, tiền axit folic	Lọ	100; 500ml	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin	FRAN-4

5.	Carnitol	Sorbitol, Carnitine hydrochloride	Can	1; 5 lít	Bổ sung dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm	FRAN-5
----	----------	-----------------------------------	-----	----------	---	--------

11. CÔNG TY LABORATOIRE BIARD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Biaverm	Niclosamide, Levamisole hydrochlorate	Hộp	12 viên	Thuốc tẩy giun và sán	BA-02
2.	Biaprim (Oral Sol)	Sodium sulfamethoxine, Trimethoprim	Chai	125; 250ml, 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh tiêu chảy cho heo và gia cầm	BA-03
3.	Sodibio	Ampicillin, Colistine, Dexamethasone	Chai	100ml, 250ml	Trị các chứng viêm nhiễm cấp tính	BA-04
4.	Pneumobiotique	Spiramycine, Oxytetracycline,	Gói, bao	100; 300; 3kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở phổi	BA-05
5.	Anthelminticide 15%	Levamisole hydrochlorate	Chai	100; 250ml	Thuốc tẩy giun	BA-10
6.	Sodistrep	Erythromycine, Dihydrostreptomycine	Chai	100; 250ml	Trị các bệnh do nhiễm vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	BA-12
7.	Biaminthic 5% Oral	Levamisole hydrochlorate	Chai, thùng	250ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-13
8.	Sodiazole (Oral Sol)	Levamisole, Bothionol sulfoxide	Chai, thùng	80ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-14
9.	Sodiazot (Oral Sol)	L Lysine HCl, Sorbitol, chất chiết xuất từ thảo dược	Chai, thùng	100; 250ml, 1; 5 lít	Điều hòa gan	BA-16
10.	Biannycine 20%	Oxytetracycline	Chai	20; 100; 250ml	Thuốc kháng sinh	BA-18
11.	Sodicoc (Oral Sol)	Sodium sulfaguinoxaline, Pyrimethamine	Thùng	1; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm và thỏ	BA-19

12. CÔNG TY INOUKO GENERICS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Inoxel	Ceftiofur	Lọ	1; 4g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, lợn; Trị nhiễm trùng do E.coli, Staphylococcus gây ra trên gà con.	ING-1

2.	Ivermectine 1%	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, lạc đà.	ING-2
3.	Oxytetra 20% LA	Oxytetracycline	Chai	50; 100ml	Trị viêm phổi, màng phổi, sinh dục, tiết niệu, tiêu hoá trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ING-3
4.	Bactyl 10%	Enrofloxacin	Chai, bình	100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên heo, gia cầm	ING-4
5.	Bactyl 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên trâu bò, lợn, chó, mèo.	ING-5

13. CÔNG TY COOPHAVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Cofamox 15 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò.	COO-1
2.	Dexalone solution	Dexamethasone	Chai	50; 100ml	Chống viêm, di ứng, shock trên trâu, bò, ngựa, heo.	COO-2
3.	Cofalysor	Fish hydrolysate, Benzyl alcohol	Chai	50; 100; 250ml	Giúp tăng cường trao đổi chất.	COO-3
4.	Cofamox 50	Amoxicillin	Hộp, gói	100g, 250; 500g, 1 kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	COO-4
5.	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5; 25 kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), Mycoplasma, Pasteurella trên bê, heo, gà.	COO-5
6.	Ferro 2000	Fe dextran	Chai	50; 100 ml	Phòng chứng thiếu máu trên heo con	COO-6
7.	Cofavit 500	Vitamin A,D3,E	Lọ	20; 50; 100; 250 ml	Phòng và trị chứng thiếu Vitamin A, D3,E ở trâu, bò, dê, cừu, heo, thỏ.	COO-7
8.	Cofacalcium	Calcium gluconate, magnesium hypophosphite	Bình	250; 500 ml	Phòng, trị thiếu can-xi và magnê trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo.	COO-8
9.	Cloxamam	Cloxacilline	Ống	9,1 g	Phòng trị bệnh viêm vú bò trong giai đoạn khô.	COO-9
10.	Cofamox 20	Amoxicillin	Hộp, gói	100g; 1; 2,5; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	COO-10
11.	Cofacoli Solution	Colistin	Bình, thùng	500 ml; 1; 60; 200l	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin.	COO-11
12.	CRD 92	Spiramycin, Trimethoprim.	Gói, thùng	100 g; 1; 2,5; 5; 25 kg.	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và trimethoprim	COO-12

13.	Oxytetra 10 Coophavet	Oxytetracycline	Chai	100 ml, 250 ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin.	COO-13
14.	Ronaxan PS 5%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1,5;2,5kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	COO-47
15.	Ronaxan 20%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	COO-65
16.	Oligoselen Vitamin E	Sodium selenite, Vit E	Bình	1; 5; 60; 200L	Bổ sung Vitamin E và Selenium	COO-95
17.	Sulfa 33 Coophavet	Sulfadimidine	Chai	100; 500 ml	Điều trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với sulphadimidine	COO-102
18.	Ampidexalone	Ampicilline Colistine, dexa	Chai	100 ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Colistin	COO-103
19.	Polystrongle poudre orale	Levamisole	Gói Bảo	100 g; 1kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do các loại giun tròn nhạy cảm với levamisol.	COO-105
20.	Remacycline L.A	Oxytetracycline	Chai	50ml;100 ml	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	COO-107
21.	Super Layer	Oxytetracycline Vit A,D3,E, K3, B2, B12, Ca, VitP, Methionine, Lysine	Gói thùng	100g; 1,2,5kg 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline. Bệnh đường tiêu hóa, hô hấp có liên quan đến stress.	COO-108
22.	Trisulmix injectable	Sulphadimethoxine- Trimethoprim	Chai	50,100 ml	Phòng, trị bệnh gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycine và Trimethoprim	COO-114
23.	Trisulmix liquide	Sulfadimethoxine- Trimethoprim	Bình	1l, 5l, 60l	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprim	COO-148
24.	Virgocilline	Colistin sulphate, Methylpara hydroxybenzoate Propyl parahydroxybenzoat	Chai, hộp 10 chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	COO-195

14. CÔNG TY QALIAN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Bicalphos	Phosphorus, Calcium, Sodium, Magnesium, Zinc, Iron, Manganese, Copper	Can	1; 5; 20l	Bổ sung dinh dưỡng trong thời kỳ động dục và sinh sản.	LFR-01
2.	Vitabioti	Vitamin A, D3, B1, K3, E, Biotin	Can	1; 5l	Giúp lên giống, tăng trưởng nhanh, bảo vệ da, cải thiện chất lượng lông trên giá súc, gia cầm.	LFR-02

PAKISTAN

1. CÔNG TY STAR LABORATORIES

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Alvenax-15% Drench	Albendazole	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5lít	Trị ký sinh trùng như : giun tròn, sán lá gan, giun phổi trên gia súc	SLP-1
2.	Almox - 15% LA Injection	Amoxicillin	Chai, Bình	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng da và mô mềm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin trên trâu, bò, dê cừu, lợn, chó, mèo	SLP-2
3.	Ceriflox-10% Injection	Enrofloxacin	Chai, Bình	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do <i>E.coli</i> , thương hàn, <i>Mycoplasma spp</i> , <i>pneumonia spp</i> trên trâu bò, dê cừu, lợn, gia cầm.	SLP-3
4.	Gentalin-10 Injection	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycine như: nhiễm trùng đường tiết niệu, sinh dục, đường hô hấp, đường tiêu hóa, da và mô, từ cung trên trâu bò, ngựa, bê nghé, dê, cừu, lợn, chó mèo và gia cầm.	SLP-4
5.	Oxyline-20% Powder	Oxytetracycline HCL	Gói, Hộp, Xô	100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị CRD, viêm xoang, viêm mũi, viêm phổi trên lợn, gia cầm	SLP-5
6.	Trisolizin Injection	Sulphadiazine Trimethoprim	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu, bò, lợn và gia cầm	SLP-6
7.	Trisolizin Oral suspension	Trimethoprim Sulphadiazine	Bình, chai	100; 250; 500ml; 1; 5lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu bò, lợn và gia cầm	SLP-7
8.	Tylomac-20 Injection	Tylosin Tartrate	Chai, lọ	20;50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, kiết lỵ, viêm khớp, viêm vú, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, dê cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	SLP-8

2. CÔNG TY ALINA COMBINE PHARMACEUTICALS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Amoxinal LA 15%	Amoxycillin	Chai	50;100; 500ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	ACP-1

2.	Colimox	Colistin sulphate, Amoxicillin trihydrate	Chai	50;100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm nội mạc tử cung, viêm vú, viêm ruột trên bê, ngựa, heo.	ACP-2
3.	Colistin S	Colistin sulphate	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	ACP-3
4.	Dooctyl WS	Tylosin Tarttrate. Doxycycline HCl	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	ACP-4
5.	Diox WS	Diaverdine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A,K ₃ , C	Hũ	1kg	Trị cầu trùng mạnh trắng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-5
6.	Dixaline	Diaverdine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K ₃	Hũ	1kg	Trị cầu trùng mạnh trắng, cầu trùng ruột non trên gia cầm.	ACP-6
7.	Dixaline Plus	Diaverdine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K ₃	Hũ	1kg	Trị cầu trùng mạnh trắng, cầu trùng ruột non trên gia cầm.	ACP-7

ITALY

1. CÔNG TY ASCOR CHIMICI S.R.L (ITALY)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Vitaminina C 50% Coated line	Vitamin C	Gói, bao, thùng	100gr; 25kg	Bổ sung vitamin C	ACC-1
2.	Naquilene 500 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr; 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr (-) cho gia súc, gia cầm	ACC-2
3.	Naquilene 100 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr, 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-3
4.	Naquilene 200 L	Flumequine	Gói, hộp	100 gr; 500, 1kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-4
5.	Spectyl Inj	Lincomycine Spectinomycine	Lọ	100 ml	Phòng các bệnh do E Coli gây ra và nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc	ACC-6

2. CÔNG TY GELILINI INTERNATIONAL S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Gardal 10%	Glycerol, Benzoic acid, Potassium sorbate	Bình	1; 1,25lit	Điều trị bệnh giun tròn, sán dây, giun phổi, sán lá ở trâu bò, cừu	GIL-01

2.	Cistrynol	(+)-Cloprostenol	Lọ	15ml	Điều trị rối loạn sinh sản do tổn thất vàng, kích thích động dục	GII-03
3.	Engemycin Spray	Oxytetracycline	Bình	200ml	Điều trị vết thương ở trâu bò, cừu và lợn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	GII-04
4.	Finamast	Cefalexin benzathine, Cefalexin monohydrate	Syringe	5g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin ở vú bò	GII-05
5.	Gentagil Fortius	Gentamicin sulphate	Chai	250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu,...	GII-06

3. CÔNG TY SINTOFARM S.P.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Colistin sulfate 10% (Colistina solfato 10%)	Colistin sulfate	Túi, bao	100; 500g; 1; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột ở gia súc, gia cầm	STFY-1

4. CÔNG TY CHEMIFARM S.P.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Sulfametazina 20%	Sulphamethazine	Gói	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn gây ra trên lợn	CSI-1
2.	Colistina Solfato 12%	Colistin	Chai	1lít	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, lợn, gà, thỏ	CSI-2
3.	Trimetoprim 40-Sulfadimetossina 200	Trimethoprim Sulfadimethoxine	Chai	1lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn gây ra trên gà thịt, gà tây, thỏ	CSI-3
4.	Anprotiazolo 200	Formylsulphathiazole	Bao	25kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên lợn, thỏ	CSI-4
5.	Flumechina 50%	Flumequine	Chai	1lít	Trị bệnh do trực khuẩn coli, thương hàn và THT	CSI-5
6.	Tiam-Oxi Premix	Tiamulin Oxytetracycline	Bao	25kg	Trị bệnh do mycoplasma, viêm phổi - màng phổi, viêm ruột trên lợn	CSI-6

5. Công ty Industria Italiana Integratori Trei S.p.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxiphan Mix 100	Doxycycline hyclate	Bao	25 kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, hội chứng MMA do vi khuẩn gây ra trên lợn.	IIT-1

SINGAPORE
1. CÔNG TY DIASHAM RESOURCES PTE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Nopstress with electrolytes	Vitamin A, D3, E, B6, B12, K, C, Menadione sodium bisulfite	Gói, túi	100; 150g; 1kg	Bổ sung vitamin và chất điện giải	DSRS-01
2.	Quadrex	Vitamin A, B1, B3, B12, D3, E, K, PP, Neomycin, Cu	Gói	100; 430g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn, bổ sung vitamin, vi lượng	DSRS-02
3.	Diacoxin 5%	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con.	DSRS-03
4.	Diacoxin 2.5%	Toltrazuril	Chai	250ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	DSRS-4
5.	Trimixin 480 Feed Grade	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói, thùng	1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gà, vịt.	DSRS-5
6.	Trimoxal Suspension	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	100ml; 250ml	Trị viêm ruột do vi khuẩn hay nhiễm trùng hô hấp trên heo con	DSRS-6
7.	Trimixin 480	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói	100g ; 500g	Trị bệnh hô hấp mãn tính phức hợp, CRD, THT, E.coli trên gia súc, gia cầm.	DSRS-7

2. CÔNG TY ZAGRO SINGAPORE PTE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Kocceimycin 6%	Salinomycin	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng	ZEL-1
2.	CSP 250 Plus	Sulfadimidine, Chlortetracylin	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh thương hàn, bạch lý, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi,...	ZEL-2
3.	Sultrimix Plus	Trimethoprim	Gói, Bao	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Bệnh thương hàn, bạch lý, Nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-4
4.	Anasol	Vitamin tổng hợp	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Chống stress, cung cấp Vitamin, khoáng	ZEL-5
5.	Nexymix	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Bệnh thương hàn, bạch lý, Nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-6
6.	Amilyte	Vitamin, điện giải	Gói, Bao	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Cung cấp Vitamin và các chất điện giải	ZEL-7
7.	Tyloguard	Tylosin	Gói, Thùng	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 8; 25kg	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lý	ZEL-8

8.	Eryguard 200	Erythromycin	Gói	100; 500g; 1; 8kg	Nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi,	ZEL-9
9.	Agimycin 10%	Chlotetracyclin	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên gia súc gia cầm	ZEL-10
10.	Biotin 2 %	Vitamin H	Bao	1kg, 5kg	Cung cấp vita H, trị bệnh về lông, da	ZEL-15
11.	Cholin Chloride	Cholin chloride	Bao	25kg	Cung cấp acid amin thiết yếu	ZEL-16
12.	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	1; 5; 20kg	Cung cấp vitamin E	ZEL-18
13.	Tiazin 80% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra trên heo, gà.	ZEL-19
14.	Tiazin	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra ở heo và gà.	ZEL-20
15.	Zazaron	Azamethiphos	Gói, Bao	50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-21
16.	Zazaflly	Azamethiphos	Gói, Bao	50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-22
17.	Amoxy-50	Amoxycillin trihydrate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 10; 25; 200kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, cừu, chó, gia cầm.	ZEL-23
18.	Anacox	Sulfachlozin	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm.	ZEL-24
19.	Zadoxyl	Doxycycline hyclate	Gói, Bao, Thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp phức hợp, Coryza, Tụ huyết trùng, E.coli trên gia cầm. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm khuẩn do Leptospira, E.coli, Pasteurella sp, Salmonella sp trên lợn.	ZEL-25

TÂY BAN NHA (SPAIN)

1. CÔNG TY CENAVISA S.A LABORATORIOS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Cenamicina 10 Plus	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-1
2.	Vitacen AD3E Inj	Vitamin A, D3, E	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin A, D3, E	CLS-2
3.	E-Flox Oral Solution	Enrofloxacin	Chai, bình	100; 250; 500 ml; 1; 5; 25 lít	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-3
4.	Cenamicina Plus	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-5
5.	Combecen Inj	Vit B1, B2, B3, B 6, B12	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin B, B2, B3, B6, B12	CLS-6

6.	Amoxycen 200 L.A	Amoxicillin trihydrate	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, đường niệu, da và mô mềm	CLS-7
7.	Oxycen 200 L.A	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm đường tiết niệu, các bệnh về da và nhiễm trùng do phẫu thuật gây ra trên gia súc.	CLS-8
8.	Ivercen 10	Ivermectin	Chai	50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị giun tròn, giun co, giun bao, các loại giòi, chấy rận, ve, bọ chét, ghẻ trên gia súc.	CLS-9
9.	Ferrocen 20	Dextran Iron	Chai	50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở động vật non do thiếu sắt	CLS-10
10.	Masticen pomada	Ampicillin; Cloxacillin	Tuýp	30; 100ml	Trị viêm vú trong quá trình khai thác sữa trên bò, cừu, dê.	CLS-11
11.	Floxicen	Enrofloxacin	Chai	1 lít, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	CLS-12
12.	Trisol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao, gói	100g; 1 kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, cừu, gia cầm	CLS-13

2. CÔNG TY LABORATORIES HIPRA S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tyloprim Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, khí phế quản	HP-2
2.	Vermipra Inj	Levamisole	Lọ	50ml	Trị nội ký sinh trùng	HP-6
3.	Pederipra Spray	Chotetamycine	Lọ	100; 200; 270ml		HP-8
4.	Gentamox Inj	Amoxicillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	HP-10
5.	Hiprasulfa-TS Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột	HP-11
6.	Oxipra-10 Inj	Oxytetracyclin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột	HP-13
7.	Hipralona Enro-1	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị tiêu chảy, CRD	HP-14
8.	Hipravi – AD ₃ E Forte	Vitamin A, D ₃ , E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin A, D ₃ , E	HP-21
9.	Hipravi – AD ₃ E	Vitamin A, D ₃ , E	Lọ, chai	100ml; 1lít	Bổ sung vitamin A, D ₃ , E	HP-22
10.	Hipravi – T	Vitamin A, D ₃ , E, B ₁ , B ₅ , B ₆	Lọ, chai	100ml; 1lít	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HP-23

11.	Hipralona Enro-S	Enrofloxacin	Lọ, chai	100ml; 1lít; 5lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	HP-24
12.	Federipra spray	Chlotetracyclin HCL	Chai	270ml	Trị nhiễm trùng móng, vết thương phẫu thuật, vết thương ở da	HP-29
13.	Ferrohipra-200	Sắt (Fe)	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt	HP-30
14.	Hipramox-P	Amoxicillin	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng do Staphylococcus spp và E.coli trên gà, heo.	HP-31
15.	Eficur	Ceftiofur	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	HP-32
16.	Hipradoxi-S	Doxycycline	Chai	1; 5l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo, gà.	HP-33
17.	Selectan	Florfenicol	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HP-34
18.	Equilibrium	Vitamin A; D3; E; B6; B5; L-threonine; D,L Methionine; L Lysine; L Valine; L-Histidine; L-Arginine; Isoleucine; Leucine; Phenylalanine	Chai	100 ml; 1; 5lít	Trị bệnh do thiếu Vitamin	HP-46

3. CÔNG TY S.P VETERINARIA, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ampifur	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-1
2.	Colimicia Complex	Tylosin, Colistin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-2
3.	Eriprim	Tylosin, Sulfafurazol	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-3
4.	Hidro Rex Vital Aminoacidos	Vitamin A, D3, E, C, K3, B1, B2, B6, B12, Methionin, Lysin	Chai	250; 500ml; 1l	Cung cấp các vitamin và acid amin thiết yếu	SPV-5
5.	Ironvex Inj	Iron detran	Chai	100ml	Cung cấp sắt	SPV-6
6.	Quinolone-N20	Norfloxacin	Chai	100; 250ml	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-7
7.	Tetravex Plus Inj	Tetracyclin	Chai	100,250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-8
8.	Toscalm	Tylosin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-9
9.	Toscalm Inj	Tylosin	Chai	20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chung VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10.	Avicilina Super	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-11
11.	Cocirex	Sulphaquinoxalin, Pyrimetharine	Chai	250; 500ml; 1l	Đặc trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	SPV-12
12.	Colmyc-E	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-13
13.	Inecil Inj	Tylosin	Chai	20; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-15
14.	Antidiarex	Sulfadimidine, Tetracyclin	Chai	100; 200ml; 1l	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-16
15.	Mastivex-1	Cloxacillin, Framycetin	Syringe	10g	Điều trị bệnh viêm vú ở bò	SPV-18
16.	Dimetricin Inj	Erythromycin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-19
17.	Revefos Inj	Ethanol-B-aminophosphoric acid, Propionic acid	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Giúp phục hồi và chống suy nhược, gia tăng tiết sữa.	SPV-22
18.	Septibron TCD Inj	Tylosin, Tetracyclin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-23
19.	Colimutina Inj	Tiamulin, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-25
20.	Conyc-E Inj	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-26
21.	Rex vital Aminoacids	Vitamin A, B5, C, K3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-27
22.	Rex Vitaminio	Vitamin A, B5, C, K3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-32
23.	Supper egg formula plus	Vitamin B2, C, D3, K3, Oxytetracyclin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Tăng năng suất trứng gia cầm	SPV-28
24.	Ampi Coli SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-29
25.	Ampi Coli fort SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-30
26.	Vitaject AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	100; 250ml	Cung cấp vitamin A, D, E	SPV-31

4. CÔNG TY INVESTIGACIONES QUIMICAS Y FARMACEUTICALS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chung VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Fluquin	Enrofloxacin, Potassium hydroxide	Chai, thùng	20; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml; 1lit; 2; 5; 10; 20; 25; 50; 100; 200lit	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, viêm phổi	IQF-2

5. CÔNG TY TAV VETERINARIA S.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	TAVET Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin, Benzyl alcohol,	Chai, can	100; 50ml; 1lít; 5 lít	Điều trị các bệnh do E.coli, Samonella, Mycoplasma, tụ huyết trùng ở gia cầm	TAV-01
2.	TAVET Doxycycline 10%	Doxycycline (hyclate), Acetyl salicylic axit, Bromhexine HCL	Lọ, chai, can	100ml; 1lít; 5 lít	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline , Mycoplasma.	TAV-02
3.	TAVET Enrofloxacin 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, cuống phổi, do Mycoplasma ở trâu bò; bệnh do E.coli, Salmonella ở lợn; bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở chó	TAV-03
4.	TAVET Oxytetracycline 200 L.A	Oxytetracycline	Chai	10; 50; 100; 250ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm dạ dày, viêm tử cung, viêm vú	TAV-04
5.	Amoxi - TAV 15% L.A.	Amoxicillin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	TAV-05
6.	TAVET - Cefalecina + Gentamicina	Cephalexin monohydrate, Gentamicin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh viêm vú, bệnh ở bò, cừu và dê do E.coli, Klebsiella, Pseudomonas, streptococcus, staphylococcus,..	TAV-06
7.	VIT-Amino	Vitamin A, D3, B1, B2, B6, C, K3, Methionine, Lysine, Tryptopan,	Hộp, bao	100g; 1kg; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, axit amin cần thiết, phục hồi sức khỏe	TAV-07
8.	Stress lyte plus	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, K2, muối Ca, Fe, Mn, Cu, Mg	Hộp	1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng	TAV-09
9.	Fostonic	Butaphosphan; vitamin B12	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hoá trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo.	TAV-10
10.	Tavet hierro 10%	Fe; Coban; Vitamin B12	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, tăng sức đề kháng trên lợn con, cừu con, bê con	TAV-11
11.	Calci Plus	Ca; Zn; Mg; Mn; Cu	Chai	1; 5 lít	Bổ sung canxi	TAV-12
12.	Energy Plus	Triglycerides, sắt	Chai	100ml	Tăng cường sức đề kháng ở gia súc non.	TAV-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13.	Stress Forte	Vit A; D3; E; B1; B2; B6; B12; K3; C; folic; nicotinic; biotin; cholin; pantothetic; methionin, lysin; arginine; valin; leucin; isoleucin; threonin; phenylalanin; triptophan; histidine	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Giảm stress; hỗ trợ điều trị bằng kháng sinh	TAV-14
14.	Metositol	Methionine, Carnitine, Choline, Mg, Sorbitol, Atiso	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh lâu dài.	TAV-15

6. CÔNG TY INVESA INTERNATIONAL S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ganadexil Enrofloxacin 5%	Enrofloxacin 5%	Chai	100; 250; 1000ml	Trị viêm phế quản	IIS-1
2.	Ganadexil Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin 10%	Chai	100; 250ml; 1000; 5000ml	Trị thương hàn	IIS-2
3.	Hierodexina	Vitamin B12	Chai	100ml	Trị thiếu máu, bổ sung chất sắt	IIS-3
4.	Levanisol 100	Levanisol HCL	Chai	250, 500, 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-4
5.	Zinaprim Inj	Sulfametacina Trimetoprim	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Trị đường ruột, nhiễm trùng máu	IIS-5
6.	Vitamin A AD3E Inj	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-8
7.	Zinaprim (Oral Powder)	Sulfamethazine, Trimethoprim	Bao	100; 200g; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, cầu trùng	IIS-9
8.	Tilosina 200 Ganadexil Inj	Tylosin	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-10
9.	Multivit	Vitamin A, D, E, K, B1, B2, B6, PP	Chai	50; 100; 250ml 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10.	Ganamnovit (Oral Powder)	VitaminA, D3, B1, B2, B6, C, K3 và khoáng chất	Bao	100; 200; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị suy dinh dưỡng, thiếu máu	IIS-12
11.	Chicktonic (Oral Solution)	VitaminA, D3, B1, B2, B6, B12, K3, khoáng chất	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-13
12.	Ampidona (Oral Soluble Powder)	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Gói	100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-14
13.	Coloxyvit (Oral Powder)	Oxytetracyclin, Colistin, Riboflovin, Niacidamine, Vit A, D3, K, E, B12	Gói	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-15
14.	Invemox 15% LA	Amoxicilline (trihydrate), Butylated hydroxytoluen, Benzyl alcokol, A. monostearate	Chai	10; 50, 100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline gây ra cho Trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo.	IIS-16
15.	Promectine	Ivermectine	Chai	10; 50, 100; 500ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng cho Trâu, bò, cừu và heo	IIS-17
16.	Oxitetraciclina 200LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, từ cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	IIS-18
17.	Betamint	Betain, Vit C, Potassium chloride, Sodium chloride, Magne chloride hexahydrated, Calcium chloride dihydrated	Chai, Can	100; 250; 500ml; 1; 5l	Chống triệu chứng stress do nhiệt trên lợn, gia cầm.	IIS-19
18.	Orondo Spay	Chlortetracycline	Bình	250ml	Trị nhiễm trùng bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline gây ra	IIS-20
19.	Penbex	Peniciline G procaine, Dihydrostreptomycine sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml.	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Peniciline và streptomycine	IIS-21
20.	Energyn	Vitamin A, D3, E	Chai	100; 250ml	Dùng cho heo con còi cọc, nhỏ khi mới sinh không thể bú sữa đầu do cạnh tranh trong bầy và lạnh.	IIS-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21.	Hepavex 200	Sorbitol, Methionine, Choline Chloride, Magnesium sulfate L-Carnitine HCL	Chai	l; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc kí sinh trùng.	IIS-23
22.	Complejo B Invesa	Vitamin B1, B2, B6, PP, B12, chất chiết gan, Dexpantenol.	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị thiếu hụt vitamin trên trâu bò, lợn, dê, cừu. Chống stress.	IIS-24
23.	Doxinyl	Doxycycline hyclate	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5lit	Trị viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên lợn, gia cầm	IIS-25
24.	Espacox 5%	Toltrazuril	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	IIS-28
25.	Cadorex	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	IIS-29
26.	Rhenox Premix	Amoxicillin	Bao	3; 24 kg	Trị bệnh do vi khuẩn Streptococcus suis trên heo con sau cai sữa.	IIS-30
27.	Tiercal	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kế móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò.	IIS-31
28.	Doxyprex	Doxycycline hyclate	Túi, Bao	1; 5; 20; 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	IIS-32
29.	Lincoxil 40%	Lincomycin(hydrochloride)	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh lỵ trên lợn; Trị viêm ruột trên gia cầm.	IIS-33
30.	Albendazol 10% Ganadexil	Albendazole	Chai	1; 5 lít	Phòng và trị giun, sán trên trâu bò và gia cầm	IIS-34

7. CÔNG TY MEVET, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enrovall	Enrofloxacin base	Chai Lọ	100 ml 1000 ml	Phòng và trị bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng, ... ở gia súc, gia cầm	MV-1

8. CÔNG TY LABORATORIOS SYVA S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Mamifort	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Ống	10ml	Trị viêm vú ở trâu, bò, dê, cừu	SYVAS-1
2.	Syvaquinol 10% Oral	Enrofloxacin	Chai	100, 500, 1000ml; 5 l	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,...	SYVAS-2
3.	Syvaquinol 100 Inje	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,...	SYVAS-3
4.	Colisin	Ampicillin trihydrate, Colistin sodium	Chai	10, 50, 100ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin	SYVAS-4
5.	Forticlina Retard	Oxytetracycline, Magnesium oxide, Polyvinylpyrrolidone, 2- Oxypropylolidone, Sodium formaldehyde sulfoxylate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn.	SYVAS-5
6.	Amoxoil Retard	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 25; 50; 100; 250ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên bò, cừu, lợn, chó, mèo.	SYVAS-6
7.	Dextrafer Complex	Dextran Fe, Gluconate Cu, Gluconate Cobalt, Vitamin B12,	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, cừu con, dê con.	SYVAS-7
8.	Flumesyva Liquid 20%	Flumequin	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra trên bò, cừu, dê, heo, gia cầm.	SYVAS-8
9.	Vit- ADE	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, chó, mèo.	SYVAS-9
10.	Mamifort Secado	Ampicillin trihydrate, Cloxacillin enathine	Syringe	8g	Trị viêm vú do vi khuẩn trên bò sữa trong giai đoạn không tiết sữa	SYVAS-10
11.	Neuxyn 5%	Flunixin	Chai	50; 100ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên trâu, bò, ngựa, heo.	SYVAS-11

9. CÔNG TY LABORATORIOS CALIER, S.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Cloxacum	Cloxacillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-1
2.	Cloxacmbiotic	Cloxacillin, Ampicillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-2
3.	Roxacin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-3
4.	Roxacin Injectable	Enrofloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-4
5.	Vitamin Forte	Vitamin A, D3, E	Chai	100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin	CALIER-5
6.	Roborante Calier	Calcium phosphorylcholine chloride, Casein peptides, Vitamin B12	Chai	100ml	Tăng cường biến dưỡng, hồi phục sau khi bệnh, khi sinh sản	CALIER-6
7.	Septo-skin	Oxytetracycline, Patent Blue	Chai	200; 270ml	Chống nhiễm trùng ở vết thương	CALIER-7
8.	Espes	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin gây ra	CALIER-8
9.	Calcio Calier Fort	Calcium borogluconate, Megnesium chloride, Magnesium hypophosphite, Sodium methyl p - hydroxybenzoate	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calci và Phospho ở bò	CALIER-11
10.	Ivertin	Ivermectin, Benzyl alcohol	Chai	50; 100; 250m	Trị bệnh do giun tròn gây ra ở bò	CALIER-12
11.	Complejo B-8 Injectable	Thiamin HCl, Riboflavin sodium phosphate, Pyridoxine HCL, Nicotinamide, D-panthenol, Cyanocobalamin, D-biotin	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B, trị các triệu chứng thần kinh, bại liệt,...	CALIER-14
12.	Ovo-Stark Complex	Vitamin A, D3, E, C, Magnesium, Selenium, Cu, Fe, Zn, Mn, Ca, I, Co, Sodium carbonate monobasic	Bao	1; 25kg	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng, giúp cơ thể cân bằng điện giải, tăng cường sức đề kháng	CALIER-15
13.	Caliermutin 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lý, viêm phổi trên heo	CALIER-16
14.	Niglumine	Flunixin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên bò, ngựa, heo.	CALIER-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15.	Zoobiotic 5% premix	Amoxicillin	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị nhiễm trùng do Streptococcus suis gây ra trên heo sau cai sữa.	CALIER-19
16.	Zoobiotic	Amoxicillin	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	CALIER-21

10. CÔNG TY S.H.IBERICA S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Robenin 60	Robenidine HCL	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng trên thỏ và gà thịt	PHIS-1

11. CÔNG TY DIVASA FARMATIC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enrovet 10%	Enrofloxacin	Chai	1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do H.paragallinarum, Pasteurella, E.coli, Salmonella, Staphylococcus, Erysipelothrix rhusiopathiae trên gia cầm.	Diva-1
2.	Doxivet 10	Doxycycline (hyclate), Bromhexine	Chai	1; 5 lít	Trị CRD, viêm phổi, tiêu chảy trên bò, lợn, gia cầm.	Diva-2
3.	Nixyvet	Flumixin	Chai	50; 100ml	Kháng viêm trên bò, ngựa, heo.	Diva-3
4.	Suacron®	Carazolol	Chai	100ml	Trị rối loạn tăng trưởng, chuyển hóa, tuần hoàn do stress gây ra trên heo.	Diva-4
5.	Doxivet 20	Doxycycline (hyclate)	Chai	1; 5 lít	Trị bệnh do E.coli, CRD, Mycoplasma. Pasteurella, Bordetella trên heo, Gà.	Diva-5
6.	Polivit B Complex	Vit B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, K ₃ , Nicotinamide, Ca	Chai	1 lít	Bổ sung vitamin vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, heo, ngựa, cừu và dê.	Diva-6
7.	Polivit Aminocidos Liquido	Protein thực vật, Vit B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, K ₃ , Nicotinamide, Ca	Chai	1; 5 lít	Bổ sung vitamin và amino acid thiết yếu vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, thỏ, heo, cừu và dê.	Diva-7
8.	Vigorol	Dầu dừa, dầu đậu nành, Vitamin A, D ₃ , E	Chai	250ml	Dùng cho heo con ốm yếu, có cân nặng dưới 1kg; Heo con bị giảm đường huyết.	Diva-8

12. CÔNG TY LABORATORIOS MAYMO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số dăng ký
1.	COLIPHUR	Colistin (sulphate), Neomycin (sulphate)	Chai	100; 500 ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	LM-M-1
2.	QUIMIOCOLI	Enrofloxacin	Chai	100; 500 ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	LM-M-2
3.	QUINOCILIN	Ampicillin (trihydrate), Colistin (sulphate)	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	LM-M-3
4.	B-Complex Inj	Vitamin B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, Calcium Pantothenate	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng và trị trị các rối loạn gây ra bởi thiếu hụt vitamin B, rối loạn tiêu hóa, thiếu máu.	LM-M-4

13. CÔNG TY LABORATORIOS KARIZOO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số dăng ký
1.	MAXYL	Amoxicillin trihydrate	Gói	400g; 1kg	Trị bệnh do Streptococcus suis trên lợn; Trị Pasteurellosis, Colibacillosis trên gia cầm.	LKS-1

14. CÔNG TY LABORATORIOS LAMONS S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số dăng ký
1.	AD3E-BCK LAMONS	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, C, K3, Niacin, Potassium sorbate, Glyceryl Polythylenglycol Ricinonleae	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-2
2.	CA/MG/P LAMONS	Bicaneium phosphate; Magnesium oxide; Calcium carbonate	Gói	200; 500g; 1; 25 kg	Bổ sung Canxi, Magie và phot pho trên gia cầm	LLS-3
3.	VIT-ESEL LAMONS	Vitamin E, Sodium selenite, Potasium sorbate, Glycerilpolyethyleneglycol ricinoleate	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin E và selen trên gia cầm.	LLS-5
4.	VIT-AMINO LAMONS PLUS	Glucose, Dạng thực vật, Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B3, B5 B6, B12, Biotine, Inositol	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin và amino acid trên gia cầm.	LLS-6

5.	VITEX LIQUID	Vitamin C; Acid citric; Acid lactic; Glycerin; Sodium chloride	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-7
6.	ACTYBOL LAMONS	MgCl ₂ , Carnitine chloride, Artichoke extract, Rosmarinus extract, Thymus extract, Sorbitol, Propylenglycol, Ion chloride, Lactic acid, Sorbic aic	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Cung cấp các thành phần có hoạt tính sinh học, tăng cường sự trao đổi chất trên gia cầm	LLS-8

15. CÔNG TY LABORATORIOS OVERJERO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Biosvita AD3E Parenteral	Vitamin A, D3, E	Chai	100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin A, D3, E trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	LOS-1
2.	Overtin	Ivermectin	Chai	50; 500ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu.	LOS-2

THAILAND

1. CÔNG TY AJINOMOTO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	L-Lysine Monohydrochloride	L-Lysine Monohydrochloride	Bao	25kg	Bổ sung axit amin	AJN-1

2. CÔNG TY BETTER PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	ADEK 126 Solution	Vitamin A, D3, E, K, B2, B6, B12, D-Pantothenate	Chai, bình	100; 500ml; 5 lít	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-1
2.	ADEK 126 Powder	Vitamin A, D3, E, K, B2, B6, B12, Calcium, Nicotinic acid	Gói, thùng	20; 100g; 1; 15; 25kg	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-2
3.	Betafac-Egg	Vitamin A, D3, E, K, B2, B6, B12, Nicotinic acid, Cu, Fe, I, Mg, Zn, Co, Ca	Gói, bao	1; 10; 20; 30; 50lb	Giúp cân bằng các chất dinh dưỡng có trong thức ăn ở thời kỳ đẻ trứng, tăng năng suất trứng	BP-3
4.	Bio+B12	Erythromycin, vitamin B12	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi Mycoplasma, vi khuẩn Gr ⁽⁻⁾ và Gr ⁽⁺⁾ .	BP-5
5.	Betamycin	Chlortetracyclin, vitamin A, B12	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng ngừa và điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, bệnh cúm và CRD	BP-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6.	Ditrim Oral suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai 1; 5 lít	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị E.Coli, Corynebacterium, phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa trên heo và gia cầm.	BP-7
7.	Losin-S	Tylosin, Sulfamethazine	Gói 25; 100; 500g; 10; 20; 50lb		Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường ruột và đường hô hấp trên heo và gia cầm: tiêu chảy, E.coli, bệnh thương hàn; viêm phổi,...	BP-8
8.	Sultrim	Trimethoprim, Sulfaginoxaline	Gói, bao 10; 20; 100g; 1/4; 1lb; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 30; 50kg		Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa: tiêu chảy do E. coli, bệnh thương hàn	BP-10
9.	Vernisole 50	Oxibendazole	Gói, hộp 15; 30; 100; 800g; 1; 15kg		Điều trị các loài giun ký sinh trên heo, trâu bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm như: giun dạ dày, giun đũa, giun kim, giun kết hạt, tiêu diệt trứng và ấu trùng xâm nhập vào gan và phổi.	BP-11
10.	Biolyte	Sodium chloride, Potassium chloride,	Gói, thùng 100; 1; 15; 25kg		Phòng trị mất nước và chất điện giải do bị bệnh tiêu chảy kéo dài, phòng chống stress do thời tiết thay đổi, do vận chuyển... hỗ trợ cho việc điều trị bệnh tiêu chảy	BP-12
11.	Betafac 5A	Chlortetracycline, vitamin B1, B6, B12	Gói, bao 1/2; 1; 20lb		Kích thích tăng trọng, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất trứng trên gia cầm đẻ. Giảm stress do thay đổi đột ngột hay do vận chuyển.	BP-13
12.	Wormer-B	Piperazine citrate	Gói 10; 50; 1000g		Trị giun ký sinh trên gia cầm, heo và ngựa	BP-14
13.	Sulfamet 12,5%	Sulfamethizine	Chai, bình 500ml; 4oz; 16oz; 1 gallon ; 20 lít		Điều trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn G ⁺ và G ⁻ trên gia cầm	BP-15
14.	Actmix Pig Grower	Vitamin, khoáng	Bao, gói 250; 500; 1; 5; 10; 20kg		Phòng và trị bệnh thiếu vitamin và khoáng chất cần thiết.	BP-16
15.	Actmix Pig Finisher	Vitamin, khoáng	Bao, gói 1; 5; 10; 20kg		Phòng và trị bệnh thiếu vitamin và khoáng chất cần thiết	BP-17
16.	Actmix Layer	Vitamin, khoáng	Bao, gói 1; 5; 10; 20kg		Phòng, trị bệnh thiếu vitamin và khoáng chất cần thiết	BP-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
17.	Betacod	Vitamin A, D3	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb	Bổ sung Vitamin A và D ₃ , kích thích tăng trọng và phòng bệnh do thiếu Vitamin	BP-19
18.	Oxta 50	Oxytetracycline	Bao, gói	1; 5; 25; 50kg	Kích thích tăng trọng cho heo, gà, vịt, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn.	BP-20
19.	Beta 50	Chlotetracycline	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb; 1; 5kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) & Gr(-)	BP-21
20.	Vermisole 150	Oxybendazole	Bao, gói	15; 30; 100; 800g; 1; 5kg	Diệt các loài giun ký sinh trên heo, trâu bò, cừu và gia cầm, các loài giun ký sinh trên heo, trâu bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm	BP-22
21.	Besinor	Norflaxacin	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5lít ; 1gallon	Phòng điều trị bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) và Gr (-), bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma (C.R.D), bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa do E. coli	BP-24
22.	Farminth	Piperazine citrate	Gói	10; 30; 100g; 1lb	Diệt giun đũa và giun kết hạt	BP-25
23.	Losin Soluble Powder	Tylosin tartrate	Hộp, bao	120g; 1,2kg; 12; 30; 60kg	Phòng và điều trị bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra, Viêm phổi.	BP-26
24.	BP 920 Broiler	Vitamin, khoáng	Gói, bao	1; 5; 10; 20kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gà thịt	BP-28
25.	Doxcine Water Soluble Powder	Doxycycline	Gói, bao	20; 100; 500g; 1kg; 15; 20kg	Phòng và trị nhiễm các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	BP-29
26.	Mycofloxacin 100	Enrofloxacin	Chai, thùng	100; 500ml, 1 lít; 5; 20 lít	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr(+), Gr(-) và Mycoplasma	BP-30
27.	Betafin 10%	Tiamulin hydrogen	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1kg; 10; 15; 25kg	Trị bệnh CRD, dấu son, hồng ly, sưng phổi	BP-31
28.	Cobactin 6%	Colistin	Gói, Thùng	100g; 1; 10; 20kg 25kg	Trị các bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	BP-32
29.	Lincomed 10	Licomycin	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 15; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá trên heo.	BP-33
30.	Fenbenzil	Fenbendazole	Gói, bao, thùng	25; 100; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị các loại giun ký sinh trên lợn.	BP-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chúng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
31.	Cobactin 40%	Colistin sulfate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Trị các bệnh ở dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên bò, lợn, gia cầm.	BP-36
32.	Tenamoxcin 500	Amoxicillin trihydrate	Gói, Túi	1; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn.	BP-37
33.	Tilmicin 20%	Tilmicosin	Bao	10kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn	BP-38
34.	Tilmicin solution 25%	Tilmicosin	Chai	240ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, lợn, gà.	BP-40
35.	Artxy 500	Amoxicillin trihydrate	Bao	1; 10; 20kg	Trị bệnh viêm màng phổi trên lợn.	BP-41
36.	Comoxy 500 WSP	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	BP-42

3. CÔNG TY THAI MEIJI PHARMACEUTICAL CO., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Colimeiji 10%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-3
2.	Colimeiji 2%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-4
3.	Colimeiji 400	Colistin sulphate	Thùng	150, 300, 450 Bou	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo.	MJT-5
4.	Kanamycin Inj Meiji 250	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm.	MJT-6
5.	Meikamycin Inj	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, tiêu chảy, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm.	MJT-7
6.	Gentamicin Inj Meiji 40	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, da dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm.	MJT-8
7.	Gentamicin Inj Meiji 80	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, da dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm.	MJT-9

4. CÔNG TY THAI P.D CHEMICALS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Octacin-En 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2.	Octacin-En 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-3
3.	Proguard 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-4
4.	Proguard 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-6
5.	Kana Solution	Kanamycin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra trên trâu, bò, lợn.	THAI-7

5. CÔNG TY INTERTHAI PHARMACEUTICAL MANUFACTURING

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Octacin-En 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-2
2.	Proguard 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-5

6. CÔNG TY MACROPHAR

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Octamix A.C.	Colistin, Amoxicillin	Gói	100; 500g	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+) gây ra	MCP-1
2.	Curazole	Levamisole, Silicon dioxide, Vanillin	Túi	7,5; 100; 500g	Trị giun tròn và giun phổi đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn dê, cừu, gia cầm.	MCP-2
3.	Vet-Moxcol	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-3
4.	Amoxilis	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-4
5.	Surmox-Col forte	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, heo.	MCP-5
6.	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100 g 1;10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
7.	Mac-coli 40%	Colistin sulfate	Bao, gói	50; 100 g 1;10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8.	Bactamox 50%	Amoxicillin trihydrate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-8
9.	Amoxicillin 80%	Amoxicillin Trihydrate	Gói	100; 200g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà.	MCP-9
10.	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
11.	Macro- Mox forte	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, Hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm.	MCP-10
12.	Mac-Colmox	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, Hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm.	MCP-11
13.	Zuzil 2.5%	Toltrazuril	Chai	50 ; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị cầu trùng trên gà	MCP-12
14.	Ocetanix Amox 200	Amoxicillin Trihydrate	Túi	100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn E.coli nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn con, bê.	MCP-13

7. CÔNG TY OLIC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Panacur Powder 25%	Fenbendazole	Thùng	10kg	Trị các loại giun tròn, giun phổi, giun dẹp, sán dây	OLIC-01

8. CÔNG TY POLIPHARM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enro-100	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra	PLPT-01

9. CÔNG TY T.P. DRUG LABORATORIES

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Gentamicin Sulphate Inj	Gentamicin sulphate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm phế quản, viêm túi khí, đặc biệt là bệnh nhiễm khuẩn E.coli CRD; viêm ruột, phân trắng ở gà,	TPDT-1

2.	Gentamicin Sulphate	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100ml	Trị các bệnh do các vi khuẩn G ⁺ và G ⁻ như: E.coli, Klebsiella, Proteus, Salmonella, Shigella gây ra	TPDT-2
3.	Lovasol	Levamisole	Chai	20; 50; 100ml	Thuốc tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun kim, giun kết hạt và giun đũa ở heo, bò, trâu, dê, cừu và chó; giun thận ở heo; Giun tim ở chó	TPDT-3
4.	Ferron	Iron (Fe ³⁺)	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu khoáng chất sắt ở heo con, trâu bò con và các loài vật nuôi khác	TPDT-4
5.	Nigen	Gentamicin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamicin gây ra trên trâu, bò, lợn.	TPDT-5
6.	Gentanic 40	Gentamicin	Chai	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, tiêu hóa, nhiễm trùng da, vết thương trên trâu, bò, lợn.	TPDT-6
7.	Ceftionic	Ceftiofur	Chai	20; 80 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	TPDT-7

10. CÔNG TY WELLAB INTERNATIONAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Corysol -200	Erythromycin, Chlotetracyclin	Gói	100g	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gà, lợn	WELL-1
2.	Methozine 480	Sulphadizine, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị các bệnh đường hô hấp; bệnh do Salmonella; haemophilus gây ra	WELL-2
3.	Bioquin	Trimethoprim. Suphaquinoxaline	Gói	100g	Điều trị các bệnh THT, E.coli,...	WELL-3

11. CÔNG TY BANGKOK LAB AND COSMETIC CO, LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chứng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Toltratil 2,5%	Toltrazuril, Diethanolamine	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà, vịt, ngỗng	BAC-1
2.	Wormecide oral suspension	Albendazole, Magnesium aluminium sillicate, Carboxymethylcellulose sodium	Chai	200ml; 1l	Tẩy giun, sán trên bò, dê, lợn.	BAC-2
3.	Toltratil - S 5%	Toltrazuril	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con	BAC-3

4.	Octa-Sulprim	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	200ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	OMT-01
5.	Kisa S.P	Kitasamycin tartrate	Chai	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Kitasamycin gây ra trên lợn, gia cầm.	BAC-4
6.	Octasal 10%	Butaphosphan; Vitamin B12	Chai	10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	BAC-5

12. CÔNG TY THAI PROGRESS FEED

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Octamix Mineral Compound	Sodium, Magnesium, Potassium, Zinc, Panthenic acid, Nicotinic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung các chất điện giải	TPF-01
2.	Octamix Vitamin Compound	Vitamin A, C, D, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotinic acid, Folic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung vitamin	TPF-02

13. CÔNG TY THAINAOKA PHARMACEUTICAL Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Naodex-100	Iron (Iron III Dextran)	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt ở heo	BTP-1
2.	Tionaoiin 200	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn ở lợn.	BTP-2
3.	Ampithin	Ampicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục và nhiễm trùng huyết do vi sinh vật mẫn cảm với ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, ngựa.	BTP-3
4.	Hitagen	Gentamicin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa ở trâu, bò, heo, chó và mèo	BTP-4
5.	Novalcin	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Giảm đau trên trâu, bò, lợn, ngựa.	BTP-5

6.	Kanaject	Kanamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	BTP-6
7.	Mycocin 100	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm teo mũi và nhiễm trùng đường hô hấp ở trâu, bò và heo.	BTP-7
8.	Hitamox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục ở heo, trâu, bò, cừu.	BTP-8
9.	Idectin	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng ở heo, trâu, bò, cừu, ngựa	BTP-9
10.	Lincoject	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, cừu, heo	BTP-10
11.	Linfamix	Lincomycin HCl	Túi , Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị sưng , ly trên lợn.	BTP-11
12.	Nao-Spectin premix	Lincomycin HCl Spectinomycin HCL	Túi , Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị ly, bệnh đường ruột trên lợn	BTP-12
13.	Colimed	Colistin sulfate	Túi , Bao	100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột trên lợn, gà, vịt.	BTP-13
14.	Tiam premix	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi , Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, ly do trên lợn	BTP-14
15.	Co-Linospec	Lincomycin HCl Spectinomycin HCL	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, ly, viêm ruột, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo.	BTP-15
16.	Devectin premix	Ivermectin	Túi , Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo.	BTP-16
17.	Naomox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục trên trâu, bò, heo, cừu.	BTP-17
18.	Amlistin	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục, viêm vú trên trâu, bò, heo.	BTP-18
19.	Naocline LA	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, heo.	BTP-19
20.	Naospectin	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Hộp	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25 kg	Trị viêm ruột trên lợn; CRD, nhiễm trùng trên gia cầm.	BTP-20

21.	NAOMIX - 500 SP	Neomycin sulfate	Túi, hộp, bao	50; 100; 150; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10 kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	BTP-21
22.	TIAMULIN 450 W/S	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, hộp, bao	50; 100; 150; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	BTP-22

14. Công ty Animal Supplements

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Resplex	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-1
2.	Asincocin	Lincomycin HCL	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lý do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên heo	ASC-2
3.	Astimulin	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lý do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin trên heo	ASC-3
4.	Ascotil	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-4
5.	Aslimmycin	Lincomycin HCL	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lý do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên heo	ASC-5
6.	Resmulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lý do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên heo	ASC-6
7.	Asfadizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo, gia cầm.	ASC-7

15. CÔNG TY GENERAL DRUGS HOUSE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Dizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 200ml; 1L	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim	GDH-1
2.	Quino-100	Enrofloxacin	Chai	100ml và 1L	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram âm, Gram dương và Mycoplasma gây ra	GDH-2
3.	Quinnex	Sulfaguinoxaline, Trimethoprim	Túi	100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim gây ra	GDH-3

4.	Amcolin-P	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	100, 500 gam	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin, Colistin trên bề, ngực, lộn, gia cầm.	GDH-4
5.	Moxcolis	Amoxicillin, Colistin sulfate	Gói, Bao	100; 500; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, đường hô hấp, tiết niệu trên bề, ngực, lộn, gia cầm.	GDH-5
6.	Doxycycline 150 soluble	Doxycycline HCL	Gói, Bao	20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) trên trên lộn, gia cầm, chó, mèo.	GDH-6
7.	Gendazel Vet Suspension	Albendazol	Chai	30; 60; 100; 120; 200; 240ml; 1 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu	GDH-7

16. Công ty NutriChem

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Enrotyl-100	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1lít; 1,5lít.	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	NCT-3
2.	Mybaflox	Enrofloxacin	Chai	200 ; 250 ; 500ml; 1; 1,5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	NCT-4
3.	Doxycin	Doxycycline hyclate	Bao, gói, xô	50 ; 100 g 1 ; 10 ; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bò, lợn, gia cầm.	NCT-5
4.	Colistin –SP 100	Colistin sulfate	Gói, bao, xô	50; 100; 200g; 1; 10; 15; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin gây ra trên lợn, gia cầm.	NCT-6
5.	Biodoxy-150	Doxycycline Hyclate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, heo.	NCT-7
6.	Greenro 0.5% oral pump	Enrofloxacin	Chai	100 ml, 200 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo con	NCT-8
7.	Nulistin-P100	Colistin sulfate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NCT-9
8.	Nulistin-P400	Colistin sulfate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NCT-10
9.	Tylosol	Tylosin ttrate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị viêm đường hô hấp do Mycoplasma gây ra trên lợn, gia cầm.	NCT-11

17. Công ty Nova Medicine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Mutalin 10% premix	Tiamulin	Bao	1; 5; 10kg	Trị hồng lỵ và hô hấp trên lợn	NMC-1
2.	Mutalin 20% Injection	Tiamulin	Lọ	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, viêm khớp và hô hấp trên lợn	NMC-2
3.	Novamoxine 500F	Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà	NMC-3
4.	Novafos	Butafosfan, Vitamin B 2	Lọ	100ml; 250ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ	NMC-4
5.	Lincospecs	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin trên bê, ngựa, lợn.	NMC-5
6.	Novamoxine 20%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, lợn	NMC-6
7.	Novamoxine 15%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu bò, lợn, chó, mèo	NMC-7
8.	Ivermectin 1%	Ivermectin	Chai	100; 250 ml	Trị bệnh do kí sinh trùng gây ra trên bò, lợn	NMC-8
9.	Tonarnic	Tolfenamic acid	Chai	100; 250 ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt. Hỗ trợ trong điều trị viêm vú cấp tính, Metritis.	NMC-9
10.	Novapenstrep	Penicilline, Streptomycine	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilline, Streptomycine trên bê, bò, dê, cừu, lợn	NMC-10
11.	Novamoxine 800	Amoxicilline trihydrate	Túi	500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn.	NMC-11
12.	Novacolistin WS	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi	100, 250, 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm.	NMC-12
13.	Novadoxy	Doxycycline Hyclate	Bao, gói	100g; 200g; 500g; 1kg; 2kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline gây ra trên lợn, gia cầm.	NMC-13

18. Công ty L.B.S Laboratory Ltd., Part

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enrocin 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	50 ; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày -ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	LBS-2
2.	Enrocin 20% Solution	Enrofloxacin	Chai	50 ; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày -ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	LBS-3
3.	Bezter Enro 50	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, vết thương trên gia súc, gia cầm	LBS-4
4.	Bezter Genta 100	Gentamicin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, vết thương, máu, viêm khớp trên gia súc, gia cầm.	LBS-5
5.	Bezter Imectin	Ivermectin	Ống, Chai	1ml; 10ml, 25ml, 50ml, 100 ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc, chó.	LBS-6
6.	Bezter Linco 300	Lincomycin HCl	Chai	50; 100ml	Trị sưng, ly, đóng máu, viêm khớp trên heo; Trị viêm đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên chó, mèo.	LBS-7
7.	Bezter Ceftiofur	Ceftiofur sodium	Chai	100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn.	LBS-9
8.	Bezter Imectin C Plus	Ivermectin, Clorsulon	Chai	10; 25; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn.	LBS-10

19. Công ty Pharmatech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ozuril-5	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con	PHT-1
2.	Coliphar 10%	Colistin	Gói, Hộp	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà.	PHT-2
3.	Pharmatil-20	Tilmicosin	Gói, Hộp	100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gia cầm.	PHT-3
4.	Enfloxacin solution 10%	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1lit	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	PHT-4
5.	Enfloxacin solution 20%	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1lit	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	PHT-5

6.	DYNALIN-10	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao, Thùng	50;100;250;500g; 1;5;10; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên lợn; trị CRD trên gia cầm.	PHT-6
7.	NATICOLIN 40%	Colistin sulphate	Gói, Bao, Thùng	50;100;250;500g; 1;5;10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	PHT-7
8.	OXYLYNE 20	Oxytetracycline HCL	Gói, Bao, Thùng	50;100;250;500g; 1;5;10; 25kg	Trị viêm màng kết trên bê; viêm teo mũi và hội chứng MMA trên lợn; tụ huyết trùng và bệnh hô hấp trên gia cầm.	PHT-8
9.	TILMIPHAR SOLUTION	Tilmicosin phosphate	Chai, Bình, Can	50;100;250;500ml;1;5;10;25lit	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	PHT-9
10.	OZURIL-2.5	Toltrazuril	Chai, Bình, Can	50;100;250;500ml; 1;5;10;25lit	Trị cầu trùng trên gia cầm.	PHT-10
11.	Neophar 500	Neomycin sulfate	Gói	100g; 2 kg	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	PHT-11
12.	Sulthophal	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100;200; 400ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	PHT-12
13.	Entrophar powder 20%	Enrofloxacin	Túi	100;500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-13
14.	Pharmadox-30	Doxycyclin hyclate	Túi	100;500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-14
15.	Doxycguard -50	Doxycycline hyclate	Túi	100;500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-15
16.	Fenbenphar 10% suspension	Fenbendazole	Chai	100; 200; 250; 300; 500ml; 1l	Phòng trị bệnh giun, sán đường tiêu hóa, đường phổi trên trâu, bò, cừu, gia cầm	PHT-16
17.	Fenbenphar 20%	Fenbendazole	Túi	100;500;1000g	Phòng trị bệnh giun, sán đường tiêu hóa, đường phổi trên trâu, bò, cừu, gia cầm	PHT-17
18.	Mulinguard-45	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi	100; 500g; 1Kg	Trị lỵ, viêm phổi trên lợn và bệnh hen suyễn (CRD) trên gà.	PHT-18

20. Công ty Advance Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Daimenox 800	Sulfanonomethoxime sodium	Gói, Chai	20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị hô hấp mãn tính, sốt malaria và phòng bệnh leucocytozoon trên gà.	APT-3
2.	Tyromix-S 10 MX	Tylosin, Sulfamethazine	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, lỵ trên heo.	APT-4

21. Công ty Vesco Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Pactacin	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	VPC-1
2.	Iverpac	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	VPC-2
3.	Lin 30	Lincomycin HCL	Chai	50;100ml	Trị viêm phổi trên heo; trị áp xe phổi, viêm vú, nhiễm trùng khớp trên trâu, bò; trị nhiễm trùng mô mềm trên chó, mèo.	VPC-3

22. Công ty The Medicpharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Cydomox 500	Amoxycillin	Gói, Bao	100; 500g ; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	MEP-1
2.	Ampicyclin	Ampicillin	Gói, Bao	100g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, viêm khớp, tiết niệu-sinh dục trên lợn, gia cầm.	MEP-2
3.	Navajo 30	Doxycycline	Gói, Bao	100g ; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn, gia cầm.	MEP-3

THUY ĐIỀN

1. CÔNG TY DR TEZZA S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ascarex D	Piperazin HCL	Thùng	25kg	Trị ký sinh trùng, các loại giun tròn	AZN-01

THUY SỸ (SWISS)

1. CÔNG TY FINALOR AG

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1.	Ascorbic Acid	Vitamin C	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-1
2.	Carophyll Red	Cantaxanthin	Túi, Hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp sắc tố màu đỏ cho gia cầm	Pháp	HLR-3

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
3.	Carophyll Yellow	Apo-Ester	Túi, Hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp sắc tố màu vàng cho gia cầm	Pháp	HLR-4
4.	K3 Stab Feed Grade	Vitamin K3	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin K3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-5
5.	Menadione Sodium Bisulfite Feed Grade	Vitamin K3	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin K3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-6
6.	Pyridoxine Hydrochloride	Vitamin B6	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-7
7.	Rovimix C-EC	Vitamin C	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-12
8.	Rovimix A-500	Vitamin A	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin A cho gia súc, gia cầm	Thụy Sĩ	HLR-17
9.	Rovimix AD3500/100	Vitamin A và D	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vit A, D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-19
10.	Rovimix B1	Vitamin B1	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin B1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-20
11.	Rovimix B2 80 SD	Vitamin B2	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B2 cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-21
12.	Rovimix B6	Vitamin B6	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin B6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-22
13.	Rovimix Beta-Carotene 10%	Beta-carotene	Túi, Hộp	5 Kg	Cung cấp beta-carotene cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-23
14.	Rovimix Calpan	Pantothenates	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Pantothenic acid cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-24
15.	Rovimix D3-500	Vitamin D	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-25
16.	Rovimix E-50 Adsorbate	Vitamin E	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Thụy Sĩ	HLR-26
17.	Rovimix E-50 SD	Vitamin E	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-27
18.	Rovimix Folic 80 SD	Folic acid	Túi, Hộp	1 - 20 kg	Cung cấp Folic acid cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-28
19.	Rovimix H-2	Biotin	Túi, Hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp Biotin cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-29
20.	Rovimix Niacin	Vitamin PP	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin PP cho gia súc, gia cầm	Thụy Sĩ	HLR-30
21.	Rovimix Stay-C 35	Vitamin C	Túi, Hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-31

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
22.	Thiamine Hydrochloride	Vitamin B1	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-32
23.	Vitamin B12 1% Feed Grade	Vitamin B12	Túi, Hộp	5 Kg	Cung cấp Vitamin B12 cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-33

2. CÔNG TY NOVARTIS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Econor 1%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-1
2.	Econor 10%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-2
3.	Econor 50%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-3
4.	Dynamutilin injection 20%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lý, Leptospirosis trên heo	NVT-8
5.	Tiotilin 10% injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lý, Leptospirosis trên heo	NVT-9
6.	Roxolin	Halquinol	Gói, Thùng	100g; 1; 10; 20; 25 kg	Trị tiêu chảy trên heo, gia cầm.	NVT-10
7.	Dynamutilin 10% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị lý, viêm phổi trên heo.	NVT-11
8.	Dynamutilin 10% Oil injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị lý, viêm phổi, viêm khớp trên heo.	NVT-12
9.	Aquacil	Amoxicillin trihydrate	Gói, Bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40kg	Trị nhiễm khuẩn trên heo.	NVT-13
10.	Dynamutilin feed premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị lý, viêm phổi trên heo.	NVT-14
11.	Lopatul 100	Nitroscanate	Hộp	10 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-01
12.	Lopatul 500	Nitroscanate	Hộp	4 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-02
13.	ESB 3	Sulfaclozine sodium	Bột	20, 250, 500g; 25, 50kg	Trị bệnh cầu trùng, thương hàn	CGN-06
14.	Fasinex 900	Triclabendazole	Hộp	25, 30, 40, 50, 80 viên	Trị sán lá gan	CGN-09

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15.	Fasinex 10%	Triclabendazole	Lọ	100ml	Trị sán lá gan	CGN-10
16.	Cosumix Plus	Sulfachloropyridazine Sodium	Bao, gói	20, 250, 500g; 1; 25; 50kg	Trị bệnh tụ huyết trùng và thương hàn	CGN-11
17.	Tiamulin 10%premix	Tiamulin	Bao, gói	100g, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	CGN-18
18.	Neocidol – 250 EC	Diazinon	Lọ	1 lít	Trị ngoại KST	CGN-20
19.	Quixalud 60%	Halquinoxol	Bao, gói	100g; 1, 10, 20, 25, 50kg	Ức chế vi khuẩn, gây tiêu chảy	CGN-21
20.	Tiamulin 45%	Tiamulin	Bao, gói	10g, 20g, 100g, 25kg	CRD trị bệnh hô hấp mãn tính	SD-5
21.	Tiamulin 80%Coated (Denagard 80% Coated)	Tiamulin	Bao, gói thùng	100g, 25g, 30g, 25;30;50kg	Trị bệnh hô hấp cho heo	SD-6
22.	VertinGard 1% Injection	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại kí sinh trùng trên trâu bò, cừu, lợn, chó, mèo	NVT-15
23.	VertinGard premix	Ivermectin	Túi	100; 500g; 1; 10; 20; 25 kg	Phòng và trị giun tròn đường ruột, giun thận, giun phổi, ve, rận và ghẻ lở trên lợn	NVT-16
24.	Kanagard	Kanamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) và Mycobacterial gây ra trên trâu bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NVT-17
25.	Gentagard®	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng mô mềm, viêm màng trong dạ con, viêm tử cung, bọc mủ tử cung do vi khuẩn gram (-) gây ra trên lợn, gà, chó, mèo	NVT-18
26.	Enflogard®	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn	NVT-19

TURKEY

1. Công ty Provect Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Amoxycol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	PVP-1
2.	Penstrep-C	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulfate, Chlorpheniramin maleale	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilin và streptomycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	PVP-2
3.	Enroxil	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị E.coli, thương hàn, Mycoplasma spp, pneumonia spp trên trâu, bò, lợn.	PVP-3
4.	Amoxycure-LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	PVP-4
5.	Tetraplex LA	Oxytetracycline	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	PVP-5
6.	Amoxlav	Amoxicillin trihydrate, Clavulanic acid	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	PVP-6
7.	Cefcloren	Ceftiofur HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, cừu.	PVP-7
8.	Doxymix	Doxycycline mono hydrate	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin gây ra trên trâu bò, lợn	PVP-8
9.	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó.	PVP-9
10.	Enroxil	Enrofloxacin	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, gia cầm.	PVP-10
11.	Ferdex B12	Iron dextran, Vitamin B12	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu máu trên gia súc non	PVP-11
12.	Doksilin - LA	Doxycycline mono hydrate	Chai, Bình	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với doxycyclin gây ra trên trâu, bò, lợn.	PVP-12
13.	Doxymix WSP 50%	Doxycycline	Gói, Bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	PVP-13

14.	Vitaljek-AD3E + BC	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B3, B6, B12, C, PP.	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm, tình trạng stress. Rối loạn tăng trưởng, rối loạn sinh sản, bệnh thiếu máu, giai đoạn hồi phục sau khi bệnh.	PVP-14
15.	Tylocure	Tylosin	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu-sinh dục, viêm tai, viêm mô dưới da, chống phụ nhiễm kế phát do vi trùng trong những bệnh do virus, nhiễm trùng hậu phẫu trên trâu, bò, heo.	PVP-15
16.	Mectizan-LA	Ivermectin	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị nội ngoại ký sinh trên trâu, bò, cừu, dê, heo.	PVP-16
17.	Clavon SD	Amoxicillin Clavulanic acid	Ống bơm	10; 20 ml	Trị viêm vú trên bò sữa do Staphylococci, Streptococci, <i>Arca-mobacteria</i> , <i>E. coli</i> , <i>Bacteroides</i> , <i>Bacillus cereus</i> , <i>Campylobacter</i> , <i>Klebsiella</i> , <i>Pasteurella</i>	PVP-17
18.	Viocid-Oxy	Oxytetracycline, Vitamin A, Zinc oxide	Bình xịt	100; 200 ml	Trị vết thương ngoài da, móng khớp trên gia súc, gia cầm	PVP-18

2. Công ty VII.SAN Veteriner Ilacari Tic.San.A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	CEFTIVIL	Ceftiofur	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, mô mềm trên gia súc	VST-1
2.	DOKSIVIL	Doxycyclin	Gói, Hộp	20; 100g; 1; 2,5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, gà.	VST-2
3.	FLORVIL 20%	Flofenicol	Chai	500 ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do E.coli trên gà	VST-3
4.	FURAVET	Oxytetracyclin; Neomycin	Gói, Hộp	20; 100g; 1; 2,5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu non, gia cầm.	VST-4
5.	KLAVIL	Amoxicillin, acid clavulanic	Chai	20; 40; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục niệu, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng sau phẫu thuật trên trâu, bò, chó, mèo	VST-5
6.	LYPECTIN	Lincomycin; Spectinomycin	Chai	20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, niệu sinh dục, hệ tiêu hóa, mô mềm trên bê, nghé, cừu, dê, mèo, chó.	VST-6

7.	PRIMAFUL	Oxytetracylin; Flunixin	Chai	20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn hệ hô hấp, tiết niệu trên gia súc	VST-7
8.	PRIMAVILIN LA 300	Oxytetracyclin	Chai	20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu.	VST-8
9.	VILACOL	Amoxicillin; Colistin	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gà.	VST-9
10.	VILAMOKS LA	Amoxicillin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu sinh dục trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo.	VST-10
11.	MAKOVIL	Tilmicosin	Chai	240; 480; 960 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm.	VST-11
12.	KATOVIL	Butaphosphan và Vitamin B12	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khoẻ, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hoá do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo.	VST-12

ALGERIA

1. Công ty Algerian Animal Health Products Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	AL-FLOXACINE 10%	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	AAH-1
2.	BI-AL PRIM	Sulfadimethoxine Sodium, Trimethoprim	Chai	250ml; 1lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine, Trimethoprim gây ra trên bê, cừu non, dê non, thỏ, gia cầm	AAH-2
3.	COLISTIN-AL P.S	Colistin	Túi	100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn E.coli trên bê, cừu, dê non, gia cầm	AAH-3
4.	NEOTERR-AL	Oxytetracycline, Neomycin, Vitamin A, D3, E, B12, PP, K3, Calcium pantothenate	Túi, hộp	100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracycline và Neomycin.	AAH-4

CHINA

1. CÔNG TY FUZHOU FUXIN PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Kanamycin sulfate BP98 (Kanamycin Mono sulfate BP98)	Kanamycin sulfate	Thùng	15; 25bou/kb	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	FFPC-01

2. CÔNG TY ZHEJIANG NHU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Vitamin D3	Vitamin D3 Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ xung Vitamin D3	ZN-01
2.	Vitamin A/D3	Vitamin A, D3	Thùng	25kg	Bổ xung Vitamin A, D3	ZN-02
3.	Biotin 2% Min	Vitamin H	Thùng	25kg	Bổ xung Vitamin H	ZN-03
4.	Vitamin A	Vitamin A Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ xung Vitamin A	ZN-04
5.	Vitamin E	Vitamin E Powder 50%/Min	Thùng	25kg	Bổ xung Vitamin E	ZN-05

3. CÔNG TY ZHUMADIAN HUAZHONG CHIA TẠI CO.,

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Chlortetracycline feed grade(CTC.F.G) 15% Powder	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-1
2	Chlortetracycline feed grade(CTC.F.G) 15% Granular	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-2

4. CÔNG TY ZHANJIANG BAOSHENGHUANG PHARMACEUTICAL CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tylosin tartrat 98%	Tylosin tartrat	Lọ	1g	Tác dụng mạnh đối với các vi khuẩn gram (-), gram(+)	ZBP-1
2.	Streptomycin Sulphate	Streptomycin	Lọ	1,3g (1.000.000 IU)	Trị viêm phổi, viêm họng, viêm phế quản, xuyên, viêm da dày viêm ruột do vi khuẩn, viêm hệ thống đường hô hấp của gia cầm, viêm đường tiết niệu, viêm tuyến sữa	ZBP-2
3.	Benzil Penicillin potassium	Benzil Penicillin	Lọ	1.000.000 IU	Trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	ZBP-3
4.	Enrofloxacin 5% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mùi xanh.	ZBP-4
5.	Enrofloxacin 10% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mùi xanh.	ZBP-5

5. CÔNG TY HEBEI YUANZHENG PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Yzoxytetra 20%	Oxytetracyclin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gr(-), gr (+) gây ra ở đường tiêu hóa, hô hấp, bại huyết, viêm vú, đường niệu dục	HYP-1
2.	Analgin 500	Metamizol	Ống, Chai	2;10;50;100 ml	Giảm đau, hạ sốt	HYP-2
3.	Gentamycin 10% Inj	Gentamycin sulphate	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, da, tiết niệu-sinh dục, viêm dạ dày-ruột.	HYP-3
4.	Terra 20% L.A	Oxytetracycline	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, tiết niệu-sinh dục, viêm dạ dày-ruột.	HYP-4
5.	Flor Max 30%	Florfenicol	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, heo.	HYP-5
6.	Oxytetracycline 10% inj	Oxytetracycline (HCl)	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	HYP-6
7.	Pen Strep Inject	Penicillin G Procaine Dihydrostreptomycin Sulfate	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihydrostreptomycin trên trâu bò, ngựa, lợn, lừa, cừu và dê.	HYP-7
8.	Gramovet 15% LA	Amoxicillin	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn trên ngựa, trâu bò, lợn, dê, cừu, chó mèo.	HYP-8
9.	Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Chai	10,20, 50; 100 ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn	HYP-9

6. CÔNG TY ZHEJIANG HISUN PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enradin F- 80	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột, trên gia cầm và heo.	TKD- 1
2.	Enradin F- 40	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột, trên gia cầm và heo.	TKD- 2

7. CÔNG TY HEBEISHENGXUE DACHENG PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	HSD-1

8. CÔNG TY ZHEJIANG APLOA KANGYUBIO-PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	ZAK-1

9. CÔNG TY PUCHENG LIFE COME BIOCHEMISTRY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Zambac MD 100	Bacitracin methylene disalcylate	Bao	25kg	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm.	PLB-01
2.	Chlortetracycline hydrochloride	Chlortetracycline HCl	Bao	25; 50kg	Kiểm soát và điều trị tăng sinh quá mức vi khuẩn gây hại đường ruột, phó thương hàn trên gà, thương hàn, viêm ruột trên heo.	PLB-2

10. CÔNG TY VANTAI LUYE ANIMAL HEALTH PRODUCTS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Ironwon-20	Iron dextran, Vitamin B12	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, heo con.	YLP-1

11. CÔNG TY HANGZHOU AN-T-MATE ANIMAL PHARMACEUTICAL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Florcol inj	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, heo.	HAP-1

12. CÔNG TY AETHER CENTRE(BEIJING) BIOLOGY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Centre-Dicox (Diclazuril 2.5% Oral Solution)	Diclazuril	Chai	100; 500ml; 1lit	Trị cầu trùng trên gia cầm.	ACB-1

2.	Centre-Toltr (Toltrazuril 2.5% Oral Solution)	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1lit	Phòng và trị cầu trùng trên lợn con, gia cầm.	ACB-2
3.	Centre-Enrox injection 10% (Enrofloxacin injection 10%)	Enrofloxacin	Chai	100ml; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	ACB-3
4.	Centre-Oxyte (Oxytetracycline 20% LA Injection)	Oxytetracycline	Chai	100ml; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng da, tiết niệu-sinh dục, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm	ACB-4
5.	Centre-Gentdox	Doxycycline hyclate, Gentamycine sulfate	Gói, Bao	100g; 250g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	ACB-5

13. CÔNG TY WEIFANG PREMIER ANIMAL PHARMACEUTICAL INDUSTRIES

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Amoxicillin 300	Amoxicilline; Bromhexin	Lon	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên gia súc, gia cầm	WPA-1
2.	Doxycycline 200	Doxycycline hydrochloride	Hộp	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	WPA-2
3.	AMPICOL	Ampicillin, Colistin Sulfate	Hộp	100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	WPA-3

CHI LÊ

1. CÔNG TY LABORATORIO CENTROVET LTDA

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Enromic 10%	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, phổi, viêm vú, viêm từ cung, cho trâu, bò, lợn, cừu, dê, chó, mèo	LACE-1
2.	Supervitasol w.s.p	Vitamin A, C, D3, E, B1, B2, B3, B5, B6, B12, K, Biotin, điện giải, Folic aid.	Chai	20;50;100; 250; 500g; 1kg.	Phòng và trị các chứng thiếu vitamin	LACE-3
3.	Fipronil 0,25%	Fipronil, Povidone	Bình xịt	50; 100ml	Trị ngoại ký sinh trên chó, mèo	LACE-4
4.	Rexolin plus	Fipronil; S-methoprene	Hộp	3 tuýp (tuýp: 0,7; 1,3; 2,7; 4,0ml)	Diệt bọ chết, ve trên chó	LACE-5
5.	Ehliquantel	Praziquantel	Hộp	50 viên/hộp	Trị sán dây, giun tròn trên chó	LACE-6

BULGARIA
1. CÔNG TY BIOVET J.S.C

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột bệnh lý trên gia cầm, lợn.	BB-1
2.	Tiamulin HF	Tiamulin hydrogen fumarate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị những bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra	BB-2
3.	Rodotium 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá	BB-3
4.	Rodotium 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, lỵ, viêm khớp trên lợn, gia cầm.	BB-4
5.	Rodotium 80%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá	BB-5
6.	Flavomycin 40	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu bò	IT-97
7.	Flavomycin 80	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu bò	IT-98
8.	Salocin 120	Salinomycin	Bao	25kg	Tăng năng suất, tăng chuyển hóa thức ăn trên heo	IT-99
9.	Sacox 120	Salinomycin	Bao	25kg	Phòng bệnh cầu trùng gà	IT-100
10.	Tylovet 25% Granular	Tylosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, viêm màng hoạt dịch, viêm xoang truyền nhiễm, xoắn khuẩn vàng da xuất huyết trên gà; kiết lỵ trên heo.	BB-6
11.	Tilmovet 20% Granular Premix	Tilmicosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị viêm phổi trên heo.	BB-7
12.	Pharmasin WSG	Tylosin tartrate	Lọ, gói	110gr; 1, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm hồi tràng, viêm ruột hoại tử, viêm xoang truyền nhiễm trên heo, bê, gà.	BB-8
13.	Tylovet 10% Granular	Tylosin phosphate	Túi	1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm; trị lỵ trên heo.	BB-9
14.	Tilmovet 25% Oral Solution	Tilmicosin	Lọ	60; 240; 960ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, heo.	BB-10
15.	Hydrodoxx	Doxycycline (Hyclate)	Gói	1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn, gia cầm	BB-11

URUGUAY

1. CÔNG TY LABORATORIOS CALIER De URUGUAY, SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Tickamit 12.5	Amitraz	Bình	10; 20; 50; 60; 100; 250; 500ml; 1; 1,6l	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	CALIER-22

2. CÔNG TY LABORATORIOS MICROSOLES URUGUAY S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Hematomic Plus	Vitamin B12, Cobalt, Tryptophan, Histidine chlohydrate, L-Methionin, Iron, Arsenic, Phosphorus	Chai	10; 25; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị rối loạn liên quan đến những triệu chứng thiếu	LMU-1
2.	Ceftiomic	Ceftiofur	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	LMU-2
3.	Enromic 20% Oral	Enrofloxacin	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày -ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	LMU-3

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Vũ Văn Tám

MỤC LỤC

1. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
	THÀNH PHỐ HÀ NỘI					
1.	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)	88 - Trường Chinh - Phường Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8696243 091.3210744	04.8691263	1
2.	Công ty Cổ phần dược và vật tư thú y (HANVET)	88 - Trường Chinh - Phường Mai - Đống Đa - Hà Nội	ducluu@netnam.vn	04.8691156	04.8690097	11
3.	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh trì - Hà nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456		20
4.	Công ty TNHH Dược thú y Thăng Long	11A ngõ 76 - Lạc Long Quân - quân Tây Hồ - Hà Nội		04.7530706		25
5.	Công ty TNHH Thuốc thú y (PHAVETCO)	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908		27
6.	Công ty TNHH thú y Việt Nam	129, đường Yên lạc - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội	ngtlananh@yahoo.com	04.9783274 04.6362977		28
7.	Công ty Cổ phần thuốc thú y TWS (FIVEVET)	Khu Công nghiệp Hà Bình Phương, H. Thường Tín, Hà Nội		04.8531458 091.3210744		29
8.	Công ty TNHH Thú y xanh Việt Nam (Greenvet)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@ft.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388	39
9.	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phát triển chăn nuôi	Thôn Đồng Trì - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội		04.8695108		41
10.	Công ty TNHH Thuốc Thú y Miền Bắc	Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội VP: Số 107 - A12 - Phường Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8523616		43
11.	Công ty Cổ phần thuốc thú y Việt Anh	Cụm CN Liên Phường- Thương Tín- Hà Nội		04.6406213		44
12.	Công ty Cổ phần Hùng Nguyên	KCN Phường Chí Kiên, H. Mỹ Hào, T. Hưng Yên		0321.394803		51

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
13.	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường	VP: H10, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội. ĐCSX: Xóm 4, Giáp Tứ, Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8694629		58
14.	Công ty TNHH Năm Thái	23 Quốc Bảo, thị trấn Văn Điển, Thanh tri, Hà Nội		04.8532543 090.3445644	04.8532543	59
15.	Công ty Cổ phần Hải Nguyên	Thôn Chính Trung-Trâu Quỳ- Gia lâm - Hà Nội				66
16.	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu được thú y NASA	Tổ 20 Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8695074		68
17.	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Thú y	74-Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589		69
18.	Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương	Nguyễn Khê- Đông Anh- Hà Nội				71
19.	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh (Marphavet)	Mỹ Đình- Từ Liêm- Hà Nội				75
20.	Cty Cổ phần Provet Việt Nam	KCN Trung Trắc, H. Văn Lâm, Hưng Yên				87
21.	Công ty Cổ phần Dược phẩm xanh Việt Nam(Greenpharma)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388	89
22.	Công ty TNHH Vương Việt Anh	142 Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.6642908		90
23.	Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet Co)	Lô 28, Khu công nghiệp Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội		091.3597222 091.3555166	04.6610747	91
24.	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức -- Hà Nội		034.861337	034.861799	98
25.	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rttd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058		100
26.	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571		112

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
27.	Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội				114
28.	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y(BTV)	Biên Giang-TX.Hà Đông, Hà Nội				115
29.	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội		04.22811863		116
30.	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đất Việt	Dường Giải Phóng, Hà Nội				120
31.	Công ty Cổ phần Greenlab Việt Nam	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội				121
	HÙNG YÊN					
32.	Công ty TNHH Phát triển mạng lưới toàn Cầu Nam Dũng (Netde Co., Ltd)	Thôn Hành Lạc - Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpl.vn	091.3222327		123
	BẮC GIANG					
33.	Công ty TNHH Yan Wen Qìng Bắc Giang	Việt Tiến, H.Việt Yên- T.Bắc Giang				127
	THÁI BÌNH					
34.	Công ty TNHH Việt Trung	Khu III, TT. Hưng Hà, Thái Bình		01234733699		128
35.	Công ty thương mại và Đầu tư thuốc thú y Đông Nam Á	Đông Hưng, Thái Bình				129
	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG					
36.	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW1 - Chi nhánh Đà Nẵng	35F Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng				131
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH					
37.	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW(NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân - Quận I - TP HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060	131
38.	Công ty LD Bio-Pharmachemie	2/3 Tăng Nhơn Phú, Phước Long B, Quận 9 – TP. HCM	biopharmachemie@hcm.vnn.vn	08.7313490 08.7313698	08.7313488	133

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
39.	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê văn Sĩ - quận Tân Bình - TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155		150
40.	Công ty Cổ phần Dược thú y A No Va	KCN Long Cang, tỉnh Long An	saigonvet@gmx.net	08.7313547 08.7310239	08.7310704	151
41.	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021		166
42.	Cơ sở Sản xuất Dược thú y Khoa Nguyễn	5/22 Ấu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	veteject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08.8498550	168
43.	Công ty TNHH sản xuất thương mại 533	29 Đào Cam Mộc, P4, Q8, TP. Hồ Chí Minh		08.8503092	08.8505196	169
44.	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)	45/308D và 36/1G Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	sonavet@hcm.fpt.vn	08.9872697 08.9873617	08.9873618	169
45.	Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung	105/130 2A đường Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò Vấp, TP HCM	letrung126f105@hcm.vnn.vn	08.8951565 08.8444677		174
46.	Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh A	220 Phạm Thế Hiển-phường 2 -quận 8-TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035	174
47.	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị-phường 7-quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307		179
48.	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng	458 đường Cách mạng tháng Tám-phường 4-quận Tân Bình-TP HCM	golden-bear@hcm.vnn.vn ; khungoc79@hotmail.com	08.8443278 0913805777		183
49.	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269	187
50.	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Anpha	7/3 Giãnn Dân - Long Thạnh Mỹ-TP HCM	vuonglinhus@yahoo.com quanghuynnet@yahoo.com	08.7330074	08.7330074	193
51.	Công ty TNHH Quốc Minh	20/3 Tam Bình, KP8, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức - TP. HCM	quocminhcom@hcm.vnn.vn	08.72661443	08.7266799	195
52.	Cty TNHH Thương mại & SX dinh dưỡng thú y Nam Long	TP. Hồ Chí Minh				210

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
53.	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trùng – Nhị Bình – Hóc Môn – TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519	211
54.	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ	260/40 Đường Nguyễn Thái Bình, P12, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	dtnt_phucho@yahoo.com	0903644488		220
55.	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc Thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh – TP. HCM	nghepm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577	220
56.	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Thịnh Phát	Áp Cây Đa - xã Tân Phú Trung - huyện Củ Tr - TP. Hồ Chí Minh	thinhphatco@saigonnet.vn	08.8992621 08.790630	08.8405844	223
57.	Công ty TNHH thuốc thú y quốc tế Đông nghị (INVEI)	14G Phan Văn Trị - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	ngoc1234@hcm.vnn.vn ; invei@hcm.vnn.vn	08.8207994 08.8207995	08.8207996	223
58.	Công ty TNHH Kiến Vương	Lô 22, đường số 7, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh		08.37543624		225
59.	Công ty TNHH Noben	Thành phố Hồ Chí Minh				226
60.	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng	Thành phố Hồ Chí Minh				226
61.	Công ty TNHH sản xuất-thương mại Toba	Thành phố Hồ Chí Minh				226
62.	Công ty TNHH UV	Thành phố Hồ Chí Minh				228
63.	Cty TNHH thuốc thú y-Thủy Sản Hương Hoàng Nam	A9/54 Ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh				229
64.	Công ty Cổ phần CTCBIO Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh				234
TỈNH BÌNH DƯƠNG						
65.	Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Bình Dương	anova.bio@hcm.vnn.vn	0650.782770	0650.782700	234
66.	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Xã Uyên Hưng - huyện Tân Uyên - Bình Dương	bichnt@bayer.com.vn	08.7313424	08.8978840	248
67.	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng	Khu phố Khánh Hội, TT. Tân Phước Khánh, H. Tân Uyên, T. Bình Dương	minhdungcom@hcm.vnn.vn trongthienpn@yahoo.com	0650.790847 0903708833	0650.790849	251
68.	Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y SAPHA	134/46 Đông Hoà-Thuận An-Dĩ An-Bình Dương- TP HCM	safa@hcm.vnn.vn	0650.751403	0650.751063	265

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
	TỈNH TÂY NINH					
69.	Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A	Áp Suối Sầu, xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh		08.38373372	08.38379660	269
70.	Công ty TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A	Tỉnh Tây Ninh				277
	TỈNH ĐỒNG NAI					
71.	Công ty TNHH PROMIVI Việt Nam	238 Quốc lộ 1A - Phường Tân Hiệp - TP.Biên Hòa - Đồng Nai	nutriway@hcm.vnn.vn	061.884304 061.881489	061.884304 0913851554	283
72.	Công ty TNHH Virbac Việt Nam	Khu công nghiệp Song Máy, xã Bắc Sơn, Thông nhất, Đồng Nai	office@virbac.vnn.vn	08.8404629 091.3910101	08.8401260	284
73.	Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam	Đường số 6, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	phuongthao@virbac.vnn.vn	0613569993	0613569992	286
74.	Công ty TNHH TM-SX Việt Thọ	Lô A1, Đường số 4 khu CN Sông Máy, H.Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai		0613 674 880	0613 674 885	289
	TỈNH LONG AN					
75.	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803		295
76.	Công ty Cổ phần Interpharma	H.Đức Hòa, Tỉnh Long An		0723849179	072 3849567	297
	TỈNH TIỀN GIANG					
77.	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834		303
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ					
78.	Công ty SXKD Vật Tư và Thuốc thú y (VEMEDIM Cần Thơ)	Số 7 - đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	vemedim@hcm.vnn.vn vmd@hcm.vnn.vn	071.820703 071.820704	071.825853 071.825177	309
79.	Công ty TNHH Thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)	Số 151/18 - Trần Hoàng Na - thành phố Cần Thơ	thanhphongg@yahoo.com	071.839766 091.3870031	071.831525	331
80.	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaiken223@yahoo.com	071.834713 071.834921		335
81.	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại thuốc thú y 1/5	108/46/6D đường 30/4 - thành phố Cần thơ	haunp2002@yahoo.com	071.830385		337

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E-Mail	Điện thoại	Fax	Trang
82.	Công ty TNHH thuốc thú y 2-9	108/46/6B đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	nhung566@yahoo.com	071.833063 091.3829740		343
83.	Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu (sản xuất thuốc thú y 3-2)	130 Quốc lộ 1A - Phường Ba Láng - Quận Cầu Răng - Cần Thơ		071.913347 091.3973043		347
II. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI						
1.	Công ty TNHH TM thú y Tân Tiến	62/8-10-12 Bàu Cát - phường 13 - quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh		08.8493178		360
2.	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thiên Nguyễn	67/2 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	thung@hcm.netnam.vn	08.7173211 08.7173309	08.7173209	360
3.	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á.	220 Phạm Thế Hiển - phường 2-quận 8-TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035	360
4.	Công ty Cổ phần Dược thú y Cài Lây	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cài Lây - Huyện Cài Lây -- Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834 090.3817021		361
5.	Cty Liên doanh Guyomarch - VCN	Chèo-Thủy Phương-Từ Liêm-Hà Nội				361
6.	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn	14G Phan Văn Trị-phường 7-quận Gò Vấp, TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307		361
7.	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rttd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058		361
8.	Công ty TNHH Asialand Việt Nam	Số 24 đường 26, khu CN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương	asialandvn@asialandvn.com	0650728628		362
9.	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519	363

III. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU

TT	NHÀ SẢN XUẤT	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm	Trang
	ENGLAND			
1.	CÔNG TY ANUPCO	AP-44	32	364
2.	CÔNG TY TITHEBARN	TTUK-05	5	365
3.	CÔNG TY ECO ANIMAL HEALTH	ECO-07	7	366
4.	CÔNG TY SPECIAL T PRODUCT	SPT-8	8	366
5.	CÔNG TY MERIDEN ANIMAL HEALTH	MRD-03	2	367
6.	CÔNG TY GLOBE VET	GVE-3	3	367
	ARGENTINA			
7.	CÔNG TY CEVASA S.A	CEVA-43	41	367
8.	CÔNG TY PROAGRA S.A	PSA-9	6	371
9.	CÔNG TY VETANCO S.A	VTA-1	1	371
10.	CÔNG TY BEDSON S.A	BSA-4	4	371
11.	CÔNG TY ORGANIZACION VETERINARIA REGIONAL	OVR-4	4	372
	PERU			
12.	CÔNG TY PHARMADIX CORP	PCP-4		372
	INDIA			
13.	CÔNG TY ALEMBIC LIMITED	ALBI-2	2	373
14.	CÔNG TY AROSOL CHEMICAL PVT	ARSI-5	5	373
15.	CÔNG TY AYURVET LIMITED	DAL-6	6	373
16.	CÔNG TY CIPLA VETCARE	CIPLA-34	32	374
17.	CÔNG TY RFCL LIMITED	RBXI-7	6	376
18.	CÔNG TY VETOQUINOL INDIA ANIMAL HEALTH PRIVATE LTD	WVI-11	9	377
19.	CÔNG TY TETRAGON CHEMIE PVT. LTD	TETA-1	1	378
20.	CÔNG TY ASHISH LIFE SCIENCE PVT.LTD	ALS-4	4	378
21.	CÔNG TY VENKY'S(INDIA) LIMITED	VIL-4	4	378
22.	CÔNG TY VITAL THERAPEUTICS & FORMULATIONS PVT	VTF-1	1	379
23.	CÔNG TY SEQUENT SCIENTIFIC	SSL-8	8	379
24.	CÔNG TY VETLIFE PHARMACEUTICALS	VPI-4	4	380
25.	CÔNG TY INTERNATIONAL BIOLOGICALS	IBC-4	4	380

26.	CÔNG TY INTAS PHARMACEUTICALS	INP-2	2	380
27.	CÔNG TY P.V.S LABORATORIES	PVS-24	24	380
28.	CÔNG TY P.V.S ANIMAL HEALTH	PAH-3	3	382
29.	CÔNG TY ULTRA DRUGS	UDP-1	1	383
30.	CÔNG TY VETBIOCHEM INDIA	VBC-4	4	383
31.	CÔNG TY HARSHVARDHAN'S LABORATORIES	HLI-1	1	383
32.	CÔNG TY V.M.D.N.V	VMD-48	44	383
33.	CÔNG TY KELA LABORATORIA N.V	KELA-8	8	386
34.	CÔNG TY JANSSEN PHARMACEUTICA N.V	JSPB-3	1	387
35.	CÔNG TY TAMINCO NV	UCB-5	2	387
36.	CÔNG TY SANICO NV	SNV-1	1	387
BANGLADESH				
37.	CÔNG TY RENATA	RLB-12	12	387
CANNADA				
38.	CÔNG TY INTERFEED	ITF-4	4	388
EGYPT				
39.	CÔNG TY ADWIA	ADWIA-6	3	389
HUNGARY				
40.	CÔNG TY BIOGAL PHARMACEUTICAL WORKS LTD	BIOG-01	1	389
IRELAND				
41.	CÔNG TY FRANKLIN	FK-45	36	389
42.	CÔNG TY NORBROOK	NBR-8	7	391
43.	CÔNG TY UNIVET	UNIVET-5	5	391
44.	CÔNG TY BALLINSKELLIGS VETERINARY PRODUCTS (BVP Ltd)	BVP-4	4	392
SCOTLAND				
45.	CÔNG TY KILCO INTERNATIONAL	KILCO-6	1	392
TAIWAN				
46.	CÔNG TY CHINA CHEMICAL & PHARMACEUTICAL	CCP-4	1	392
47.	CÔNG TY RUEY SHYON PHARMACEUTICAL	RSPT-8	7	392
48.	CÔNG TY HUNG CHANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HCP-7	7	393
49.	CÔNG TY KASHIN MEDICINES Co.,Ltd	KCPT-12	5	393

	GERMANY				
50.	CÔNG TY BAYER AG		BYA-34, BE-7 và BYVK-07	26	394
51.	CÔNG TY BREMER		BM-14	11	396
52.	CÔNG TY BASF AKTIENGESELLSCHAFT		BASF-38	27	397
53.	CÔNG TY DEGUSSA HULS AG		DGSG-4 và DAB-5	5	398
54.	CÔNG TY LOHMANN ANIMAL HEALTH		LAH-10	10	399
55.	CÔNG TY MIAVIT NIEMEYER GmbH & Co.KG		MVI-1	1	399
56.	CÔNG TY ROTEX MEDICA GMBH		RTM-1	1	399
57.	CÔNG TY KAIMIGHT CHEMICAL AND PHARMACEUTICAL		KCPT-11	10	400
58.	CÔNG TY XVET GmbH		XVE-5	5	400
	NETHERLAND				
59.	CÔNG TY AKZONOBEL CHEMICALS B.V		ANC-3	3	401
60.	CÔNG TY DUTCHFARM VETERINARY PHARMACEUTICALS B.V		DUTCH-28	25	401
61.	CÔNG TY EUROVET ANIMAL HEALTH B.V		ERV-24	19	404
62.	CÔNG TY INTERVET		IT-153	37	405
63.	CÔNG TY INTERCHEMIE WERKEN "DE ADELAAR" B.V		ICW-76	68	407
64.	CÔNG TY KEPRO B.V		KEPRO-16	16	412
65.	CÔNG TY ALFASAN INTERNATIONAL B.V		AFSI-13	11	413
66.	CÔNG TY POLYMIX B.V		PLM-9	4	414
67.	CÔNG TY FRANKLIN PRODUCTS INTERNATIONAL		FKH-5	2	414
68.	CÔNG TY VETIMEX ANIMAL HEALTH B.V		VTMH-1	1	415
69.	CÔNG TY TEGOFARM B.V		BMN-3	1	415
70.	CÔNG TY PANTEX B.V		PH-7	7	415
	POLAND				
71.	CÔNG TY VETOQUINOL-BIOWET PHARMACEUTICAL		BIOWET-4	4	416
	KOREA				
72.	CÔNG TY CHOONG ANG BIOTECH		CAC-25	19	416
73.	CÔNG TY DAE SUNG MICROBIOLOGICAL LABS.CO., LTD		DAS-25	19	417
74.	CÔNG TY EAGLE CHEMICAL		EAG-25	16	419
75.	CÔNG TY KOMIPHARM INTERNATIONAL Co.,Ltd		KMB-26	19	420
76.	CÔNG TY SAMYANG ANIPHARM		SPC-48	35	421

77.	CÔNG TY YOONEE CHEMICAL	YCK-4	2	425
78.	CÔNG TY NAMJON	NJK-3	3	425
79.	CÔNG TY SHINIL BIOGEN Co.,LTD	SIL-30	24	425
80.	CÔNG TY DEA HAN NEW PHARM	DHK-6	6	427
81.	CÔNG TY GREEN GROSS VETERINARY PRODUCTS	GGVK-26	20	427
82.	CÔNG TY SAMU MEDIAN	SAMU-24	19	429
83.	CÔNG TY WOOGENE B&G	WG-11	11	431
84.	CÔNG TY LG LIFE SCIENCES - KOFAVET SPECIAL INC	LKG-05	5	432
85.	CÔNG TY CTC BIO INC	CTC-14	12	432
86.	CÔNG TY DAONE CHEMICAL	DOC-12	12	433
87.	CÔNG TY DONGBANG	DOB-15	12	434
88.	CÔNG TY SF	SFK-3	3	435
89.	CÔNG TY HANDONG	HDK-14	13	435
90.	CÔNG TY Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP)	KPN-6	4	437
91.	CÔNG TY ELT Science Corporation	ELT-1	1	437
92.	CÔNG TY UNIBIOTECH	UNI-5	5	437
93.	CÔNG TY APS	APS-7	7	438
94.	CÔNG TY Cheil Bio	CBC-12	12	438
CZECH REPUBLIC				
95.	CÔNG TY BIOVETA, A.S	BVTC-7	3	439
INDONESIA				
96.	CÔNG TY P.T.SURYA HYDUP SATWA	SHS-03	1	440
97.	CÔNG TY P.T. MEDION	MDI-60	35	440
MALAYSIA				
98.	CÔNG TY Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD	YSPM-51	42	443
99.	CÔNG TY PHIBRO ANIMAL HEALTH	PBAM-04	4	446
100.	CÔNG TY SUNZEN CORPORATION SDN BHD	SZS-5	5	446
101.	CÔNG TY NOVA LAB SHD.BHD	NOVA-11	11	447
102.	CÔNG TY PAHANG PHARMACY SDN.BHD	PPM-8	7	448
UNITED STATE OF AMERICA (USA)				
103.	CÔNG TY ARCHER DANIELS MILDLAND (ADM)	ADM-3	3	448

104.	CÔNG TY BIOPRODUCTS-INC		BPD-4	2	448
105.	CÔNG TY ELANCO ANIMAL HEALTH		EC-24	23	449
106.	CÔNG TY INTERNATIONAL NUTRITION		IN-43	24	450
107.	CÔNG TY MED PHARMEX		MPM-4	4	453
108.	CÔNG TY AGRIPHARM		RXV-8	5	453
109.	CÔNG TY FORT DODGE ANIMAL HEALTH		SAH-18, FDA-20, SVI-1	5	453
110.	CÔNG TY ALPHARMA		ALP-19	11	454
111.	CÔNG TY ZOETIS		PFU-91	28	455
112.	CÔNG TY AMERICAN VETERINARY LABORATORIES INC (A.V.L)		AVL-2	1	456
113.	CÔNG TY NEPERA, INC		NPRU-1	1	457
114.	CÔNG TY WESTERN YEAST COMPANY		WYU-1	1	457
115.	CÔNG TY SCHERING-PLOUGH ANIMAL HEALTH CORPORATION		MKV-21	4	457
116.	CÔNG TY AMECO- BIOS		ABU-4	1	457
117.	CÔNG TY LABORATORIOS REVEX DE VENEZUELA C.A.	VENEZUELA	LRV-05	4	457
118.	CÔNG TY ASAHI VET JAPAN	JAPAN			
119.	CÔNG TY DAIICHI FINE CHEMICAL CO., LTD		ASA-3	3	458
120.	CÔNG TY MEIJI SEIKA KAISHA		FUJI-3	2	458
121.	CÔNG TY SCIENTIFIC FEED LABORATORY		MJ-2	2	458
122.	CÔNG TY TAKEDA CHEMICAL INDUSTRIES		SS-5	2	458
123.	CÔNG TY KOHJIN CHEMICAL		TKD-3	1	459
124.	CÔNG TY KAKEN PHARMACEUTICAL CO.,LTD		KOC-1	1	459
125.	CÔNG TY KURARAY CO., LTD		KKP-1	1	459
126.	CÔNG TY KYORITSU SEIYAKU		KRRJ-1	1	459
127.	CÔNG TY BOMAC LABORATORIES	NEW ZEALAND	KSC-3	2	459
128.	CÔNG TY JUROX Pty Limited	AUSTRALIA	BLL-14	7	460
129.	CÔNG TY TROY LABORATORIES PTY		JPL-7	5	460
			TROY-3	2	460

FRANCE				
130.	CÔNG TY DOXAL	DA-7	3	461
131.	CÔNG TY GUYOMARCH - VCN	GUY-4	3	461
132.	CÔNG TY MIERAL (RHÔNE MERLIEUX-RHÔNE POULENC)	MRA-216	42	461
133.	CÔNG TY NOE SOCOPHARM	NOEF-12	11	463
134.	CÔNG TY CEVASANTE ANIMALE	SNF-81	19	464
135.	CÔNG TY VETOQUINOL	VQ-47	33	465
136.	CÔNG TY VIRBAC	VB-63, AV-25	23	467
137.	CÔNG TY ADISSEO	ADSF-90	28	468
138.	CÔNG TY LABORATORIES BIOVÉ	BIOVE-24	18	470
139.	CÔNG TY EVIALIS (FRANVET)	FRAN-6	5	471
140.	CÔNG TY LABORATOIRE BIARD	BA-19	11	472
141.	CÔNG TY INOUKO GENERICS	ING-5	5	472
142.	CÔNG TY COOPHAVET	COO-13	13	473
143.	CÔNG TY QALIAN	LFR-2	2	474
PAKISTAN				
144.	CÔNG TY STAR LABORATORIES	SLP-8	8	475
145.	CÔNG TY ALINA COMBINE PHARMACEUTICALS	ACP-7	7	475
ITALY				
146.	CÔNG TY ASCOR CHIMICI S.R.L (ITALY)	ACC-6	5	476
147.	CÔNG TY GELLINI INTERNATIONAL S.R.L	GIH-06	6	476
148.	CÔNG TY SINTOFARM S.P.A	STFY-1	1	477
149.	CÔNG TY CHEMIFARM S.P.A	CSI-6	6	477
150.	CÔNG TY INDUSTRIA ITALIANA INTEGRATORI TREI S.P.A	ITT-1	1	477
SINGAPORE				
151.	CÔNG TY DIASHAM RESOURCES PTE	DSRS-7	7	478
152.	CÔNG TY ZAGRO SINGAPORE PTE	ZEL-25	19	478
SPAIN				
153.	CÔNG TY CENAVISA S.A LABORATORIOS	CLS-13	12	479
154.	CÔNG TY LABORATORIES HIPRA S.A	HP-46	18	480

155.	CÔNG TY S.P VETERINARIA, S.A		SPV-31	26	481
156.	CÔNG TY INVESTIGACIONES QUIMICAS Y FARMACEUTICALS		IQF-2	1	482
157.	CÔNG TY TAV VETERINARIA S.L		TAV-15	14	483
158.	CÔNG TY INVESA INTERNATIONAL S.A		IIS-34	30	484
159.	CÔNG TY MEVET, S.A		MV-1	1	486
160.	CÔNG TY LABORATORIOS SYVA S.A		SYVAS-11	11	487
161.	CÔNG TY LABORATORIOS CALIER, S.A.		CALIER-21	16	488
162.	CÔNG TY S.H.IBERICA S.A		PHIS-1	1	489
163.	CÔNG TY DIVASA FARMMAVIC		DIVA-8	8	489
164.	CÔNG TY LABORATORIOS MAYMO		LMMA-4	4	490
165.	CÔNG TY LABORATORIOS KARIZOO		LKS-1	1	490
166.	CÔNG TY LABORATORIOS LAMONS S.A		LLS-8	6	490
167.	CÔNG TY LABORATORIOS OVERJERO		LOS-2	2	491
	THAILAND				
168.	CÔNG TY AJINOMOTO		AJN-1	1	491
169.	CÔNG TY BETTER PHAMA		BP-42	36	491
170.	CÔNG TY THAI MEIJI PHARMACETICAL CO., LTD		MIT-9	7	494
171.	CÔNG TY THAI P.D CHEMICALS		THAI-9	7	494
172.	CÔNG TY INTERTHAI PHARMACEUTICAL MANUFACTURING		THAI-5	2	495
173.	CÔNG TY MACROPHAR		MCP-12	13	495
174.	CÔNG TY OLIC		OLIC-01	1	496
175.	CÔNG TY POLIPHARM		PLPT-01	1	496
176.	CÔNG TY T.P. DRUG LABORATORIES		TPDT-7	7	496
177.	CÔNG TY WELLAB INTERNATIONAL		WELL-3	3	497
178.	CÔNG TY BANGKOK LAB AND COSMETIC CO, LTD		BAC-5	5	497
179.	CÔNG TY THAI PROGRESS FEED		TPF-02	2	498
180.	CÔNG TY THAINAOKA PHARMACEUTICAL LTD		BTP-22	22	498
181.	CÔNG TY ANIMAL SUPPLEMENTS		ASC-7	7	500
182.	CÔNG TY GENERAL DRUGS HOUSE CO, LTD		GDH-7	5	500
183.	CÔNG TY NUTRICHEMS		NCT-11	9	501
184.	CÔNG TY NOVA MEDICINE		NMC-13	13	502
185.	CÔNG TY L.B.S LABORATORY		LBS-10	8	503

186.	CÔNG TY PHARMATECH	PHT-18	18	503
187.	CÔNG TY Advance Pharma	APT-4	2	504
188.	CÔNG TY Vesco Pharmaceutical	VPC-3	3	505
189.	CÔNG TY The Mediopharma	MEP-3	3	505
190.	THỤY ĐIỂN (SWITZERLAND) CÔNG TY DR TEZZA S.R.L	AZN-01	1	505
191.	THỤY SỸ (SWISS) CÔNG TY FINALOR AG	HLR-33	23	505
192.	CÔNG TY NOVARTIS CONSULTING AG	NVT-19; CGN-21; SD-6	26	507
193.	TURKEY CÔNG TY PROVET VETERINARY PRODUCTS	PVP-18	18	509
194.	CÔNG TY VILSAN Veteriner Ilacleri Tic.San.A.S	VST-12	13	510
195.	ALGERIA CÔNG TY Algerian Animal Health Products Laborato	AAH-4	4	511
196.	CHINA CÔNG TY FUZHOU FUXIN PHARMACEUTICAL	FFPC-01	1	511
197.	CÔNG TY ZHEJIANG NHU	ZN-5	5	512
198.	CÔNG TY ZHUMADIAN HUAZHONG CHIA TAI CO.,	ZCT-2	2	512
199.	CÔNG TY ZHANJIAN BAOSHENGUANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	ZBP-5	5	512
200.	CÔNG TY HEBEI YUANZHENG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HYP-9	9	513
201.	CÔNG TY ZHEJIANG HISUN PHARMACEUTICAL CO., LTD	TKD-2	2	513
202.	CÔNG TY HEBEI SHENGXUE DACHENG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HSD-1	1	514
203.	CÔNG TY ZHEJIANG APELOA KANGYUBIO PHARMACEUTICAL CO., LTD	ZAK-1	1	514
204.	CÔNG TY PUCHENG LIFICOME BIOCHEMISTRY	PLB-2	2	514
205.	CÔNG TY YANTAI LUYE ANIMAL HEALTH PRODUCTS	YLP-1	1	514
206.	CÔNG TY HANGZHOU AN-T-MATE ANIMAL PHARMACEUTICAL	HAP-1	1	514
207.	CÔNG TY AETHER CENTRE(BEIJING) BIOLOGY	ACB-5	5	514
208.	CÔNG TY WEIFANG PREMIER ANIMAL PHARMACEUTICAL INDUSTRIES	WPA-3	3	515
209.	CHILE CÔNG TY LABORATORIO CENTROVET LTDA	LACE-6	5	515

		BULGARIA			
210.	CÔNG TY BIOVET J.S.C		BB-11	15	516
		URUGUAY			
211.	CÔNG TY LABORATORIOS CALIER DE URUGUAY, SA		CALIER-22	1	517
212.	CÔNG TY LABORATORIOS MICROSOLES URUGUAY S.A		LMU-3	3	517